



THÔNG

LUẬN

ISSN 1145-9557

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web: <http://www.thongluan.org> □ Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Thư đầu năm

Việt Nam tự hậu và mất định hướng trước ngưỡng cửa thế kỷ 21

Trước thềm năm dương lịch 1999, chúng tôi xin gửi đến quý độc giả và thân hữu lời cầu chúc một năm mới an khang và thịnh vượng. Nhân dịp này chúng tôi xin chân thành cảm tạ các thân hữu xa gần, trong và ngoài nước, về các đóng góp tinh thần cũng như vật chất quý báu cho tờ báo. Nhờ những đóng góp đó, Thông Luận tiếp tục giữ được vai trò của một diễn đàn chính trị, góp phần vào công cuộc tranh đấu chung cho tự do, dân chủ và nhân quyền của người Việt.

Năm tới là năm cuối cùng của thiên niên kỷ thứ hai nhưng đất nước ta vẫn còn ở trong tình trạng chậm tiến và lạc hậu về mọi mặt. Người dân Việt vẫn chưa được hưởng những nhân quyền căn bản như tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận, tự do tư tưởng thì nói chi đến quyền sống với nhân phẩm và trách nhiệm? Tình trạng này day dứt lương tâm những người Việt còn quan tâm đến tiền đồ của đất nước và đòi hỏi chúng ta phải nhận rõ các bế tắc hầu tìm ra cách giải quyết thực tế và hữu hiệu. Trong lá thư đầu năm nay chúng tôi xin được trình bày với quý độc giả và thân hữu những suy tư của chúng tôi về vấn đề này.

Chuyển biến của phong trào dân chủ

Về phía những người dân chủ Việt Nam, năm 98 được đánh dấu bằng một thắng lợi rõ rệt và nhiều bước tiến khả quan ở trong và ngoài nước. Thắng lợi rõ rệt là việc Đảng Cộng Sản, trước những áp lực của các nước dân chủ Âu Mỹ, đặc biệt là của Hoa Kỳ và Pháp, đã phải nhượng bộ, thả một số tù nhân chính trị trong tháng 9 và tháng 11 năm 1998. Những áp lực này chỉ có được nhờ sự vận động dư luận quốc

tế, từ nhiều năm qua, của các tổ chức tranh đấu cho dân chủ và nhân quyền của người Việt ở hải ngoại cũng như của các cơ quan quốc tế về nhân quyền. Những tù nhân lương tâm nổi tiếng như giáo sư Đoàn Viết Hoạt, bác sĩ Nguyễn Đan Quế, hòa thượng Thích Quảng Độ, thượng tọa Thích Tuệ Sỹ, thượng tọa Thích Trí Siêu... đã là những biểu tượng quý giá về dũng cảm và kiên cường của người Việt. Sự kiện họ được phóng thích không những là một niềm vui chung cho những người dân chủ Việt Nam mà còn là một bước tiến quan trọng cho công cuộc tranh đấu trong những tháng năm sắp tới.

Bước tiến rõ nét thứ hai, về mặt tư duy của những người mong muốn dân chủ ở trong Đảng Cộng Sản, là "thiên bút ký thổ lộ nỗi niềm" của tướng Trần Độ, viết vào cuối tháng 9-98. Với tuổi tác, uy tín và thành tích trước đây của ông, "một người 76 tuổi đời, 58 tuổi Đảng", Đảng Cộng Sản khó có thể chụp mũ cho ông là phản động, mưu cầu tư lợi hay phục vụ cho một "thế lực ngoại bang". Trong bài viết dài 17 trang, ông Trần Độ đặt lại hai vấn đề nền tảng của chế độ cộng sản. Đó là vấn đề đấu tranh giai cấp và nguyên tắc tổ chức cùng với phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng Sản. Qua những kinh nghiệm sống ông đã phân tích nguyên do và những hậu quả vô cùng tai hại cho xã hội và đất nước của việc áp dụng "chủ nghĩa lý lịch" và của "đường lối công nông" sau khi hòa bình đã trở lại trên đất nước vào năm 1975. Chính sách đó đã chia rẽ người Việt vì cách phân biệt đối xử tùy tiện, bất công và đưa đến tình trạng khinh rẽ giới trí thức và văn nghệ sĩ.

Chính sách đó đã tiêu hủy tài năng và trí tuệ của đất nước. Về việc tổ chức Đảng và xã hội ông nhận xét rằng "Cái tập trung dân chủ sống trên nền tảng tâm lý tiểu nông và tâm lý tôn ti trật tự của xã hội phong kiến thì lại càng có sự biến dạng và phát triển mặt trái nhiều hơn". Và đi đến nhận định "Nghĩ đi nghĩ lại, tôi vẫn thấy những ý tưởng 'chuyên chính vô sản', 'lãnh đạo toàn diện, triệt để', 'chính trị là thống soái'... tất yếu dẫn đến một xã hội không dân chủ, không có tự do, luôn luôn tự hậu, đầy sự bịt bùng và ngu dốt, không có tiền đồ hoặc tiền đồ rất nguy hiểm". Trong câu kết của thiên bút ký ông chủ trương rằng "đổi mới là dân chủ hóa trong Đảng cũng như dân chủ hóa toàn xã hội. Phải quan niệm như vậy và hành động đúng như vậy".

Giá trị bài viết của ông Trần Độ không phải ở những phân tích đặc biệt về chế độ cộng sản hay ở những tư tưởng mới về dân chủ nhưng ở sự chân tình thể hiện tư cách của một con người yêu nước, trung thực, đến cuối đời vẫn còn trần trụi với tiền đồ của dân tộc. Bài viết cuối năm 97 và thiên bút ký này, mặc dầu bị Đảng ngăn cấm, đã được phổ biến ngầm ở trong nước và được đón nhận trân trọng và rộng rãi ở hải ngoại. Tác động tích cực của các bài viết của ông Trần Độ là gây thông cảm, góp phần xóa nhòa nghi kỵ giữa những người tranh đấu cho dân chủ ở trong và ngoài Đảng, mở rộng phong trào đòi nhân quyền và dân quyền. Điều đáng mừng là số người đòi hỏi dân chủ hóa Đảng hay cao hơn nữa, dân chủ hóa cả chế độ mỗi ngày một nhiều và dưới những hình thức đa dạng, bất chấp những thủ đoạn trấn áp của

công an. Từ đơn khiếu nại các lạm quyền của quan chức Nhà Nước, đơn kiện vì bất công oan ức, thư chất vấn các "ông lớn" về tội tham nhũng, của quyền đến các bài viết sâu sắc của các trí thức như các ông Nguyễn Thanh Giang, Nguyễn Ngọc Lan, Hà Sĩ Phu, Bảo Cự, Lữ Phương..., phong độ bất khuất của nhà thơ Bùi Minh Quốc, nhà văn Dương Thu Hương..., thái độ an nhiên tự tại tranh đấu cho tự do tín ngưỡng của linh mục Chân Tín, hòa thượng Thích Quảng Độ... Trong tương lai gần có nhiều dấu hiệu là sẽ có sự nhập cuộc của sinh viên, của các tổ chức tôn giáo và các thành phần lao động.

Về mặt tư tưởng, 1998 cũng là năm đánh dấu sự phá sản của những "lý thuyết" về "giá trị A Châu", theo đó, phát triển kinh tế không cần đi đôi với dân chủ và nhân quyền của người Á Đông khác với người Âu-Mỹ. Ngay biện đầu đã bị tình trạng khủng hoảng kinh tế trầm trọng tại các nước Đông Á phủ nhận. Tính phổ quát của nhân quyền được toàn thể các học giả và tuyệt đại đa số các nước trên thế giới long trọng xác nhận trong những lễ kỷ niệm 50 năm của Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền. Do đó từ ít lâu nay "lý thuyết" trên không được nhắc tới nữa. Mặt khác, các nước hiện có khả năng thoát dần khỏi tình trạng khủng hoảng như Nam Hàn, Thái Lan là những nước đã biết dân chủ hóa hơn nữa để có thể huy động nội lực. Còn những nước mà giới lãnh đạo độc tài còn ngoan cố như Nam Dương, Mã Lai thì đang chìm sâu xuống khủng hoảng, máu lửa và bất ổn về xã hội. Một số trí thức và nhiều nhà làm ăn buôn bán với Việt Nam cũng đã chia sẻ "lý thuyết" trên. Họ cho rằng vì không có lực lượng chính trị nào khác ngoài Đảng Cộng Sản nên cứ để phát triển kinh tế trước đã rồi sau này dần dần sẽ có dân chủ. Một vài người còn lập luận rằng tham nhũng là hiện tượng bình thường nếu không muốn nói là cần thiết trong quá trình phát triển kinh tế. Quan điểm như vậy đã kéo dài trong mấy năm vừa qua cho đến khi tham nhũng, của quyền của chế độ độc tài trở thành quốc nạn và đạt tới mức độ cực kỳ nghiêm trọng. Không những nó đã chặn đứng phát triển, làm giới đầu tư ngoại quốc và Việt kiều chán nản rời khỏi Việt Nam mà còn gây thêm những tệ nạn xã hội dài hạn như nạn xì ke, ma túy, điếm, thói quen lường gạt, coi thường luật lệ, đạo

lý... Tác động tiêu cực của quan điểm "duy kinh tế" là, vô tình hay cố ý, nó đã cản trở sự phát triển của xu hướng dân chủ và nhân quyền trong một thời gian. Ngoài ra, ý kiến cho rằng không cần tranh đấu chỉ cần chờ đợi phát triển rồi "tự nhiên" sẽ có một lực lượng chính trị đối lập là một câu nói đùa nếu không thì thật là vô trách nhiệm. Chính quyền Việt Nam chẳng hạn đã luôn luôn cấm đoán, kiểm soát tất cả mọi tổ chức dân sự. Ngay cả đối với các tổ chức tôn giáo họ cũng chia rẽ bằng cách lập ra các giáo hội "quốc doanh" thì nói chi đến các tổ chức chính trị? May thay các lối "đùa" kiểu này đã mất dần cùng với những ảo vọng thu được lợi nhuận dễ dàng về kinh tế hay thương mại.

Những sự kiện thực tế cũng đã phủ nhận ý kiến cho rằng bầu cử tự do dân chủ sẽ đưa tới hỗn loạn vì trình độ dân trí thấp kém của Việt Nam. Nhiều cuộc bầu cử đã xảy ra trên thế giới trong năm qua, trong đó đặc biệt có cuộc bầu cử tương đối tự do nhờ có giám sát quốc tế ở Kampuchia. Cuộc bầu cử này đã thành công và đã buộc các phe phái phải tiến tới một chính phủ liên hiệp mặc dù phe thân Việt Nam của ông Hun Sen nắm hoàn toàn bộ máy hành chính, cảnh sát và quân đội. Thật khó có thể cho rằng trình độ dân trí của Kampuchia cao hơn Việt Nam để biện hộ cho ý kiến có tính chất tiêu cực nếu không muốn nói là quá giống quan điểm trước đây của thực dân. Không kể những kẻ vì mưu đồ riêng đã cố tình lập luận như thế, những người thành thực chia sẻ ý kiến trên có thể là những người chưa thật sự tin vào dân chủ. Có người chỉ muốn các bầu cử dân chủ khi có nhiều khả năng được bầu theo ý của mình. Thế thì có khác gì "Đảng cử dân bầu"? Chúng tôi tin chắc rằng người dân Việt Nam có thừa khả năng và sáng suốt để chọn lựa, qua bầu cử tự do, những người đại diện cho mình. Hơn thế nữa, xây dựng dân chủ là một quá trình lâu dài nếu không bắt đầu thì phải chờ đợi đến bao giờ?

Một điều phấn khởi đáng lưu ý nữa là sự liên lạc giữa các báo chí, các cơ quan truyền thông, mạng lưới tin điện và sự kết hợp hành động giữa các tổ chức tranh đấu cho tự do, dân chủ và nhân quyền của người Việt ở hải ngoại đang tiến triển trên những căn bản lành mạnh của tinh thần hỗ tương và đa nguyên. Phương

thức tranh đấu chính trị đã được sự tán đồng của đa số và những tranh chấp gay gắt về đường lối gần như không còn nữa. Nhu cầu kết hợp giữa trong nước và ngoài nước, trong Đảng và ngoài Đảng trở thành hiển nhiên.

Tóm lại xu hướng dân chủ ôn hòa đã thắng thế ở hải ngoại và có lẽ hiện đã chiếm đa số ở quốc nội nhưng vì bị đàn áp nên chưa có điều kiện để tổ chức, kết hợp như ở hải ngoại. Trở ngại lớn nhất và khó nhất của công cuộc dân chủ hóa đất nước là phe cánh bảo thủ ở trong Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Những điểm mạnh và điểm yếu của phe độc tài, bảo thủ

Phe độc tài, bảo thủ tuy thiếu số nhưng nắm những chức vụ then chốt trong Đảng vì họ đã gạt được dần, từ thời Lê Đức Thọ, những đảng viên lương thiện ra khỏi những chức vụ có thực quyền. Đảng này là một tổ chức quyền lực tập trung dựa trên quân đội và có một bộ máy đàn áp khổng lồ là công an, cảnh sát. Họ nắm giữ chặt chẽ bộ máy thông tin tuyên truyền, cố tình giữ nguyên tình trạng dân trí thấp kém về nhận thức chính trị để đổ lỗi những thất bại vì tài dở, bất tài của họ cho những "thế lực ngoại bang", cho "bọn phản cách mạng". Ý thức hệ Mác-Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ là những lý cơ giả dối để bịt miệng những đảng viên lương thiện, để che giấu tham vọng quyền lực. Những phát biểu và hành động của họ lộ rõ là họ không hề tin vì không hiểu biết gì ngoài một vài từ ngữ, khẩu hiệu đã lỗi thời nhưng có lợi cho việc củng cố quyền lực của họ. Mặc dù không còn lý tưởng, ngoài bộ máy trấn áp, điểm mạnh khác của bốn đảng cộng sản cầm quyền còn sót lại trên thế giới (Trung Quốc, Việt Nam, Cuba và Bắc Triều Tiên) là việc họ vẫn dùng ý thức hệ để đồng hóa đảng với Nhà Nước. Từ đó, những tài nguyên của đất nước thay vì được dùng để nâng cao đời sống của dân chúng, Đảng Cộng Sản lại dùng để củng cố phe phái trong Đảng. Kỷ luật và quyền lợi được phân phối như những tổ chức mafia. Khác biệt với những mafia thường thấy là tầm vóc của họ lớn hơn và họ không những ngồi trên luật lệ mà còn có thể làm ra luật lệ "chính thức" để bắt dân phải theo. Vì không có chọn lựa nào khác, rất nhiều người Việt Nam phải ở trong những cơ chế và phải liên lụy ít nhiều với Đảng Cộng Sản. Tóm lại sức

manh của họ dựa trên tiền của và bạo lực. Những nhược điểm của phe độc tài, bảo thủ theo chúng tôi như sau:

Đầu tiên là việc tranh quyền giữa các phe phái mỗi khi bắt buộc phải thay đổi lãnh đạo vì những lãnh đạo cao cấp quá già hay chết bệnh. Những người mới lên thay thế không có tính chất chính thống mà chỉ là phản ảnh của các tương quan lực lượng giữa các phe phái trong Đảng. Mọi việc gần như bị tê liệt cho tới khi những người này củng cố được quyền lực hay bị đào thải. Trong khi khủng hoảng kinh tế ở Đông Á đòi hỏi ở giới lãnh đạo những quyết định cải tổ cơ cấu nhanh chóng và quan trọng thì Việt Nam ở trong tình trạng chuyển tiếp quái dị của các chế độ cộng sản. Do đó trách nhiệm của phe độc tài, bảo thủ là đã để mặc cho đất nước tụt hậu.

Nhược điểm thứ hai là tình trạng kinh tế, xã hội chần chẫn suy sụp, bi đát trong những năm tới. Chính sách "đổi mới" về kinh tế nhưng giữ vững chế độ độc tài toàn trị của Đảng đã đi tới giới hạn của nó nghĩa là bế tắc sau vài năm có tiến bộ về mặt vật chất nhưng với cái giá đắt là sa đọa, bất công, tha hóa về những mặt khác của xã hội. Đảng không còn khả năng để đối phó với nạn tham nhũng, cửa quyền hầu gây lại lòng tin của nhân dân đối với chế độ. Trong những năm qua việc nhập cảng, đầu tư bù lại đã cho phép các đảng viên có chức, có quyền, tham nhũng, buôn lậu để làm giàu một cách phi pháp và ăn chơi sa đọa. Từ hơn một năm nay các hãng ngoại quốc tiếp tục rút ra vì thấy đã mất tiền quá nhiều cho tham nhũng và vì khả năng làm ăn ở Việt Nam thấp kém. Mặt khác, về đường lối phe bảo thủ luẩn quẩn trong mâu thuẫn giữa "kinh tế thị trường" và "định hướng xã hội chủ nghĩa", mặc dù từ nhiều năm qua đã có rất nhiều khuyến cáo của các chuyên gia ngoại quốc và Việt Nam cũng như áp lực ngày một mạnh của các cơ quan tài chính quốc tế. Đảng không có khả năng làm công việc này vì từ bỏ "định hướng xã hội chủ nghĩa" đối với phe bảo thủ, độc tài đồng nghĩa với việc từ bỏ quyền "lãnh đạo toàn diện, triệt để" mà họ đã cướp được. Những tranh đấu đòi quyền sống, đòi cơm ăn, áo mặc vì tình trạng tụt hậu của kinh tế tất nhiên sẽ phát triển trong những năm tới.

Nhược điểm thứ ba của phe bảo thủ là sự lệ thuộc kinh tế vào các cơ quan tài chính quốc tế, vào các cường quốc mà ở đó trào lưu bảo vệ dân chủ và nhân quyền

của cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại và của các cơ quan quốc tế có thể làm áp lực, không cho phép các nhà cầm quyền độc tài tự tiện bỏ tù, đàn áp như thời trước.

Nhược điểm thứ tư của phe bảo thủ là bộ máy tuyên truyền của Đảng không còn hữu hiệu như thời còn khối cộng sản. Lý do chính là vì quan hệ giữa người Việt Nam ở trong nước với người ngoại quốc và với người Việt ở hải ngoại đã tăng lên bội phần so với thời cách đây năm, mười năm. Nhờ những quan hệ và liên lạc đó và nhờ những tiến bộ vượt bậc của kỹ thuật truyền thông hiện đại, nhiều người đã nhìn rõ cái tồi dở, giả dối của các lãnh đạo độc tài. Đại đa số lo làm ăn, sinh sống trước đã, mặc kệ Đảng muốn nói gì thì nói, không ai tin Đảng nữa. Ý thức về nhân quyền, dân quyền vì vậy vẫn tiến triển ngầm và có thể bộc phát khi khó khăn kinh tế và mức sống đi xuống, bó buộc người dân suy nghĩ về nguyên do và trách nhiệm về tình trạng này.

Những dự tính cho năm mới

Việt Nam chỉ có thể "đổi mới" về chính trị với nghĩa dân chủ hóa cơ cấu tổ chức xã hội, hòa nhập vào cộng đồng của các nước mở mang nếu các lực lượng dân chủ Việt Nam đủ sức mạnh để buộc phe bảo thủ, độc tài phải nhượng bộ, trả lại cho nhân dân Việt Nam quyền làm chủ thực sự đất nước của mình. Điều kiện này chúng ta chưa đạt được vì còn nhiều trở ngại trước mắt cần phải vượt qua. Đầu tiên là sự thờ ơ, chán ngán của đa số người Việt về các vấn đề chính trị của đất nước. Thứ đến là vì những lợi điểm của nhân quyền, dân chủ cho phát triển xã hội không những chưa được phổ biến mà còn chưa được đào sâu, chưa được hiểu rõ ngay cả trong các thành phần có trách nhiệm hướng dẫn dư luận trong và ngoài nước. Cuối cùng là tinh thần đa nguyên, bao dung, hòa giải hòa hợp dân tộc, mặc dù đã có những tiến bộ rõ rệt, vẫn chưa giữ được vai trò là tinh thần nền tảng của các kết hợp hành động giữa các tổ chức của người Việt.

Sự sợ hãi, chán ngán của đa số người Việt ở trong nước về các vấn đề chính trị có nguồn gốc là văn hóa cũ của người Việt Nam. Cho đến đầu thế kỷ thứ 20, dưới các thời phong kiến, thực dân, quyền cai trị "đương nhiên" là của các ông vua, ông quan, sau đó là của các thống sứ, toàn quyền. Giáo dục Khổng Mạnh thời trước

và giáo dục phản động thời thực dân đã dạy người dân quen thói phục tùng. Từ trong gia đình cha mẹ đã cấm con cái đụng tới các "việc chung" nghĩa là những việc dính líu tới chính trị vì vào thời đó từ chính trị chưa có trong ngôn ngữ của người Việt. Chính trị là danh từ mới trở thành thông dụng từ khoảng hơn nửa thế kỷ. Nhưng từ hai ba chục năm nay nó đã mang một ý nghĩa xấu và càng ngày càng xấu, đặc biệt vì việc lạm dụng lý do "chính trị" của các chế độ độc tài, nhất là chế độ cộng sản. Trong chế độ chuyên dùng bạo lực để cai trị này, "chính trị" hiện diện ở khắp mọi lãnh vực, từ giáo dục, văn hóa đến kinh tế, khoa học... "Chính trị" là lý do để đảng cầm quyền chi phối, kiểm soát tất cả mọi sinh hoạt của người dân vì chỉ có Đảng Cộng Sản được quyền "làm chính trị" hay đúng hơn chính trị là độc quyền của bộ chính trị. Dân và đảng viên được "dạy" là phải phục tùng Đảng.

Cùng với sự tha hóa tất nhiên của Đảng Cộng Sản, "chính trị" càng ngày càng gắn liền với những quyền lực bất chính, với những thủ đoạn tranh quyền bất lương, với việc sử dụng quyền lực ở mọi cấp để tham nhũng, hống hách. Cách đây chừng mười năm, đảng tới chính trị là đi tù không biết ngày ra. Nhờ hy sinh, tranh đấu anh dũng và bất khuất của các tù nhân lương tâm và các chiến sĩ dân chủ, tình trạng này có "cải tiến" hơn trước. Tuy nhiên, ngay đến bây giờ, bất cứ ai phát biểu "không hợp" với đường lối của Đảng là bị công an đàn áp bằng nhiều thủ đoạn. Từ dọa nạt, hành hạ bằng các buổi "làm việc" đến vu cáo, bôi nhọ trên các báo chí của Đảng, "Tội" nặng hơn nữa thì bị công an giả du côn ném đá, hành hung, đung xe... hay dùng nghị định 31/CP của ông Võ Văn Kiệt để "bỏ tù tại nhà" mà không cần xét xử mặc dù việc này chỉ có tính chất hình thức. Sau mấy chục năm như vậy tất nhiên số người lo "việc chung" càng ngày càng ít. Sáng kiến, khả năng và trí tuệ của dân tộc bị hao mòn trầm trọng. Các nước Đông Âu hoặc thuộc khối Liên Xô trước đây cũng ở trong hoàn cảnh tương tự trước khi sụp đổ và sau đó, ít ra cũng phải một hai chục năm mới có thể trở thành những nước có tổ chức nhà nước, xã hội bình thường.

Sự thờ ơ của người Việt hải ngoại về các vấn đề của đất nước có một lý do khác ngoài nguồn gốc văn hóa chung như đã

phân tích ở trên. Đó là cảm giác bất lực trước tình cảnh của đồng bào ở quốc nội. Rất nhiều người đã về thăm nhà. Một số đã thử sinh sống, làm ăn tại quê hương nhưng sau một thời gian lại phải bỏ đi. Đa số nghĩ rằng ngoài việc giúp đỡ gia đình, bè bạn ở trong nước họ không thể làm gì lâu dài hơn được khi đất nước là của riêng Đảng Cộng Sản Việt Nam. Quê hương trở thành một địa điểm du lịch chỉ hơi đặc biệt hơn các nơi khác vì sự hiện diện của thân nhân, bè bạn cũ. Với thời gian và sự hội nhập vào các xã hội dân chủ tiên tiến, hình ảnh và tình cảm Việt Nam của họ mờ dần.

Nói tóm lại "nội lực" ở trong nước cũng như ở hải ngoại của dân tộc đang ở mức độ thấp kém báo động. Người Việt không những không tin nhau còn không tin cả khả năng hành động của chính mình. Vấn đề cơ bản để phục hồi lại nội lực, phục hồi lại niềm tin là vấn đề chính trị. Đó là việc thay đổi tổ chức xã hội để mỗi người có tự do, có điều kiện xây dựng tương lai của chính mình cũng như đóng góp vào tương lai chung của đất nước. Do đó người Việt, dù chần chừ chính trị tới đâu cũng không còn đường nào khác là phải phấn đấu bằng mọi cách, trên mọi lãnh vực, để dân chủ hóa đất nước, chấm dứt chế độ độc tài, lỗi thời hiện tại. Không ai làm hộ người Việt Nam được. Trên thế giới hiện nay có dân tộc nào thật sự văn minh, phát triển mà không có tự do, dân chủ?

Chúng tôi mong rằng trong năm tới, với nhiều vận hội mới, những người dân chủ Việt Nam sẽ tổ chức, kết hợp hành động được nhiều hơn nữa để vượt qua những trở ngại nói trên, cho phép đất nước bước vào thiên niên kỷ thứ ba với một hành trang mới, có tương lai hơn. Riêng phần Thông Luận, chúng tôi quyết tâm đóng góp tích cực vào công việc chung này. Cụ thể là: tiếp tục vận động dư luận để hỗ trợ các tù nhân lương tâm, các chiến sĩ dân chủ ở trong nước; trao đổi, thảo luận, đào sâu về dân chủ, nhân quyền và về những vấn đề chính trị cơ bản của đất nước; đẩy mạnh việc kết hợp hoạt động trong tinh thần hòa giải và đa nguyên mà kết quả sẽ có khả năng động viên người Việt trong và ngoài nước. Trước khi ngừng bút, một lần nữa, chúng tôi chân thành cảm ơn sự tin cậy và những đóng góp quý báu của quý độc giả và thân hữu.

Vũ Thiện Hân

Xã luận

Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền được năm mươi tuổi

Ngày 10-12-1948 đáng được coi là một ngày lịch sử trọng đại của thế giới. Đó là ngày mà phẩm giá con người không còn là đặc ân của một số dân tộc mà được nhìn nhận như là của chung mọi người trên trái đất. Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền đã mở đầu cho một nền văn minh toàn cầu coi mọi con người bình đẳng với nhau, lấy con người làm trung tâm và giá trị cao nhất.

Loài người đã phải trải qua một cuộc trường chinh gian lao để đạt tới thành quả đó. Bản Đại Hiến Chương của nước Anh năm 1215, Bản Kết Ước Mayflower năm 1620 của một nhóm người di dân tới Bắc Mỹ, Bản Tuyên Ngôn Độc Lập của Hoa Kỳ năm 1776 và Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền của cuộc cách mạng Pháp năm 1789 đã là những cột mốc quan trọng, nhưng phải đợi đến năm 1948 các thành viên Liên Hiệp Quốc mới đạt tới đồng thuận trên một văn bản qui định rõ rệt những quyền căn bản của con người mà mọi nhà nước văn minh phải tôn trọng. Năm mươi năm qua đã là một nửa thế kỷ phấn đấu kiên trì để đem Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền vào thực tại của cuộc sống.

Cuộc đấu tranh đã không dễ dàng. Ngay khi Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền được công bố, các thế lực chuyên chính và đàn áp đã mở ngay mặt trận phản công bằng cách bài xích chủ nghĩa cá nhân và đề cao tập thể với ý đồ nhân danh quyền lợi chung để trì hoãn vô hạn định những quyền căn bản của con người. Đã phải đợi đến khi phong trào cộng sản thế giới sụp đổ ý niệm nhân quyền mới được thực sự nhìn nhận như một giá trị phổ cập.

Tuy thế, không phải nhân quyền đã toàn thắng. Tại Châu Phi, hàng trăm ngàn người vẫn còn tiếp tục bị thảm sát, hậu quả của sự man mợi. Tại nhiều nước Hồi Giáo, nhất là tại Algeria, và ngày nay tại Nam Balkan (trung tâm Châu Âu), con người vẫn còn bị tàn sát vì kỳ thị chủng tộc và tôn giáo. Và cũng vẫn có những vi phạm nhân quyền trắng trợn và có ý thức như tại Việt Nam, Bắc Hàn, Cuba và Miến Điện. Riêng Trung Quốc, đất nước của gần một phần tư loài người, đã chọn chính dịp kỷ niệm năm mươi năm Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền để kết án tù nặng nề những người đòi dân chủ và nhân quyền một cách ôn hòa, ngay khi chữ ký của chính quyền Bắc Kinh vào Công Ước Về Các Quyền Dân Sự Và Chính Trị còn chưa ráo mực. Nói chung thắng lợi đạt được tuy rất trọng đại nhưng đoạn đường còn lại cũng khá dài và gai gộc.

Kỷ niệm năm mươi năm Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền là dịp để người Việt Nam chúng ta, một trong những số ít dân tộc vẫn chưa may mắn được có nhân quyền, nhận định ba điều căn bản.

Một là Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền đồng thời cũng phải được coi là Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Dân Chủ, bởi vì các điều 19 và 20 đã qui định rõ ràng các quyền tự do phát biểu và kết hợp thành tổ chức, đồng thời điều 21 qui định rõ ràng rằng mọi chính quyền phải xuất phát từ bầu cử tự do. Như vậy không thể có bất cứ một lần cán nào giữa tranh đấu cho nhân quyền và tranh đấu giành tự do dân chủ. Nhân Quyền và Dân Chủ chỉ là một. Nhân quyền là dân chủ dưới góc nhìn cá nhân, trong khi dân chủ là nhân quyền dưới góc nhìn quốc gia.

Hai là cần cực lực phản bác lập luận lấy lý do cần phát triển kinh tế để trì hoãn nhân quyền, vận động một cách gian trá điều 25 của Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền. Điều 25 phải được hiểu theo nghĩa lương thiện của nó. Khi khẳng định "mọi người có quyền được hưởng một mức sống đầy đủ, bảo đảm sức khỏe và tiện nghi cho mình và cho gia đình...", bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền chỉ muốn nói là các chính quyền không bảo đảm được phúc lợi cho dân chúng - như trường hợp các chính quyền Việt Nam, Bắc Hàn và Cuba - là không chính đáng, nó không hề cho người cầm quyền nhân danh nhu cầu kinh tế để trì hoãn thực hiện nhân quyền. Và lại nhân quyền và dân chủ chưa hề bao giờ và ở đâu ngăn cản phát triển kinh tế cả, trái lại còn là một điều kiện cần thiết để có thể phát triển kinh tế.

Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền là một áng văn hay có tác dụng làm nức lòng người, thúc dục và khích lệ. Nó đặt nền tảng cho một công pháp quốc tế nhưng đồng thời cũng là một thông điệp của nền văn minh mới và một lời kêu gọi. Chúng ta vẫn còn thiếu một văn bản Việt Nam vừa có giá trị luật học vừa là một tác phẩm văn học xứng đáng với một dân tộc đông đảo, có lịch sử và văn hóa lâu đời để dùng làm một ngôn ngữ nhân quyền chung cho mọi người Việt Nam.

Thông Luận

Năm mươi năm Nhân Quyền: "nửa đời nhìn lại"

Năm mươi năm sau ngày ra đời của bản "Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền" chúng ta có thể tự hỏi: Nhân Quyền tiến, lùi hay dậm chân tại chỗ trong thế giới đang đi vào toàn cầu hóa? Khi ra đời năm 1948, suy tư về nhân quyền thật mong manh. Khối cộng sản hùng mạnh lúc đó chỉ tơ tưởng về võ sản chuyên chính, đấu tranh giai cấp. Các khuynh hướng xã hội không cộng sản cũng thành thật nghĩ rằng phải có tiến bộ kinh tế trước thì Nhân Quyền tự nó sẽ đến sau. Trong khi đó, các nước phương Tây chỉ chấp nhận Nhân Quyền cho có lệ. Họ tiếp tục chính sách thực dân ở các thuộc địa, duy trì tình trạng nô lệ với người da đen ở Mỹ, kỳ thị như ở Nam Phi, hoặc độc tài khát máu như Franco ở Tây Ban Nha... Trong thời kỳ này, họa hoằn lắm mới có một Nehru chủ trương xây dựng trên đất nước mình một cơ sở của sự tôn trọng Nhân Quyền: đó là nhà nước pháp trị, dân chủ đa đảng nhằm phục vụ cho việc phát triển kinh tế. Rồi đến thập niên 60-70-80, hàng loạt chủ thuyết khác lại ra đời như: Nhân quyền Hồi giáo, Nhân quyền Phi châu, thậm chí đến Giá trị Châu Á mà thực chất đó chỉ là những bộ máy đàn áp nhằm ngăn chặn sự phát triển của quan niệm nhân quyền phổ cập.

Ngày nay, bộ máy đàn áp chống Nhân Quyền đang lui dần vào dĩ vãng, mở đường cho trào lưu dân chủ tiến lên. Phải nhấn mạnh rằng không có dân chủ thì không thể có Nhân Quyền. Dân chủ là khởi điểm của việc thực hiện Nhân Quyền một cách trọn vẹn. Ở Phi châu, lãnh tụ Nelson Mandela của Nam Phi đang được tôn vinh; mọi người chờ đợi hơi thở cuối cùng của những tên độc tài Phi châu như Omar Bongo, Arap Moi, cũng như người ta đã hoan hỉ chào đón sự hạ đài của Mao hay Đặng Tiểu Bình trước kia. Ở Á Châu, khát vọng dân chủ trở dậy mãnh liệt: Nam Hàn, Đài Loan, Phi Luật Tân đã khẳng định nền dân chủ. Độc tài đang điêu đứng ở Nam Dương, Birmanie, Mã Lai. Ngay sát hông Việt Nam, Campuchia đã thực

hiện đa đảng. Một số nước Hồi giáo như Maroc, Turquie, Pakistan, Bangladesh đang hình thành và củng cố thể dân chủ. Xem thế, một bước tiến thật quan trọng của Nhân Quyền ít nhất là về mặt tư tưởng đã được ghi nhận.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nhân Quyền có vẻ như đang dậm chân tại chỗ nếu so với tốc độ của thời đại toàn cầu hóa như hiện nay. Một tia sáng vừa lóe lên ở Anh Quốc trong vụ truy tố tên độc tài khát máu Pinochet, mang đến một hy vọng, tuy còn mong manh, rằng ngày mai việc toàn cầu hóa luật pháp về Nhân Quyền sẽ đi đôi với việc toàn cầu hóa thương mại, kinh tế. Luật pháp về Nhân Quyền cũng sẽ vượt lên trên những hạn chế về ngoại giao, thị trường. Nếu không như thế, toàn cầu hóa thương mại, kinh tế sẽ khơi dậy lòng tham của con người dẫn đến khả năng làm dậm chân tại chỗ, thậm chí làm lùi việc áp dụng Nhân Quyền.

Nước Pháp vẫn tự hào là cha đẻ của tuyên ngôn Nhân Quyền và thủ đô Paris đã là nơi chôn nhau cắt rốn của bản Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế. Nhưng chúng ta phải đánh giá thế nào khi những nhà lãnh đạo chính trị cao nhất nước Pháp trong dịp kỷ niệm long trọng 50 năm vừa qua đã do dự trong việc mời Đức Đạt Lai Lạt Ma của Tây Tạng? Sự mất quyền lợi buôn bán với một Trung Quốc độc tài chẳng? Các vị rõ ràng đã lúng túng giữa tình và tiền. Chẳng những riêng nước Pháp mà nhiều nước tân tiến hiện nay, đáng lẽ phải là tấm gương sáng trong lãnh vực Nhân Quyền, đã không thực hiện Nhân Quyền một cách đồng bộ và toàn diện. Thái độ thiên vị trong vấn đề Nhân Quyền của một số cường quốc thật rõ ràng: Mỹ đòi đưa Khòme đỏ ra xử trước tòa án quốc tế nhưng lại im hơi lặng tiếng trước một Pinochet hoặc một Suharto. Theo tài liệu của An Xá Quốc Tế, còn 61 nước chẳng những không thực hiện Nhân Quyền mà còn đàn áp những người đấu tranh cho Nhân Quyền ở những mức độ khác nhau: từ mức độ thường xuyên,

liên tục, có hệ thống và cuối cùng là mức độ tuyệt đối. Việt Nam có mặt trong những nước đàn áp có hệ thống.

Tuy khó khăn trong việc thực hiện Nhân Quyền là thế, nhưng chúng ta có rất nhiều cơ sở để tin rằng việc thực hiện Nhân Quyền sẽ đi vào toàn cầu hóa. Vào tháng Tư năm 1998, Liên Hiệp Quốc đã đưa ra dự án Tuyên Ngôn Bảo Vệ Nhân Quyền. Không như bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền 1948 khẳng định những quyền về con người mà Nhà Nước phải tôn trọng, bản Tuyên Ngôn 1998 còn đề ra những biện pháp bảo vệ việc hành sử các quyền này. Vai trò của Nhà Nước được đặt vào hàng đầu trong việc có bổn phận và trách nhiệm bảo vệ, thăng tiến và thực thi những quyền làm người và tất cả những quyền tự do căn bản. Nhà Nước phải chấp nhận thực thi những biện pháp cần thiết để tạo nên những điều kiện xã hội, kinh tế, chính trị cũng như các bảo đảm về tư pháp thỏa đáng để mọi công dân, với tư cách cá nhân hay hội đoàn, được hành sử thật sự tất cả các quyền và các tự do này. Nhà Nước còn có bổn phận công bố một cách rộng rãi cũng như giáo dục quần chúng để họ ý thức được những quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa mà họ được hưởng. Ngoài ra, Nhân Quyền phải được Nhà Nước đem vào chương trình giáo dục tại mọi cấp cũng như chương trình đào tạo các luật sư, những người có bổn phận áp dụng luật pháp, quân đội và công chức.

Sau năm mươi năm, Nhà Nước từ vị trí là biểu tượng cho bạo lực đã trở thành một thực thể bảo vệ và thăng tiến Nhân Quyền. Đó là một bước tiến vượt bậc về tư tưởng của nhân loại cho phép chúng ta hy vọng rằng Thế Kỷ 21 sẽ là một kỷ nguyên mà Nhân Quyền sẽ vượt lên trên những hạn chế về ngoại giao, thị trường, thiên vị để thực sự đi vào thực tế một cách toàn cầu và toàn vẹn.

Trần Ngọc Sơn

Cần một sức mạnh tổng hợp

Nguyễn Minh Cần

Bi kịch lớn của dân ta là sau một thế kỷ đấu tranh cực kỳ gian khổ, xương máu hàng triệu người của tổ quốc đã đổ xuống rười khắp non sông, dân ta vừa thoát được vòng nô lệ của nước ngoài thì lại rơi ngay vào vòng nô lệ mới của người trong nước. Mà những kẻ "chủ nô" mới này, nói theo lời nhà thơ Bùi Minh Quốc là "những thằng thể đồ tim đen" (1), đã có một thời, vào giai đoạn kết thúc, từng đứng đầu phong trào giải phóng dân tộc. Thật là nghịch lý, chính những kẻ khoác áo "cách mạng", khoác áo "nhân dân" nhẩy ra cướp lấy quyền lực, đã trở thành một nhóm thống trị độc tài trên đất nước ta, phản bội lại mục tiêu cuộc cách mạng nhân dân, tước bỏ quyền tự do dân chủ của nhân dân. Chính nhóm này đã thiết lập lên một chế độ cực quyền toàn trị khắc nghiệt hiếm thấy trong lịch sử nước ta, và chế độ đó tồn tại trên đất nước thân yêu đã hơn nửa thế kỷ rồi. Lợi dụng mọi chiêu bài hay ho, nào là "độc lập dân tộc", "dân chủ nhân dân", "tự do hạnh phúc", "đổi mới", "cải cách", "nhà nước pháp quyền", "công bằng xã hội", "của dân, do dân, vì dân", v.v... thậm chí đến cả chiêu bài "xã hội chủ nghĩa", "chuyên chính vô sản"... nhóm thống trị độc tài này đang cố duy trì bằng được nền thống trị của nó. Có thể từng lúc, từng khi, nó đưa ra những thay đổi về chi tiết, cục bộ hoặc bề ngoài, nhưng mục đích căn bản bất di bất dịch của nó vẫn là duy trì bằng được nền thống trị của nó. Hơn một năm đã qua, kể từ khi một số người cầm quyền mới lên nắm những vị trí chủ chốt trong bộ máy quyền lực, mọi hoạt động của ê-kíp mới này rõ ràng cũng như trước, chỉ nhằm mục đích nói trên mà thôi.

Để chấm dứt bi kịch dân tộc, những người dân chủ trong và ngoài nước chỉ có một mục tiêu phấn đấu chung trước mắt là bằng phương thức đấu tranh bất bạo động mà chuyển biến chế độ cực quyền toàn trị trên đất nước ta thành chế độ dân chủ đích thực. Muốn đạt đến mục tiêu đó, phải từng bước đẩy lùi và cuối cùng xóa bỏ nhóm thống trị độc tài trong đảng và nhà nước. Thế nhưng, nền thống trị của nhóm này đã bám rễ sâu vào cơ thể đất nước ta đã trên nửa thế kỷ rồi, từ lâu nó đã thao túng mọi quyền lực của nhà nước, cho nên việc đẩy lùi và cuối cùng

xóa bỏ nhóm độc tài đó không đơn giản chút nào. Nếu không có một sức mạnh tổng hợp lớn lao của toàn bộ phong trào dân chủ ở nước ta thì khó lòng thực hiện được. Đó là điều kiện tiên quyết cho mọi thắng lợi của phong trào dân chủ.

Nói đến sức mạnh tổng hợp, tức là nói đến sự tập hợp, kết hợp nhiều lực lượng, sự thống nhất, hợp lực của nhiều mũi giáp công từ nhiều phía nhằm vào một cái đích duy nhất là nhóm độc tài đang thống trị dân ta. Chỉ có một sức mạnh tổng hợp lớn lao mới đủ khả năng đẩy lùi và đánh bại được nhóm độc tài. Theo chúng tôi, có những hướng chính sau đây để tạo nên sức mạnh tổng hợp đó:

1. **Cuộc đấu tranh vì quyền lợi hàng ngày và thiết thân của dân chúng**, hay như ta thường gọi là đấu tranh dân sinh, dân quyền. Là những người quan tâm nhất đến quyền lợi của dân chúng, những người dân chủ không thể bỏ lỡ một cơ hội nào dù nhỏ đến đâu chẳng nữa, từ việc chống sưu cao thuế nặng, chống các lệ phí, đóng góp bất công, chống phụ thu lạm bố, chống sự cướp đoạt đất đai, nhà cửa của dân chúng ở nông thôn, đến việc chống bóc lột, áp bức công nhân, viên chức trong các nhà máy, công sở, chống tham nhũng ở khắp mọi nơi, để đẩy lên thành những cuộc đấu tranh của dân chúng. Dưới chế độ cực quyền, các cuộc đấu tranh càng hợp pháp và rộng rãi chừng nào thì càng dễ phát huy sức mạnh to lớn chừng ấy để bảo vệ quyền lợi của dân chúng và công phá tập đoàn thống trị. Trong những năm qua, đã có nhiều cuộc đấu tranh về mặt này, đặc biệt là những cuộc đấu tranh của nông dân đồng bằng sông Cửu Long hồi năm 1988, cuộc đấu tranh triền miên của dân chúng nhiều nơi ở khu 4 cũ trong nhiều năm, cuộc nổi dậy mãnh liệt của nông dân tỉnh Thái Bình trong suốt năm 1997, cuộc đấu tranh quyết liệt của nông dân làng Thọ Đà, huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội hồi cuối năm 1996 và gần đây hồi tháng 10-1998, v.v... Những cuộc đấu tranh như thế đã làm lung lay nền thống trị độc tài. Nhưng, trừ vụ Thái Bình, còn nói chung thường là những cuộc đấu tranh tự phát, lẻ tẻ, thiếu phối hợp chặt chẽ với nhau nên hiệu quả còn hạn chế. Hơn nữa, phần đông dân chúng tham gia

đấu tranh chưa vươn lên đến mức giác ngộ cao về chính trị và dân chủ nên chưa tạo được sức mạnh lớn và lâu dài. Vì thế, những người dân chủ ở trong nước cần bám sát dân chúng, biết khéo léo kịp thời đưa ra khẩu hiệu đấu tranh thích đáng để tập hợp và phối hợp mọi lực lượng, đồng thời từng bước nâng cao trình độ dân chúng đi từ sự giác ngộ quyền lợi kinh tế hàng ngày lên sự giác ngộ quyền lợi chính trị cao hơn, nhất là nhận thức về những quyền tự do dân chủ, ý thức chống nền thống trị độc tài. Có làm được như thế thì trong những điều kiện cần thiết mới có thể chuyển cuộc đấu tranh kinh tế thành đấu tranh chính trị rộng lớn được.

2. **Cuộc đấu tranh đòi tự do dân chủ**, thường khởi đầu bởi giới trí thức, sinh viên, học sinh, từ những đòi hỏi về tự do dân chủ có tính chất cục bộ trong từng nơi, từng lúc, cho đến những vấn đề tự do dân chủ có tính chất chung, như tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, hoặc tự do lập hội, biểu tình, đình công, theo đúng những điều khoản trong hiến pháp hiện hành. Có nhiên, những cuộc đấu tranh này không chỉ bó hẹp trong giới trí thức, nhưng thông thường giới trí thức khơi ngòi và cuốn hút mạnh mọi tầng lớp khác, nhất là công nhân, viên chức, lao động tham gia đồng đảo. Và khi trí thức, sinh viên, học sinh cùng công nhân, viên chức, lao động đã cùng đứng chung trong một mặt trận đấu tranh thì nhất định sẽ tạo nên sức mạnh lớn, có khả năng thúc đẩy phong trào chung, từ các trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa tỏa rộng ra toàn quốc. Trong những năm qua, bên cạnh thái độ lạnh nhạt với kẻ cầm quyền và "chống đối thâm lặng" của nhiều người trí thức, cũng đã nổi lên những phát biểu công khai, mạnh mẽ của một số nhân sĩ, trí thức tiêu biểu như Nguyễn Khắc Viện, Phan Đình Diệu, Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Huyền Quang, Quảng Độ, Hà Sĩ Phu, v.v... một số văn nghệ sĩ có tiếng như Dương Thu Hương, Phùng Quán, Hữu Loan, Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự, v.v... đồng thời cũng bắt đầu có những cuộc đấu tranh lẻ tẻ của trí thức ở một số cơ sở. Nhưng cũng cần thấy là sau bao nhiêu năm bị nền thống trị độc tài đè nén, đàn áp, khủng bố, số đông trí thức nước ta vẫn còn chưa hoàn toàn thoát khỏi nỗi sợ hãi "truyền kiếp" và chưa có được sự thức tỉnh rõ rệt về chính trị, nên vai trò khơi ngòi, đi tiên phong của trí thức còn chưa thể hiện rõ. Đó là một điểm yếu của

phong trào mà những người dân chủ cần thấy rõ để cố khắc phục.

3. Cuộc đấu tranh của các đảng viên cộng sản cấp tiến nhằm dân chủ hóa đảng cộng sản, dân chủ hóa xã hội có ý nghĩa rất lớn, vì nó sẽ góp phần cấp tiến hóa đảng, cấp tiến hóa quân đội, công an, các cơ quan chính quyền và các đoàn thể hiện đang bị nhóm cầm quyền độc tôn khống chế, nó làm tan rã nhanh chóng những nền tảng thống trị của nhóm độc tài, đồng thời cô lập nhóm đó, tạo điều kiện tước bớt, hoặc tước hết quyền lực của nó, chuyển dần quyền lực đó vào tay những lực lượng lành mạnh, tiến bộ ở trong và ngoài đảng. Tiếp tục truyền thống đấu tranh đòi tự do dân chủ của những cán bộ, đảng viên trong các "vụ án" Nhân Văn - Giai Phẩm, Xét Lại Chống Đảng, Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ, v.v... trong những năm qua nhiều cán bộ lão thành cách mạng, trí thức, đảng viên có tên tuổi đã cất cao tiếng nói, đặt ra trước tập đoàn thống trị những kiến nghị đầy sức thuyết phục của mình. Mặc dù bị giới cầm quyền ra sức bưng bít, xuyên tạc và vu khống, những tiếng nói dũng cảm, thẳng thắn của những Nguyễn Hộ, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Văn Trấn, La Văn Lâm, Trần Độ, Lê Hồng Hà, Nguyễn Kiến Giang, Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Tiến, Hoàng Hữu Nhân, v.v... đang bắt đầu âm vang vào lớp người nhạy cảm nhất trong hàng ngũ của đảng. Những người dân chủ cộng sản hay không cộng sản, trong hay ngoài nước đều hết lòng hoan nghênh và ủng hộ cuộc đấu tranh vô cùng khó khăn, gian khổ của các lực lượng cấp tiến trong đảng.

4. Cuộc vận động dân chủ của cộng đồng người Việt hải ngoại nhằm ủng hộ, chi viện cho cuộc đấu tranh trong nước cũng là một bộ phận rất quan trọng trong cuộc đấu tranh chung. Trên hướng đấu tranh này, cộng đồng người Việt hải ngoại với tiềm năng to lớn về nhiều mặt có thể làm được rất nhiều việc bổ ích. Trước hết, cộng đồng có thể góp sức vào việc phá vỡ sự phong tỏa thông tin của giới cầm quyền trong nước để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thức tỉnh các tầng lớp nhân dân. Mặt khác, có thể góp sức vào việc vận động dư luận thế giới, các tổ chức nhân quyền quốc tế, chính phủ các nước dân chủ, Nghị Viện Âu Châu, cơ quan nhân quyền Liên Hiệp Quốc... ủng hộ cuộc đấu tranh nhằm dân chủ hóa đất

nước ta, đòi thực thi quyền tự do dân chủ của dân ta, đồng thời chống lại mọi hành động vi phạm quyền tự do dân chủ, vi phạm nhân quyền của giới cầm quyền trong nước. Trong những năm gần đây, nhiều cơ quan báo chí, kể cả báo chí điện tử, nhiều hội đoàn và tổ chức nhân quyền của người Việt hải ngoại cũng như nhiều cá nhân riêng lẻ đã làm việc này khá tốt, nhờ đó bắt đầu tạo được một áp lực rõ rệt đối với giới cầm quyền trong nước. Ngoài ra, hoạt động của cộng đồng người Việt hải ngoại còn tạo điều kiện cho sự phối hợp đấu tranh giữa bên ngoài với bên trong. Cố nhiên, cộng đồng người Việt hải ngoại còn có thể giúp đỡ rất nhiều cho cuộc đấu tranh ở trong nước trên nhiều phương diện khác rất thiết thực nữa.

Trên đây là **bốn mũi chủ công**, nêu các lực lượng dân chủ nước ta biết tận dụng khôn khéo, linh hoạt và đồng bộ thì chúng có khả năng tạo nên một sức mạnh tổng hợp lớn lao, nhằm đột phá đỉnh lũy của nhóm độc tài. Nhưng thực tế thì đến nay những người dân chủ ở nước ta vẫn chưa tạo được một sức mạnh tổng hợp như vậy. Có nhiều lý do. Chẳng hạn, nếu xét về lý do chủ quan thì bản thân những người dân chủ trong nước chưa có điều kiện và khả năng tập hợp được lực lượng rộng lớn.

Ngay như cộng đồng người Việt hải ngoại là nơi có nhiều điều kiện thuận lợi hơn rất nhiều so với trong nước, nhưng đến nay - và khốn thay, có lẽ còn lâu - vẫn chưa tập hợp được với nhau để tạo thành sức mạnh đáng kể hỗ trợ cho cuộc đấu tranh chung của đồng bào trong nước. Một điều đáng buồn là tình trạng chia năm xẻ bảy, kình chống nhau giữa các nhóm phái, hội đoàn, cá nhân vì những điều hết sức nhỏ nhặt, hoặc có khi chỉ vì những quyền lợi nhỏ nhen, ích kỷ. Nhiều cơ quan báo chí, nhiều hội đoàn sa đà vào việc công kích nhau, tranh cãi nhau về những điều vô bổ, hoàn toàn không cần thiết, thậm chí có hại. Đó đây, thỉnh thoảng nổi lên những hành động, lời lẽ cực đoan, quá khích của những "cái thùng rỗng" dán nhãn hiệu dân chủ nhưng sặc mùi độc tài. Tình trạng bệnh hoạn đó phá hoại ghê gớm sức mạnh có thể có và đáng ra phải có của cộng đồng người Việt hải ngoại, thực tế chỉ làm lợi cho nhóm cầm quyền trong nước và ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh chung của nhân dân ta vì dân chủ, tự do của đất nước.

Chính vì thế khi nói đến vấn đề tạo

nên sức mạnh tổng hợp lớn lao để chuyển hóa chế độ cực quyền hiện tồn thành chế độ dân chủ đích thực, chúng tôi nghĩ rằng sẽ không thừa nếu ta nhấn mạnh đến **tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc** áp dụng vào thực tiễn, chứ không phải nói suông, và **tinh thần trách nhiệm công dân** thật cao của mỗi người tự nhận mình là yêu nước và dân chủ. Không có cái tinh thần đó mà nói đến sức mạnh tổng hợp thì chỉ là lời nói ngoài miệng, hoàn toàn vô bổ.

Ngoài bốn mũi giáp công nói trên, thiết nghĩ, cần nói đến **áp lực của xu thế chung của thời đại** (tức là xu thế dân chủ, tự do, cởi mở, công khai... đang mạnh lên và dần dần trở thành xu thế chủ đạo trong nền chính trị thế giới) đối với mọi chế độ cực quyền, đó cũng là một sức mạnh gián tiếp giúp đỡ cho sự nghiệp dân chủ hóa đất nước ta. Nhưng muốn tiếp nhận sức mạnh "ngoại viện" này, bản thân những người dân chủ trong và ngoài nước phải có cố gắng lớn mới tranh thủ được sự thông cảm, sự đồng tình, sự ủng hộ của các chính phủ dân chủ, các tổ chức quốc tế, các cơ quan truyền thông lớn, các định chế kinh tế tài chính thế giới để tăng cường sức ép đối với nhóm thống trị độc tài, nhằm phá vỡ tính trơ lì của nó và bắt nó phải lùi bước dần dần, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào dân chủ trong nước tiến lên.

Hiện nay, tuy những người dân chủ nước ta chưa tạo được một sức mạnh tổng hợp lớn, nhưng trước mắt đã có những tiền đề đáng khích lệ và về nhiều mặt tình hình bắt đầu chuyển biến dần theo chiều hướng đi lên. Điều quan trọng là những người dân chủ trong và ngoài nước phải biết kiên trì làm việc một cách thiết thực để dần dần gây dựng nên phong trào dân chủ rộng lớn, tạo nên một sức mạnh tổng hợp cần thiết để giành thắng lợi từng bước.

Chúng tôi tin rằng trong xu thế chung của thời đại hiện nay khi phong trào dân chủ có được một sức mạnh tổng hợp lớn lao thì chắc chắn những người dân chủ nước ta sẽ đạt được mục tiêu đấu tranh của mình.

Nguyễn Minh Cần

(1) Xem bài thơ "Những ngày thường đã chảy lên" của Bùi Minh Quốc, trong đó có mấy câu kết:

*Mẹ không phải đảng viên
Nhưng mẹ có tâm-thể-đó-trái-tim rỗng máu ứa
Chính mẹ chứ không ai - phải nắm quyền
Hỏi tội những thằng thể đó tìm den.*

Hai câu hỏi cần trả lời rõ ràng khi thế kỷ 20 khép lại

Bùi Tín

* Lịch sử cần minh bạch * Những câu hỏi do lịch sử đặt ra * Dân tộc và tuổi trẻ mong chờ những câu trả lời

* Sự sát hạch của danh dự và lương tâm dân tộc * Xin mời mỗi người Việt Nam có câu trả lời của mình *

Năm mới 1999 đã đến. Thế kỷ 20 đang khép lại. Tôi nghĩ đến một cuộc phỏng vấn đầu năm, một cuộc phỏng vấn thật đặc sắc khi một thế kỷ, một thiên niên kỷ sắp chấm dứt.

Hai câu hỏi nóng bỏng

Có bao nhiêu vấn đề cần đặt ra trong lịch sử của đất nước; những vấn đề còn được treo lơ lửng vì chưa có câu trả lời xác đáng, hoặc vì có quá nhiều câu trả lời trái ngược nhau. Những vấn đề cần được giải đáp minh bạch khi thế kỷ sôi sục này kết thúc.

Trước hết xin được chọn người trả lời. Hai nhân vật tôi chọn để phỏng vấn là hai đại lão khai quốc công thần của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, mang tên hiện nay là Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Đó là đại tướng Võ Nguyên Giáp và thủ tướng Phạm Văn Đồng. Một vị cầm quân ở cương vị cao nhất của quân đội nhân dân suốt từ ngày đầu đến ngày cuối của cuộc chiến tranh 30 năm; một vị đứng đầu chính phủ suốt gần 30 năm trường. Một vị 88 tuổi và một vị 96 tuổi. Năm 1998, cả hai vị đều có mặt trong một số cuộc họp lớn của đảng cộng sản, của quốc hội... để nắm bắt tình hình, đóng góp ý kiến về quốc kế dân sinh, nghĩa là còn minh mẫn, tuy thủ tướng Phạm Văn Đồng không còn nhìn thấy gì.

Câu hỏi thứ nhất: Xin đại tướng cho biết ý kiến về những hy sinh, tổn thất, đau khổ và tàn phá của nhân dân và đất nước ta trong cuộc chiến tranh. Đại tướng Hoa Kỳ W. Westmoreland khi gặp tôi ở Washington DC tháng 4-1996 đã nói: "Tôi kính trọng tướng Giáp vì phải là tướng có tài năng mới giành được thắng lợi lớn đến vậy, tuy nhiên cái giá về sinh mạng người Việt Nam mà tướng Giáp và những người lãnh đạo Việt Nam ép buộc dân Việt Nam phải trả là quá cao, cao đến độ khó tưởng tượng nổi. Nếu tướng Giáp ở bất cứ một nước dân chủ nào thì với những tổn thất như thế, ông ta đã mất chức từ lâu rồi, thậm chí còn bị kỷ luật nữa...". Đại tướng nghĩ sao về ý kiến này?

Thêm nữa, xin đại tướng cho biết ý kiến về việc ngày sau ngày 30-4-1975,

gần hai trăm ngàn viên chức, sĩ quan của chính quyền miền Nam theo lệnh của bộ trưởng quốc phòng phải tập trung cải tạo (sau này chuyển cho bộ nội vụ), trên thực tế là bị giam giữ trong những nhà tù chật khe, có nơi còn bị tra tấn, nhục hình, xà lim, cùm chân... Nhiều nhân vật chết thê thảm trong tù như nguyên thủ tướng Phan Huy Quát, luật sư Trần Văn Tuyên, nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, nhà thơ Vũ Hoàng Chương (về nhà ít lâu thì chết)...

Câu hỏi thứ hai: Xin thủ tướng cho biết ý kiến về sự kiện thuyền nhân hồi 1975, nhất là hồi 1978, 1979... Về nguyên nhân và trách nhiệm trong những sự kiện ấy, với những hiện tượng bán bãi, thu vàng và khá nhiều tàu, thuyền bị hải tặc, bão tố và chìm trong đại dương... Là người đứng đầu chính phủ, một trong những người lãnh đạo cao nhất của đảng cộng sản, thủ tướng nhìn nhận ra sao trách nhiệm của mình trong cuộc di dân rộng lớn và bi thảm ấy?

Nhìn nhận đúng quá khứ: điều kiện để vươn tới tương lai

Có người sẽ bảo: Hay ho cái gì cứ bám vào những sự kiện cũ rích đã qua. Hãy nhìn vào sự đổi mới hiện tại, hãy nhìn tới tương lai.

Hiện tại bắt nguồn từ quá khứ, tương lai bắt nguồn từ hiện tại. Không nhìn thật rõ, thật đúng, thật minh bạch và sòng phẳng quá khứ thì làm sao hiểu đầy đủ được hiện tại và xác định con đường sáng vươn tới tương lai? Có mối quan hệ biện chứng giữa những thời điểm đã qua, hiện nay và sắp tới. Chỉ có rút những kinh nghiệm bổ ích nhất ở quá khứ làm bài học sâu sắc cho hiện tại mới đi đến tương lai sáng sủa.

Các câu hỏi trên đây có thể đưa đến những trả lời khác nhau, khác xa nhau, thậm chí trái ngược nhau. Tùy theo chỗ đứng, mối quan tâm đến thời cuộc, vị trí, lập trường chính trị, trình độ văn hóa, kiến thức, tấm lòng và đạo đức xã hội... Tùy theo sự đánh giá các sự kiện ấy mà có thể đánh giá ra sao về sự đổi mới ở trong nước hơn mười năm nay và phỏng đoán tương lai... Qua những sự kiện lớn nổi bật ấy mà

mỗi người có thể xác định chỗ đứng và thái độ chính trị hiện nay. Làm gì, làm thế nào là phù hợp nhất để xứng đáng là người dân Việt biết yêu nước mình, thương dân mình, để hòa nhập với thế giới, để đất nước phát triển hài hòa, giảm bất công xã hội, xây dựng cuộc sống văn minh, tiến bộ và hạnh phúc.

Mấy năm nay, các bạn tôi ở trong nước cho biết thủ tướng Phạm Văn Đồng và tướng Võ Nguyên Giáp từng nhiều lần đến thăm chùa, thắp hương trước tượng Phật và còn thỉnh thoảng ở trong nhà ngồi thiền trước bàn thờ Phật hàng giờ để tĩnh tâm, tĩnh trí, hồi niệm và tu luyện.

Tôi nghĩ sẽ là hồng phúc cho dân tộc Việt Nam ta nếu hai vị đại lão khai quốc công thần được Phật tổ soi sáng vào cuối đời mình, sẽ phát biểu những điều hợp lẽ phải về các sự kiện trên đây, góp phần làm sáng tỏ một số sự kiện lịch sử, rút ra những bài học xác đáng cho hiện tại và tương lai. Có cống hiến nào có thể lớn được đến vậy? Làm được điều ấy là cách thiết thực nhất để hai vị dành được niềm tin cậy, sự kính trọng của đồng bào nhân dân, chiến sĩ, các cựu chiến binh, tuổi trẻ và dư luận toàn thế giới, vượt lên trên cả những phần thưởng và vinh dự như các huân chương Sao Vàng, Hồ Chí Minh, Độc Lập, Kháng Chiến, Quân Công... đủ loại.

Tướng Giáp hẳn đã nhiều lần nhớ đến câu: "Nhất tướng công thành vạn cốt khô"; chữ "vạn" có thể được thay bằng chữ "triệu". Xương máu của hàng triệu sinh mạng đã mạ tẩm lon đại tướng trên hai vai ông. Đây cũng là gánh nặng đè lên lương tâm và danh dự của ngài đại tướng lúc này. Một thử thách lớn ở cuối đời. Lại một quyết định khó khăn nhất.

Xin chúc hai vị đại lão sống lâu trăm tuổi. Nếu có mệnh hệ nào, lòng tiếc thương của xã hội dành cho hai vị sẽ tùy thuộc không ít vào thái độ đối với các vấn đề lịch sử, đối với hai sự kiện trên đây, đối với đổi mới và hiện đại hóa cuộc sống chính trị của đất nước hiện nay.

Lười nào đây ?

Quả là khó, rất khó cho hai vị khi tìm cách trả lời cho xác đáng. Khó, vì dụng

đến trách nhiệm quá lớn của cá nhân hai vị, liên quan đến số phận, sinh mệnh của hàng chục vạn, hàng triệu, hàng mấy chục triệu nhân dân. Khó, vì trách nhiệm cá nhân với trách nhiệm tập thể xoắn xuýt vào nhau, khó phân biệt rạch ròi. Khó, vì phải tính đến hậu quả khi sự việc được sáng tỏ, khi mà số phận của tướng Suharto và tướng Pinochet đang được thử thách về những sự kiện diễn ra 20, 30 năm trước.

Thế nhưng việc trả lời cũng dễ dàng, tự nhiên, thoải mái khi hai vị đã hết mọi quyền lực, đã tự mình dẫn thân cho thiên, cho việc tu tỉnh, để mong lên được cõi Niết Bàn. Dễ, vì chính hai vị đã dạy dỗ cán bộ, sĩ quan, chiến sĩ và nhân dân cái đạo lý: tự phê bình hàng ngày cần thiết như rửa mặt; sĩ quan, cán bộ, chiến sĩ, đảng viên... phải có dũng khí nhận sai lầm để sửa chữa; không sợ sai lầm, chỉ sợ không dám nhận ra sai lầm; nói rõ sự thật, nói hết sự thật là đạo lý làm người; không ham phú quý, không mê tiền tài, chỉ trọng ân nghĩa... Ngài thủ tướng từng viết bài luận văn chính trị về nhà đại văn hóa dân tộc Úc Trai Nguyễn Trãi, tấm lòng sáng rực như sao Khuê, nhân cách ngay thẳng như cây trúc... chẳng lẽ lại quên sạch cả hay sao?

Do đó rất khó phỏng đoán hai vị sẽ trả lời ra sao về hai câu hỏi rất chân thành trên đây. Chân thành vì người xin phép đặt ra câu hỏi đã băn khoăn về các vấn đề trên suốt thời gian từ năm 1975 đến năm 1990, cố tự mình tìm ra lý giải để rồi viết kiến nghị và dẫn thân cho lẽ phải, bất chấp gay go và gian khổ nhưng lương tâm luôn yên tĩnh hơn 8 năm nay.

Rất mong hai vị trả lời bằng lời mềm lương thiện, nghĩa là bằng lòng thành thật, qua trí tuệ minh mẫn và trái tim nhân ái, không uốn éo theo nghị quyết, cho vừa lòng những người nắm quyền lực cao nhất; xin chớ dùng *lời gở*, lặp lại nguyên si những giáo điều cổ lỗ ai nấy đều đã biết, như cô phát ngôn viên nào đó của bộ ngoại giao trước đông đảo giới báo chí trong và ngoài nước vẫn tỉnh bơ khẳng định rằng: các ông Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Thích Quảng Độ, Thích Tuệ Sĩ, Thích Trí Siêu... đều là những tên tù hình sự phạm tội ác nặng được nhà nước khoan hồng và ân xá. Cũng xin chớ dùng *lời thếp hay lời bọc thếp* của các vị trùm tuyên huấn và trùm tư tưởng hiện nay ở Hà Nội vẫn rao giảng rằng chủ nghĩa Mác Lênin vẫn là chân lý tuyệt đối (!) của nhân loại và Cách mạng tháng 10 Nga (!) vẫn là cột mốc sáng chói nhất trong lịch sử loài

người (!).

Rất mong hai vị đại lão nói lên những điều thật nhất tự đáy lòng mình. Dù cho thật lòng, các vị trả lời rằng: "Tôi đã quên, không còn quan tâm gì đến những sự kiện ấy". Hay là: "Câu hỏi có vẻ móc máy, kiểu chiến tranh tâm lý của chủ nghĩa đế quốc, không cần trả lời". Hoặc: "Trong các sự kiện ấy, đảng và chính phủ do đảng lãnh đạo luôn luôn đúng, điều này đã quá rõ, không cần nhắc lại"... Hoặc là: "Bọn nguy quân, nguy quyền ấy không bán bỏ là may lắm rồi; lũ vong quốc, bám theo quan thầy đế quốc là đồ bỏ đi, là cục ruột thừa ung thối, cắt bỏ để cơ thể dân tộc thêm khỏe; quên chúng nó đi". Những câu trả lời như thế là có thể hiểu được, khi chủ nghĩa Mác Lênin vẫn còn được coi là chân lý tuyệt đối, như kinh thánh để tôn thờ.

Hoặc giả, các vị có thể nhận ra sự thật một cách mờ ảo, kiểu nước đôi: "Chủ trương đúng, thi hành sai. Trong đúng có sai, trong sai có đúng. Tình hình phức tạp, không đơn giản, chẻ sợi tóc làm ba làm gì. Do âm mưu địch, bọn tay sai CIA cài lại, do bọn Fulro hoành hành, do bành trướng Trung Quốc đe dọa xâm lược, do Khmer đỏ quấy phá... nên không có cách nào cả. Chúng nó là nguồn gốc mọi tai ương. Đây là sự bó buộc đáng tiếc. Thôi! hòa cả làng!".

Cũng có thể, có vị nhận ra rõ ràng, dứt khoát hơn: "Đó là chủ trương sai lầm. Do không có thảo luận tập thể. Trung ương không được bàn. Quốc hội không được hỏi. Do quyết định của vài cá nhân đã chết (chết là hết chuyện?!). Do theo học thuyết đấu tranh giai cấp một cách mù quáng. Do "khoa học" và "nghệ thuật" gây cảm thù một cách cực đoan. Do chính sách sai lầm phân biệt đối xử, chủ nghĩa lý lịch tệ hại. Do thiếu tinh thần dân tộc, thiếu vắng lòng nhân ái truyền thống. Do kiêu ngạo, mù quáng, đại dốt, ngu xuẩn. Bỏ mất thời cơ bằng vàng để tập hợp toàn dân tộc". Hoặc là sâu sắc hơn: "Do thiếu dân chủ ở trong đảng, thiếu dân chủ trong bộ máy cầm quyền, do thiếu dân chủ trong xã hội; do không có tự do ngôn luận, tự do báo chí; do chế độ độc đảng, gia trưởng; do một đảng duy nhất lộng hành, đứng trên, đứng ngoài luật pháp; do thiếu vắng một lực lượng chính trị đối lập xây dựng".

Một cuộc thảo luận rộng trong năm 1999

Không chắc gì hai vị đại lão vui lòng chấp nhận cuộc phỏng vấn đầu năm từ xa này. Vậy thì rất mong rằng ở trong nước,

các bạn nhà báo, cựu chiến binh, cán bộ, tuổi trẻ, những người trong họ hàng, thân nhân, đồng hương... quan tâm đến vận mệnh đất nước, có dịp tiếp cận hai vị, sẽ đặt ra giúp những câu hỏi chân thành trên đây.. May ra sẽ có lời giải đáp.

Lời giải đáp của hai vị có thể coi như lời nhắn nhủ tâm huyết đối với hậu thế. Sự im lặng cũng là một cách trả lời có ý nghĩa.

Trong khi chờ đợi, trong năm 1999 này, xin mời các bạn đọc của Thông Luận, các bạn trẻ trong và ngoài nước tham gia vào cuộc đối thoại bỏ ích này; dài ngắn xin tùy các bạn. Mong các bạn phát biểu rõ chính kiến của riêng mình về các vấn đề được nêu ra trên đây và mong các bạn vui lòng gửi cho người viết bài này (qua báo Thông Luận, 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France). Xin đa tạ.

Năm 1998 đã có những tiếng nói bình tĩnh, dũng cảm và sáng suốt của tướng Trần Độ, của ông Hoàng Minh Chính, của các kiện tướng Đà Lạt: Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự, của nhà văn hóa Lữ Phương, của các ông Lê Hồng Hà, Hoàng Tiến, của nhà địa vật lý Nguyễn Thanh Giang, của các cụ lão thành Hoàng Hữu Nhân, Đoàn Nhân Đạo, Vũ Minh Ngọc, của các trí thức trẻ như kiến trúc sư Nguyễn Hoàng Phương, của luật sư Đàm Văn Hiếu, của cựu sĩ quan Trần Dũng Tiến, Bùi Đông Long, của cựu chiến binh Phạm Vũ Sơn, Trần Bá, cùng như những tiếng nói tập thể của 4 vị, của 10 vị, của 11 vị đảng viên kỳ cựu... vang lên về các vấn đề chính trị nóng hổi. Tập thể các giáo sư, bác sĩ Quân Y Viện 108 cũng lên tiếng bênh vực viện trưởng Vũ Bằng Đình trước sự đối xử bất công từ nguyên chủ tịch nước Lê Đức Anh. Những con người ngay thật không còn sợ cường quyền, dám dẫn thân bảo vệ chân lý đang được nhân lên nhanh chóng, khi lực lượng tự nhận là lãnh đạo đất nước ngày càng sa sút, tha hóa, trở nên thế lực kìm hãm xã hội.

Một cuộc đối thoại tự do đang mở rộng là nét đẹp nhất trong bức tranh chính trị năm qua của đất nước. Hãy chung sức kết thúc thế kỷ 20 bằng cách xóa tan những mây mù trong nhận thức xã hội, để đất nước ta bước vào thế kỷ 21, vào thiên niên kỷ mới, thanh toán sòng phẳng những món nợ của quá khứ, nhìn rõ con đường sáng hòa nhập với thế giới hiện đại, tiến thẳng tới tương lai đầy hứa hẹn.

Bùi Tín

Không bao giờ quá muộn

Thanh Vân

Từ vài năm nay, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã bộc lộ một sự phân hóa cùng cực trong nội bộ qua những tranh giành quyền lực, những bất đồng về đường lối lãnh đạo và nhất là qua những lời kêu gọi dân chủ hóa đất nước phát xuất từ một số cán bộ và cựu cán bộ cao cấp. Từ những nhận định và đòi hỏi nguyên tắc và chung chung, những tiếng nói phản kháng đã tiến dần tới một mức độ cụ thể hơn là tố cáo đích danh một số người, từng hoặc đang giữ những chức vụ cao cấp nhất.

Thêm vào những bối rối nội bộ đó, Đảng Cộng Sản Việt Nam còn phải đối đầu với các cuộc nổi dậy của nông dân Thái Bình, Đồng Nai, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa phản đối tham nhũng và lạm quyền. Những cuộc nổi dậy này đã làm "Đảng" nao núng và phải áp dụng biện pháp kỷ luật đối với hàng trăm viên chức địa phương.

Để xoa dịu cảm phần của nông dân và các cựu chiến binh cộng sản, tháng 3-1998 chủ tịch nhà nước Trần Đức Lương đã đến thăm Thái Bình, một trong những cái nôi của Đảng Cộng Sản và cũng là nơi cuộc nổi dậy bộc phát dữ dội nhất, và nhìn nhận các viên chức tại đây đã có lỗi. Riêng về các lời chỉ trích và đòi hỏi dân chủ, các nhà lãnh đạo cộng sản đã hành động rất cẩn thận, cố tránh những phản ứng thô bạo. Chính tổng bí thư Lê Khả Phiêu đến thăm tướng Trần Độ tại nhà. Đó là một thái độ được đánh giá là thông minh theo kiểu "mềm nắn rắn buông", nhưng thực ra đảng cộng sản vẫn không thay đổi lập trường, vì ngay sau đó ông Lê Khả Phiêu tuyên bố: "sẽ bảo vệ sự độc quyền lãnh đạo của đảng cộng sản, sẽ duy trì định hướng xã hội chủ nghĩa. Những người khuyên nên từ bỏ chủ nghĩa xã hội và vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản là sai lầm vì đây là sự chọn lựa của nhân dân và của lịch sử, v.v...".

Cải ngôn ngữ luỡi gỗ đó không che giấu được thực tế là Đảng Cộng Sản Việt Nam đang đứng trước ngã ba đường mà lối nào cũng bị tắc nghẽn vì phải đối phó cùng một lúc với phân hóa nội bộ, uất ức của dân chúng và áp lực của dư luận quốc tế lên án những vi phạm nhân quyền.

Thêm vào đó, kinh tế Việt Nam

đang càng lúc càng bộc lộ nhiều dấu hiệu khủng hoảng nghiêm trọng. Tháng 10 vừa qua, Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng Sản mở hội nghị toàn thể, họp 160 ủy viên để thảo luận những biện pháp cải tổ kinh tế, rồi rút cuộc chẳng đi đến quyết định cụ thể nào. Một cấp lãnh đạo dấu tên đã nói với báo chí ngoại quốc: "Không nên chờ đợi nhiều biện pháp cải tổ hơn". Người ta cười thầm tự hỏi, thế thì họp để làm gì?

Chưa bao giờ nền kinh tế Việt Nam có nhiều dấu hiệu nguy ngập như hiện nay. Theo báo cáo mới nhất của Ngân Hàng Thế Giới và Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, sự nguy ngập của Việt Nam một phần là do cơn khủng hoảng tài chính Á Châu đã lan đến Việt Nam và phần kia là do sự ngoan cố không chịu cải tổ của nhà nước cộng sản, mặc dù Việt Nam đang đứng bên bờ vực thẳm.

Xuất khẩu suy sụp nặng, giảm sút sấp xỉ 60%. Đất lành chim đậu, đất dữ chim bay. Từ năm 1997, đầu tư ngoại quốc vào Việt Nam trên đã giảm sút đáng sợ, từ 20, 30, 50 đến 60% như hiện nay. Nguyên nhân gần là ảnh hưởng cuộc khủng hoảng tài chính tại Châu Á, nhưng nguyên nhân xa là các nhà đầu tư không muốn tiếp tục đổ vốn vào một nước mà các tệ quan liêu và tham nhũng đã thành một nếp sống. Ông thủ tướng Phan Văn Khải nói: "Chính phủ Việt Nam không nói suông mà sẽ hành động". Nhưng lời nói "dứt khoát" đó đã không có hành động tiếp theo, phải chăng vì các thế lực thủ cựu quá mạnh, mặc tình cho các cơ quan tài chính quốc tế kham cả tiếng kêu gọi Việt Nam phải đẩy nhanh cải tổ. Đảng Cộng Sản hiểu rất rõ những vấn đề nhưng họ không chịu chấp nhận những giải pháp phải có và đang đưa Việt Nam đến bế tắc và hỗn loạn như Nam Dương.

Thật vậy, nhìn trên mọi lãnh vực các chỉ số kinh tế Việt Nam đang báo động đỏ, các hãng lắp ráp xe hơi như Ford, Mercedès bị lỗ là nặng, sắp phá sản, các hãng khác như Chrysler, Nissan đình chỉ đề án đầu tư vô thời hạn. Các hàng vải sợi, may mặc, giày dép đứng trước nguy cơ suy sụp vì đơn đặt hàng từ Nhật Bản đã giảm 40%, một số hãng đã

đóng cửa, nhiều nơi phải giảm lương và sa thải nhân công. Cùng lúc Việt Nam phải chịu một số lượng nhất định (quota) về hàng may mặc đổ vào thị trường Châu Âu. Hãng Nike sản xuất quần áo và giày thể thao đã sa thải 2.700 nhân công và còn tiếp tục sa thải. Năm 1997 hãng Procter & Gamble đã bị lỗ 30 triệu USD từ khi bỏ vốn vào Việt Nam (1995).

Về du lịch, đầu thập niên 90 du khách đến Việt Nam tăng 30% trong vòng một năm, nhưng từ 1997 số du khách đứng khựng lại và đang sụt giảm một cách bi đát. Tình trạng này làm cho các khách sạn ở Hà Nội, và Sài Gòn đã phải giảm giá tiền phòng mà vẫn thiếu khách, nhiều khách sạn đang bị phá sản.

Việt Nam hiện có hơn ba triệu người thất nghiệp tại các thành phố theo con số chính thức, trong đó 8% người thất nghiệp là nhân công của xí nghiệp quốc doanh, 11% là nhân công xí nghiệp liên doanh với ngoại quốc, số còn lại là người dân ở vùng quê lên không có công ăn việc làm. Trong năm 1997 có 175.000 người bị sa thải, từ 6 tháng đầu năm 1998 có thêm 80.000 người khác. Nếu tiếp tục đà này thì dân Việt Nam sẽ lâm vào nạn đói vì không có việc làm. Thêm vào đó thiên tai, bão lụt tháng 11 vừa qua ở 9 tỉnh miền Trung làm thiệt hại nặng nề về sinh mạng lẫn tài sản.

Về tài chính, vào tháng 5-1998, Ngân Hàng Trung Ương Việt Nam đã khô cạn ngoại tệ để bảo lãnh cho các công ty muốn vay tiền và buôn bán với ngoại quốc. Một số xí nghiệp và ngân hàng nhà nước đã không được ngân hàng trung ương cung cấp ngoại tệ để thanh toán nợ nần dù ngân hàng trung ương là cơ quan đứng bảo lãnh cho các vụ mua bán và vay mượn đó.

Triển vọng kinh tế của Việt Nam đang rất đen tối, chính thủ tướng Phan Văn Khải đã lên tiếng kêu gọi toàn dân phải nỗ lực về đầu tư và phát triển chống nguy cơ suy thoái kinh tế. Đây là lần đầu tiên một nhà lãnh đạo Việt Nam công khai nói đến tình trạng tối tăm của kinh tế Việt Nam.

Về xã hội, chưa bao giờ Việt Nam có nhiều trẻ em bụi đời sống vất vưởng trên hè phố như bây giờ. Bệnh sida bành trướng, theo con số chính thức có khoảng 10.000 người mắc nhiễm bệnh này nhưng các quan sát viên quốc tế cho là có hơn 100.000 người mắc nhiễm bệnh này và năm 2000 sẽ tăng lên khoảng 250.000

người. Đã có 1/3 nông dân đem cầm bán ruộng đất của mình. Ruộng đất là nguồn sinh sống chính của gia đình họ nay phải đem cầm bán đi thì phải hiểu sự nghèo khó ở nông thôn đã lên đến bậc nào, thêm vào đó họ còn là nạn nhân của sưu cao thuế nặng và tham nhũng. Đơn khiếu nại của nông dân chông chất từ xã huyện đến các cơ quan trung ương không biết đến khi nào thì được giải quyết.

Chưa hết, Việt Nam lại đang muốn đẩy mạnh xuất khẩu lao động, nghĩa là chính sách mà người dân gọi nôm na là "đem dân đi ở đợ". Một nước lúc nào cũng tự xưng mình là anh hùng thắng Pháp, thắng Mỹ mà phải đem con dân mình đi làm đày tớ cho ngoại quốc thì còn gì là kiêu hãnh dân tộc?

Tình trạng bi đát như vậy mà Đảng Cộng Sản vẫn chưa chịu cải tổ. Họ không hiểu hay không muốn hiểu rằng không có phép màu nào khiến cho kinh tế Việt Nam khởi sắc ngoài biện pháp "dân chủ hóa toàn diện đời sống chính trị, xã hội, đồng thời tiến hành cải tổ sâu rộng kinh tế" như bốn nhà cách mạng lão thành ở Hà Nội đã thống thiết nói lên, cũng như trước đây tướng Trần Độ đã viết: "Muốn tồn tại Đảng phải thay đổi".

Những lời mời mọc, ve vãn các nhà đầu tư ngoại quốc của nhà nước cộng sản Việt Nam chỉ vô ích vì hơn ai hết các doanh nhân này hiểu là dân chủ và phát triển kinh tế phải đi đôi với nhau. Thêm nữa, với những khuyến cáo liên tục của Ngân Hàng Thế Giới và Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, các nhà đầu tư ngoại quốc không dại gì đem tiền vào Việt Nam để rồi mất hết. Nhà nước cộng sản Việt Nam không hiểu là những chế độ độc tài, hoặc nửa độc tài, nửa dân chủ có thể tồn tại trong thời thịnh vượng nhưng sụp đổ khi có khủng hoảng kinh tế. Đó là trường hợp của Nam Dương mà Việt Nam đang đi theo vết. Đảng cộng sản Việt Nam có chắc là nhân dân Việt Nam sẽ mãi mãi là đám cừ non không dám đứng lên đánh đổ độc tài đảng trị, nhất là khi họ không còn gì để mất nữa?

Việt Nam đã có nhiều dấu hiệu nổi loạn. Dân lao động Sài Gòn dù bị kèm chế và rất sợ bị đui việc, nhưng cũng đã có 6 vụ đình công năm 1995, 39 vụ năm 1996, hơn 60 vụ năm 1997. Không chỉ các công nhân trong công ty ngoại quốc đình công thôi, tháng 11-1997 có 1.300 tài xế taxi của các công ty Davi và Vina ngưng làm việc để đòi cải thiện điều kiện

lao động và thù lao. Sinh viên, học sinh và tuổi trẻ Việt Nam đã dám nói lên tiếng nói của mình qua tờ báo Thao Thức dù đang bị truy lùng gay gắt. Họ đang đứng lên phản đối chính sách khủng bố giáo dục, đòi quyền tự do học hành, thi cử.

Đảng Cộng Sản Việt Nam còn chờ gì để thay đổi đường lối của mình để tránh đưa dân tộc đến con đường tắc nghẽn và rồi sẽ trả giá tương xứng. Đến khi nào họ mới hiểu là dân chủ và các nguyên tắc điều hành quốc gia lành mạnh, trong sạch là chìa khóa để phát triển kinh tế? Hãy có những điều kiện đó trước đi rồi ngoại quốc và người Việt hải ngoại sẽ đem vốn, đem chuyên môn của mình vào Việt Nam để giải quyết các vấn nạn mà nhà nước cộng sản đang gặp phải. Hãy thực sự cải tổ trước khi dân Việt Nam phải đứng lên, vì giọt nước sẽ làm tràn ly. Với sự thông tin mau chóng của hệ thống viễn thông qua Internet, qua truyền thanh, qua thư từ, qua sự đi lại từ xứ này qua xứ khác, với sự tiến bộ về dân chủ và nhân quyền trên thế giới, với luật pháp quốc tế đang hình thành, không còn một tập đoàn độc tài nào có thể tự cho mình là bất khả xâm phạm.

Bánh xe lịch sử đã cho thấy sự tiến triển dần dần nhưng chắc chắn của nhân loại mà không một lãnh tụ nào trên thế giới có thể cưỡng lại, điển hình là cách đây 150 năm, năm 1848 khi Pháp khởi xướng bãi bỏ chế độ nô lệ thì 20 năm sau, sau cuộc chiến tranh Nam Bắc, Hoa Kỳ cũng phải nổi gót hủy bỏ chế độ bất công này dù có bao nhiêu người chống đối vì quyền lợi riêng. Hậu bán thế kỷ 20, lần lượt các đế quốc phải trả độc lập cho các thuộc địa để rồi chế độ thuộc địa cáo chung từ đầu thập niên 60. Thế kỷ 21 sắp đến đây sẽ là thế kỷ của nhân quyền, dân chủ, công bình xã hội thực sự chứ không phải thứ dân chủ, công bình bánh vẽ đầu môi chót lưỡi với những danh từ trống nghĩa. Thế kỷ 21 cũng sẽ là sự thể hiện một tiến trình toàn cầu hóa luật pháp, những nhà độc tài, bạo chúa sớm muộn gì cũng sẽ bị truy tố trước vành móng ngựa.

Không bao giờ là quá trễ nếu muốn sửa sai và đi theo lẽ phải. Nhất là dân tộc Việt Nam sau bao tang tóc và đổ vỡ chỉ còn nguyện vọng duy nhất là thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc, quay lưng nhanh chóng lại với quá khứ và bắt tay nhau xây dựng một tương lai chung.

Thanh Vân

Đoàn Viết Hoạt sang Châu Âu gặp đồng bào và các chí hữu

Giáo sư Đoàn Viết Hoạt sẽ đến Paris ngày 30-1-1999 và sẽ lưu lại Châu Âu ít nhất cho đến ngày 14-2-1999.

Mục đích của Đoàn Viết Hoạt trong chuyến viếng thăm này trước hết là để cảm tạ đồng bào, các tổ chức và thân hữu đã tận tình ủng hộ anh trong suốt thời gian lao lý gần hai mươi năm của anh.

Chương trình viếng thăm và tiếp xúc của Đoàn Viết Hoạt tại Pháp sẽ do Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt (Association Vietnam Libertés) sắp xếp. Đoàn Viết Hoạt mong mỗi được tiếp xúc rộng rãi với các hội đoàn trong cộng đồng và tổ chức đấu tranh cho tự do, dân chủ.

Buổi tiếp xúc đầu tiên của Đoàn Viết Hoạt sẽ là

**một bữa ăn trưa - thảo luận
tại nhà hàng Chinagora**

(1, place du Confluence France-Chine ; 94 140 Alfortville)

**ngày chủ nhật 31-1-1999,
từ 11 giờ 30 đến 18 giờ,**

trong đó Đoàn Viết Hoạt sẽ trình bày lập trường đấu tranh của anh. Sau đó có một phần văn nghệ mừng xuân và mừng anh chị Đoàn Viết Hoạt.

(Đóng góp của mỗi người tham dự cho bữa ăn này là 160 F).

Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt đã đặt sẵn 300 chỗ. Các thân hữu muốn tham dự và các hội đoàn dành một số chỗ có thể liên lạc ngay từ bây giờ với Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt.

Các tổ chức muốn gặp gỡ và thảo luận với Đoàn Viết Hoạt xin liên lạc trước để tiện sắp xếp.

Mong đồng bào và các thân hữu dành cho anh Đoàn Viết Hoạt một sự tiếp đón niềm nở và ân cần.

Liên lạc:

Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt

11 Mail Le Corbusier

77185 Lognes

Tél.: 01.60.17.68.00

Fax: 01.64.62.24.27

Cuối năm, ôn cố tri tân

Một bài học của Nga: khi phải yêu Đảng thay vì yêu Nước....

Tôn Thất Thiện

Trong 7 năm qua dân Nga đã bị khủng hoảng dài dài, và có rất ít triển vọng họ sẽ thoát khỏi tình trạng này trong một thời gian ngắn. Lý do chính của tình trạng trên đây không phải là ông Yeltsin và các chính phủ ông bổ nhiệm đã lựa chọn những chính sách tài chính kinh tế sai lầm, mà là trong 70 năm bị cộng sản cai trị, dân Nga đã được giáo dục phải coi Đảng là Tổ Quốc. Dân quen với khẩu hiệu: yêu Tổ Quốc là yêu Đảng, và với ý niệm: Đảng là Nước, Đảng là quyền lực tối hậu, dân phải yêu Đảng hoặc sợ Đảng. Nay Đảng không còn, thì không còn gì để yêu hay để sợ: lòng yêu nước và tinh thần công dân tiêu biến. Vì lòng yêu nước và tinh thần công dân đã tiêu biến nên xã hội Nga hiện nay thiếu những điều kiện đạo đức và tinh thần căn bản cần thiết để xây dựng một quốc gia cường thịnh và tiên bộ, có khả năng tồn tại và phát triển.

“Ôn cố, tri tân” có thể coi như một khẩu hiệu thời Tết. Nhưng “ôn” cái gì đây? Đối với những người như tôi, nay đã bước vào hàng bô lão, “cố” gồm có nhiều chuyện lắm. Phần khác, những gì mà những người lứa tuổi tôi “ôn” phải có ích ít nhiều gì cho giới trẻ, nếu không chúng tôi sẽ bị giới này coi như những ông già lắm cẩm muốn lôi kéo họ lui về quá khứ, vào những chuyện đầu đầu không liên quan gì đến họ và đến tương lai của họ, phí giấy mực, và phí thì giờ của họ. Như Cụ Phan Bội Châu giải thích, “thất thập nhi tùy tâm sở dục” (vào lứa tuổi 70, cứ làm theo như tâm mình bảo), nhưng... phải “bất du cử” (không ra ngoài khuôn khổ). Khuôn khổ là đạo lý, nhưng “đạo lý” ở đây lại gồm có bốn phận giúp đỡ người khác, đặc biệt là giúp thế hệ đi sau mình hiểu biết quá khứ để rút kinh nghiệm, tránh những quyết định

sai lầm trong hiện tại, để khỏi bị đẩy vào thế kẹt trong tương lai. Cho nên tôi chọn một vấn đề mà tôi theo dõi khá sát trong thời gian qua vì tôi cho rằng nó liên quan rất nhiều đến Việt Nam. Đó là cuộc khủng hoảng đã dẫn vật dân Nga trong 7 năm qua, đang làm cho họ điều đứng trong hiện tại, và các dấu hiệu cho thấy tình trạng này sẽ còn kéo dài trong tương lai.

Khủng hoảng dài dài

Từ hơn 7 năm nay, kể từ ngày đám cán bộ cộng sản cao cấp bảo thủ đảo chính hụt Gorbachev, đưa đến sự giải thể của Liên Xô và chế độ cộng sản, nước Nga đã bị chìm đắm trong một tình trạng khủng hoảng “hậu cộng sản” trầm trọng. Tình hình kinh tế tài chính càng ngày càng suy sụp và hỗn loạn. Ông Yeltsin, Tổng Thống Nga, và những cộng tác viên của ông đã ra sức đưa nước Nga ra khỏi tình trạng bi đát này, nhưng đã không thành công, dù rằng chính phủ Nga được các nước bạn, đứng đầu là Hoa Kỳ, và các tổ chức kinh-tài quốc tế (Ngân Hàng Quốc Tế, Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế) tận tình giúp đỡ.

Về sự suy sụp và hỗn loạn của tình hình kinh tế tài chính thì trong thời gian qua báo chí đã nói đến nhiều. Mọi người đều biết rằng nước Nga nay nợ ngoại quốc hàng trăm tỷ đô la (con số mới nhất là 158 tỷ), các ngân hàng Nga hầu hết ở tình trạng vỡ nợ, nước Nga thiếu ngoại tệ trầm trọng phải giảm nhập cảng triệt để, chính phủ không có tiền trả lương cho nhân viên, đặc biệt là thợ mỏ, và quân đội. Trong thời gian gần đây, tình trạng suy sụp được biểu hiện qua sự sụt giá ngoạn mục của đồng rúp: tháng 8 vừa qua 10 rúp đổi được 1 đô la, nhưng tháng 12 phải mất 18 rúp. Tình hình tiếp tế lương thực nguy cấp đến nỗi giới chức Nga phải nuốt tự ái và cầu cứu Hoa Kỳ viện trợ

(3,1 triệu tấn, trị giá 625 triệu đô la) để tránh khỏi nạn đói có thể xảy ra trong mùa đông này. Đồng thời, chính phủ Nga, trong đó có một số tổng trưởng cộng sản, phải chấp nhận một số điều kiện của Ngân Hàng Quốc Tế và Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế để được các cơ quan này tiếp tục cho vay để khỏi lâm vào thế phải quy t nợ.

Tình hình trên đây, mới nhìn qua, thì có vẻ thật lạ lùng. Tại sao nước Nga là một nước rộng lớn, tài nguyên phong phú, từng là một nước xuất cảng nông lâm phẩm và các loại khoáng vật, dầu hỏa, khí đốt, vàng và kim cương, lại rơi vào một tình cảnh như vậy? Tất nhiên có nhiều lý do. Có những lý do đã được báo chí, TV nói đến nhiều. Nhưng cũng có những lý do ít được đề cập đến, vì nó tế nhị hơn.

Di sản của chế độ cộng sản

Giáo sư Martin Malia, giảng dạy về Lịch sử Nga tại Đại Học Berkeley, California, đã viết như sau trong báo *New York Times* (ngày 3.9.1998) về “sự tan vỡ” hiện tại về kinh tế tài chính của Nga:

“Chắc chắn rằng đây không phải chỉ là kết quả của chính sách kinh tế tiền tệ sai lầm mà thôi. Lý do sâu xa là đây là di sản của quốc gia cực quyền Xô Viết. Khi quốc gia này sụp đổ, nó đã để lại một đống gạch vụn về hành chánh và kinh tế, không có thủ tục pháp lý, kiện tụng và cảnh sát cần thiết cho một xã hội tân tiến – một khiếm khuyết biên chế mà các quốc gia Đông Âu không có khi họ chuyển qua một nền kinh tế thị trường”

Một trong những lý do đã được nói đến nhiều là: trong 70 năm cộng sản nắm toàn quyền, nước Nga đã phải theo một chế độ kinh tế “Mác-Lê-nin” kế hoạch hóa toàn diện hoạt động kinh tế, không lấy giá cả thị trường làm tiêu chuẩn, tuyệt đối

cấm tư nhân sản xuất, buôn bán. Nay chế độ đó bị dẹp bỏ nhường chỗ cho một chế độ kinh tế căn cứ trên tự do kinh doanh, giá cả thị trường, sáng kiến cá nhân. Trong chế độ này, nhân viên công quyền không được chỉ thị hàng ngày và chi tiết, lúng túng không biết phải làm gì và làm sao, cũng như dân chúng quen chờ mệnh lệnh ân huệ của nhà nước, cũng bỡ ngỡ không biết xoay sở ra sao.

Trong khi đó, Đảng Cộng Sản đã không giúp gì vào việc cải thiện tình thế, mà còn làm cho tình hình càng khó khăn thêm để có điều kiện gia tăng thế lực của họ. Tuy không hy vọng gì lập lại chế độ cộng sản, nhưng họ chiếm được 30% tổng số dân biểu trong Hạ Nghị Viện trong khi các đảng phái và lực lượng không cộng sản phân tán, và Hiến Pháp hiện thời của Nga buộc Thủ Tướng phải được đa số dân biểu Hạ Viện chấp nhận. Do đó, nhóm cộng sản trong Quốc Hội Nga có khả năng chặn phá chính sách của chính phủ. và dù Ông Yeltsin muốn cải tổ kinh tế mau, rộng, và sâu, theo chiều hướng tự do, những kế hoạch cải tổ của ông đều bị ngăn chặn. Cho nên kinh tế đã không cải thiện được, mà càng ngày lại càng suy sụp thêm.

Cấp lột khắp nơi

Một lý do khác, ít được đề cập tới vì khía cạnh này tế nhị hơn, không có tính cách ngoạn mục để đưa lên TV, nhưng lại có hậu quả nặng nề và nguy hiểm hơn nhiều, là hiện nay dân Nga tỏ ra thiếu lòng yêu nước và tinh thần công dân. Sự kiện này biểu hiện trong những hành vi bất chấp luật pháp và “dĩ công vi tư” của họ. Một vài ký giả Mỹ hay Canada đã ghi chép một số sự kiện đó như dưới đây.

Ký giả Geoffrey York, của báo *Toronto Globe and Mail*, trong một bài (ngày 2/11/1998) mang tít “Tài sản quốc gia tha hồ chiếm đoạt”, đã ghi: “dân Nga hiện nay coi tài sản quốc gia là của công, mà mọi người tha hồ chiếm đoạt; ai đến trước thì chiếm được.... Từ ngày Liên bang Xô Viết sụp đổ, đã diễn ra một cảnh tượng cấp lột lan tràn trên toàn lãnh thổ Nga. Trước hết, tất cả những gì

mà không được gắn chặt đều bị lấy mang đi bán. Kể đến là ngay cả những gì được gắn chặt cũng bị lột gỡ ra và chở đi...giây cáp về viễn thông bị đào lên, cắt ra, và đồng, chì, các loại kim khí khác, kể cả cáp của các đài radar dùng để hướng dẫn máy bay lên xuống, và cột điện, hàng chục km giây nhôm, giây điện, cáp kéo thang máy, dụng cụ hướng dẫn tàu hỏa, đài vô tuyến và ống sắt, nguyên cả một đài radar cao 35 thước cũng bị gỡ lột đem bán làm sắt vụn....”

Ngay cả giây cáp truyền tin của các đài phóng hỏa tiễn nguyên tử cũng bị cắt; ở Vladivostok, việc hướng dẫn máy bay lên xuống ở sân bay quốc tế bị gián đoạn vì kẻ trộm cắt mất giây thước cáp của hệ thống truyền tin; ở Ulan Ude hệ thống truyền tin quân sự bị tê liệt vì kẻ cắp cắt mất 60 thước cáp của trung tâm truyền tin của thành phố. Ngay ở Mốt xcôva, 1000 cột điện bị kẻ cắp hạ sập để cắt giây đồng.....

Một trong những trường hợp ngoạn mục nhất về sự “dĩ công vi tư” này là vụ tháo gỡ đài radar quân sự Yeniseysk-15 ở Xi-bê-ri. Ký giả Geoffrey York tường thuật như sau (*Toronto Globe and Mail*, ngày 9/11/1998): đây là một đài radar quân sự 30 tầng, cao bằng kim tự tháp của Ai Cập, của Quân Đội Nga xây cất vào đầu thập niên 1980, nhưng năm 1991 phải đóng cửa vì Hoa Kỳ phản đối là vi phạm thỏa hiệp về giảm khí giới. Đài đã bị nhân viên của công ty mua lại đài đó và dân chúng trong vùng làm thịt sạch trơn. Chính phủ đã bán lại đài đó cho một công ty tư nhân để biến nó thành một nhà máy làm bàn ghế, và đã bỏ vào đó 10 triệu đô la. Nhưng nhân viên công ty đã bỏ túi số tiền đó, lại còn tháo gỡ dụng cụ chở đi. Những gì còn lại: cột điện, ống tháo nước, giây đồng, giây nhôm, các vật dụng bằng kim khí, hàng trăm tấn sắt, vách tường bê tông, đều bị dân trong vùng tháo gỡ đem về dùng riêng hay bán đi.

Tài chính kiệt quệ, tham nhũng lan tràn

Một trong những dữ kiện đặc biệt của tình hình Nga trong mấy năm qua là nhân viên chính phủ, dân sự

cũng như quân sự, không được trả lương không những hết tháng này qua tháng khác, mà còn hết năm này qua năm khác. Trường hợp ngoạn mục nhất là trường hợp những thợ mỏ than vùng Kuzbas, vùng mỏ than lớn nhất của Nga, như vùng Hòn Gay của Việt Nam vậy.

Theo ký giả Michael Wines của báo *New York Times* (ngày 17/9/1998) thợ mỏ than vùng Kuzbas không được trả lương từ ba năm qua. Xin nói rõ: ba năm. Chỉ riêng từ tháng 10 năm 1997 đến tháng 9 năm 1998, Chính phủ nợ thợ mỏ 120 triệu rúp. Vùng này có 250 mỏ than. Nhưng những mỏ này thiết bị cũ kỹ, ngang với trình độ mỏ than Hoa Kỳ của những năm 1960. Và giá than đắt gấp 3 giá thị trường. Thợ chẳng cần biết phí tổn là gì. Họ là nạn nhân của “kế hoạch hóa”: kinh tế thời cộng sản nắm quyền. Sản xuất đã từ 432 triệu tấn một năm tụt xuống còn 244 triệu tấn.

Một trong những lý do thợ không được trả lương là than sản xuất ra, không những số lượng giảm sút, mà khách hàng không trả tiền, và nếu có, thì số tiền đó bị những kẻ tham nhũng ăn chặn. Ví dụ, năm 1997, mỏ than ở vùng Beryozovsky sản xuất được 400.000 tấn, nhưng mất đi 60.000 tấn, không ai biết là nó đi đâu. Cũng như trong vụ mua bánh xe cho cam nhông chở than. Mỗi cái giá thực là 2000\$, nhưng trong sổ thì ghi là 3.700\$. Nhân viên nói: “nó biến thành nhà nghỉ mát, xe hơi đắt tiền, hay cái gì khác mà chẳng ai biết được...”

Tham nhũng thì lan tràn từ dưới lên trên. Đầu tháng này, ông Yavelinsky, một trong những nhân vật quen thuộc, đã từng làm cố vấn kinh tế cho chính phủ dưới Tổng Thống Yeltsin, đã viết thư công khai tố cáo 16 nhân viên cao cấp chính phủ tham nhũng, trong đó có Đệ nhất Phó Thủ Tướng Yuri Maslyukov (cộng sản), Phó Thủ Tướng Vadim Gustov, và khi thính giả đài phát thanh loan tin này được hỏi họ có tin rằng chính phủ Primakov có tham nhũng không thì 92% trong số 16500 người trả lời rằng “TIN”.

Những kẻ tham nhũng và thao túng thuộc cả giới hữu lẫn tả. Phía

hữu chúng thuộc về giới mà báo chí gọi là đám "crony capitalists" (tư bản bô bịch), "criminal oligarchs" (bọn trùm tài phiệt tội phạm). Đám này lại toa rập, "nằm cùng giường" với đám Mác-Lê, như ký giả William Saffire viết (*New York Times*, ngày 17/9/1998), để ngăn chặn các chính sách cải tổ kinh tế để chúng dễ bề thao túng, đặc biệt là bảo vệ các công ty "quốc doanh" phá sản, và in giấy bạc thả dân dù rằng làm vậy sẽ gây ra lạm phát. Chúng thao túng để đảng vì sau bao nhiêu năm cộng sản cai trị, Nga không có một hệ thống luật pháp và tòa án để bảo vệ hợp đồng, không có cảnh sát để ngăn ngừa tham nhũng.

Về phía dân thì họ đã quen với quan niệm không đóng thuế. Phần khác, trong tình trạng công chức công nhân không được trả lương, thương doanh bị phá sản, và kinh tế hỗn loạn, Chính phủ chẳng thu được thuế. Tỷ lệ thuế thu vào không quá 30-40 % tổng số dự trù. Thêm nữa, trong tình trạng chính quyền trung ương yếu, và chính trị bế tắc, các vùng không chịu chuyển những số tiền thuế thu được cho chính phủ trung ương.

Lòng yêu nước và tinh thần công dân tiêu biến

Thủ tướng đương nhiệm Primakov đã kêu gọi dân tỏ "lòng yêu nước" để đưa nước Nga ra khỏi khủng hoảng hiện tại. Sự kêu gọi này rất có ý nghĩa: nó nói lên một dữ kiện then chốt mà chúng ta cần thấy để hiểu rõ tại sao từ 1991 đến nay, Nga bị khủng hoảng kinh tế dài dài, dù rằng chế độ cộng sản đã bị giải thể.

Lý do đó, một lý do mà ít người để ý đến vì nó rất tế nhị là: tuy chính phủ Nga nay không phải là một chính phủ cộng sản, và Tổng Thống Nga, ông Yeltsin, là người đã làm thất bại cuộc đảo chánh cộng sản năm 1991, nhưng nước Nga "hậu cộng sản" vẫn là một nước Nga mang nặng di sản của 70 năm cộng sản trị vì.

Trong 70 năm đó chính quyền cộng sản đã "giáo dục" cán bộ đảng viên quen với tư tưởng: Đảng là trên hết, Đảng nắm toàn quyền, Đảng là

nguồn sống chết của tất cả mọi người. Cán bộ và đảng viên phải yêu và bảo vệ Đảng; dân thì phải theo Đảng, sợ Đảng, làm gì cũng phải nghĩ đến phản ứng của Đảng. Đảng là Chính phủ, Đảng là chính quyền, Đảng là Tổ Quốc. Yêu Tổ Quốc là yêu Đảng. Bảo vệ Đảng là bảo vệ Tổ Quốc. Phục vụ Đảng là phục vụ Tổ Quốc.

Có người sẽ hỏi: thế trong Thế Chiến II dân Nga đã chiến đấu rất anh dũng, không phải là họ đã hy sinh vì Tổ Quốc sao? Chiến tranh chống Đức sử gia cộng sản gọi là Chiến Tranh Bảo Vệ Tổ Quốc. Đúng. Nhưng vì lúc đó quân đội Hitler đã cư xử như một đoàn quân chiếm đóng, rất tàn bạo với dân Nga, và Stalin đã kêu gọi dân Nga chống Đức để bảo vệ *Tổ Quốc Nga* chứ không nói gì đến Đảng Cộng Sản Nga hay chế độ cộng sản Nga. Nhưng khi chiến tranh chấm dứt thì sử gia và Đảng Cộng Sản Nga lại đổi điệu, và nói rằng dân Nga đã chiến đấu để bảo vệ chế độ Xô Viết Nga.

Luận điệu trên đây đã bị dân Nga công khai bác bỏ vào tháng 8, 1991, lúc cộng sản phản động đảo chính Gorbachev để tái lập chế độ cộng sản Nga. Lúc đó dân chúng đã đổ xô ra đường đứng về phía Yeltsin đánh bại đám đảo chính cộng sản. Mà không những dân chúng, lực lượng an ninh K.G.B và quân đội cũng đứng về phía ông Yeltsin, nghĩa là chống lại sự tái lập chính quyền cộng sản xô viết. Tháng 9 năm 1993, tàn dư Đảng Cộng Sản, liên minh với những phần tử bảo thủ Nga, lại bạo loạn nhằm đảo chính ông Yeltsin nhưng bị ông này đập tan. Cũng như hồi tháng 8, 1991, dân chúng và quân đội đứng về phe chống cộng sản.

Nhưng dù sao, sau khi sụp đổ, cộng sản đã để lại một di sản nặng nề, đặc biệt là sự biến mất tinh thần yêu nước và tinh thần công dân. Dưới chế độ cộng sản, cán bộ, đảng viên, dân chúng đều trông vào Đảng, yêu Đảng hoặc sợ Đảng. Nhưng khi Đảng=Tổ Quốc không còn nữa thì không còn gì để yêu để sợ nữa. Mỗi người chỉ biết lo cho mình và phục vụ bản thân mình. Thêm vào đó, đời sống khó khăn, chính quyền bất lực hay thờ ơ, nên dân chúng chẳng tôn

trọng luật lệ gì nữa, mạnh ai nấy sống, mạnh ai nấy làm.

Việt Nam hậu 1975

Tình trạng của Nga kể trên cũng giống tình trạng Việt Nam sau 1975. Cũng sây ra những vụ cắt giây điện, hạ cột điện, tháo gỡ bù lon các máy móc, dỡ nắp cống, v.v... đem về dùng riêng, hay đem bán cho ngoại quốc làm sắt vụn. Ở biên giới Việt-Hoa loại "ngoại thương" này rất thịnh hành. Trong xứ thì những vụ lấy cắp dụng cụ nhiên liệu nói sớ làm rất phổ biến. Và hình ảnh gây ấn tượng mạnh mẽ nhất là cảnh giao thông hỗn loạn trên đường phố, dân chiếm lề đường để làm quầy hàng, xây nhà, và cán bộ cao cấp chiếm cả bờ đê để cất biệt thự, bất kể luật lệ; làm ăn tham nhũng tràn lan. Mà chính quyền thì chẳng lấy đó làm chuyện quan trọng.

Những gì xảy ra cho nước Nga đáng làm cho chúng ta suy nghĩ về hậu quả của sự duy trì chế độ "xã hội chủ nghĩa" lâu dài. Một khi chế độ đó sụp đổ thì trong nước không còn giá trị gì nữa để duy trì một xã hội trật tự văn minh, vì xã hội đó thiếu hai yếu tố căn bản: lòng yêu nước và tinh thần công dân.

Khi viết đến cuối bài này thì tôi nhận được số báo *Ngày Nay* mới nhất, (số 401, ngày 15/11/1998). Trong đó, có những tin sau đây liên quan đến đề tài của bài đang viết. Tin thứ nhất là: trong những phiên họp Quốc Hội đang diễn ra lúc này, "rất nhiều dân biểu đã than phiền về nạn tham nhũng cửa quyền, trong đó có ông Đinh Hạnh, Phó Chủ Tịch Ủy ban Nhân Dân Hà Nội,.... Chính phủ Phan văn Khải cũng phải thú nhận rằng.... ngân sách dành cho các chương trình quốc gia khi xuống đến dân có nơi chỉ được 20%, còn lại dọc đường là bị cấp trung gian ăn hết". Vì vậy, năm 1999 này phải xúc tiến cải cách hành chánh.

"Cấp trung ương" là ai? Trong một chế độ ĐCS nắm toàn quyền và viên chức có quyền phải là người của Đảng, thì "cấp" đó chỉ có thể là cán bộ đảng viên cộng sản.

Còn "xúc tiến cải cách hành chánh" thì chúng ta đã nghe nói nhiều trong hơn 20 năm qua, từ năm

1976, thời ông Phạm Văn Đồng (lúc đó là Thủ Tướng), đến các ông Trường Chinh và Lê Duẩn tuyên bố trong những năm 1978-1980 rồi, và, sau đó, của các ông Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Lê Khả Phiêu

Tin thứ hai là: theo một báo cáo chính trị của Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam, một cơ quan do Nhà nước cộng sản chỉ huy, thì "một trong những công tác trọng yếu sẽ là "học tập chủ nghĩa mác-lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, khơi dậy tinh thần ái quốc và lòng yêu xã hội chủ nghĩa". Sau 23 năm độc lập và toàn quốc tiến nhanh tiến mạnh, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, lòng yêu xã hội chủ nghĩa (= yêu Tổ Quốc) và tinh thần ái quốc tiêu biến đi đâu mất, mà bây giờ lại phải khơi dậy?

Thật là giống hệt Nga. Chỉ có khác là Nga đã chính thức ở thời "hậu cộng sản", còn Việt Nam thì đang ở thời cộng sản cực thịnh!!! Đó là một đề tài đáng làm cho người Việt, nhất là những người cộng sản còn giữ được ít trí tuệ, suy tư.

Sự suy tư này là một hoạt động đầu năm hữu ích. Nó có thể bắt đầu với sự đọc hai tác phẩm rất thích hợp, là *Đêm Giữa Ban Ngày* của Vũ Thư Hiên (Trăm Hoa, Westminster, California, 1997), đặc biệt là những đoạn trong đó anh ấy nói rằng quan niệm "Đảng là Trời" đã biến Đảng thành "quỷ" và dân thành "giun", và thiên bút ký "Một Cái Nhìn Trở Lại" của Tướng Trần Độ, vừa phổ biến vào tháng 9/1998, trong đó ông ta đưa ra nhận xét rằng quan niệm Đảng "lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối, triệt để", đã đưa đến tình trạng "bắt mọi người phải phải tin theo và đáp ứng yêu cầu chính trị của Đảng, chỉ hướng vào một mục tiêu quan trọng là tin tưởng tuyệt đối và ra sức củng cố và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng".

Trong những trường hợp mà anh Vũ Thư Hiên và ông Trần Độ nêu lên, khi Đảng = Quỷ không còn nữa, trong nước chỉ còn "giun", và khi dân không còn phải đáp ứng nhu cầu của ai nữa, họ chỉ còn hướng vào một mục tiêu quan trọng là tin tưởng tuyệt đối vào chính mình. Kết quả là một tình trạng không còn tinh thần ái

quốc, không còn tinh thần công dân nữa. Trong tình trạng đó mạnh ai nấy dụt, mạnh ai nấy bê, không còn kỷ cương luật pháp, quốc gia tê liệt, kinh tế hỗn loạn, khủng hoảng triền miên.

Đó là kinh nghiệm trong 7 năm qua của dân Nga, với di sản nặng nề của chế độ cộng sản, một kinh nghiệm mà người Việt, đặc biệt là những người đảng viên ĐCS còn sáng suốt, cần nghiên ngẫm.

Ottawa,
Tết Kỷ Mão, 1999
Tôn Thất Thiện

Giới thiệu sách

"*Gà cùng một mẹ...*", tác phẩm thứ ba của nhà báo Bùi Tín ở hải ngoại, sau "*Hoa Xuyên Tuyết*" và "*Mặt Thật*", do nhà xuất bản Thiện Chí ở Đức phát hành. Sách dày 180 trang, khổ A4, bìa giấy láng trắng đen, 25 ảnh.

Nội dung quyển sách gồm những câu trả lời của các cựu chiến binh Việt Nam, Hoa Kỳ, Canada, Úc... về cuộc chiến tranh Việt Nam; những suy tư về hiện tình đất nước, về hòa giải và hòa hợp dân tộc, về vai trò của người Việt ở hải ngoại...

Một quyển sách gợi lên nhiều suy nghĩ mới mẻ, mở ra những cuộc thảo luận đi tới lẽ phải và đồng thuận. Một cuốn sách không thể thiếu đối với những tấm lòng Việt Nam còn nặng tình với đất nước. Một quà tặng quý cho bạn bè.

Giá bán tại Pháp: 80 FRF (đã kể bưu phí gởi). Tại Châu Âu: 90 FRF (đã kể bưu phí gởi). Ngân phiếu xin đề Vietnam Fraternité, ghi bằng tiền Francs Pháp hoặc tương đương, và gởi về tòa soạn Thông Luận: 124 bis rue de Flandres, 75019 Paris, France.

Thông Luận hoan nghênh
mọi ý kiến đóng góp
mọi ủng hộ tài chánh
và cảm ơn quý vị cổ động
để phổ biến tờ báo

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm
11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)
Giá báo một năm: 200 FF
(hoặc tương đương)
Ngân phiếu xin đề
VIETNAM FRATERNITE
(xin dùng đề Thông Luận)

Địa chỉ liên lạc :
THÔNG LUẬN
124 bis, rue de Flandre
75019 Paris, FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với
đại diện Thông Luận tại Đức:

Nguyễn Thanh Lương
Habsburgerallee 104
60385 Frankfurt aM.
Tel: 069-4940048
Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn
(60 DM/năm) vào trương mục:
Frankfurt Volksbank e G
THANH LUONG, NGUYEN
Konto-Nr: 00 77 70 82 94
Bankleitzahl: 50 19 00 00

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada
có thể liên lạc và góp ý kiến với
Thông Luận qua địa chỉ:

Thong Luan, P.O. Box 7592
Fremont, CA 94537 - 7592
e-mail: qml@juno.com
Khi thanh toán tiền mua báo
(40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:
Mrs Quan-My-Lan

THÔNG LUẬN

Ấn bản Hòa Lan

phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
do Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam
(Stichting Mensenrechten voor Vietnam)

Đại diện nhóm chủ trương: Phan Bá Việt
Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hòa Lan

Braamlanden 76
7542 CJ Enschede

Telefax: 053.476 75 56 - 024.373.06 52

Giá báo một năm: 30 Euro,
xin chuyển vào trương mục của hội:
Giro nr 6234112

Một vài suy nghĩ về

Nhân quyền, nhân phẩm và con người

Lê Minh Văn

Ngày 10-12-1948 đại biểu 58 quốc gia đã họp tại điện Chaillot ở Paris để thông qua bản Tuyên ngôn phổ quát (universelle) về Nhân quyền. René Cassin, phó chủ tịch Ủy ban nhân quyền LHQ, tác giả một trong các bản dự thảo, đã vô cùng vất vả để bảo vệ từ "universelle" dành cho tuyên ngôn vì những quan điểm khác biệt về nhân quyền của những chế độ chính trị khác nhau. Nếu bà Eleanor Roosevelt, vợ góa của cố tổng thống Mỹ Franklin F.D. Roosevelt, chủ tịch Ủy ban soạn thảo đã hết lòng ca tụng nước Pháp với truyền thống nhân đạo của mình đã đóng góp phần quan trọng trong việc soạn thảo và bảo vệ sáng kiến biến tuyên ngôn nhân quyền thành một giá trị phổ quát tuyệt đối với tên gọi "déclaration universelle" thì Andrei Vychinsky, đại diện phái đoàn Liên Bang Xô Viết lại tuyên bố đây là một sự can thiệp trắng trợn vào nội bộ của các quốc gia. Sau đó là phần biểu quyết. Nước Birmanie (Miến Điện) tuyên bố tán thành đầu tiên. Sau đó theo thứ tự mẫu tự, các nước Canada, Chili, Chine...tất cả 48 phiếu thuận. 8 phiếu chống là Liên Xô, CHXHCN Bielorussia, CHXHCN Ukraine, Tiệp Khắc, Ba Lan, Nam Tư, Liên Bang Nam Phi, Ả Rập Séoud.

I. Nhân quyền qua bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền

Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền (TNQTNQ), trong Lời mở đầu quan niệm sự thừa nhận phẩm giá của tất cả mọi thành phần của gia đình nhân loại cùng những quyền bất khả hủy diệt của họ cấu thành căn bản của tự do, công lý và hòa bình thế giới. Sự khinh miệt nhân quyền đưa đến những hành động dã man làm lương tri nhân loại phẫn nộ. Sự thành đạt của một thế giới trong đó con người có quyền tự do tư tưởng, tin tưởng và phát biểu, được giải phóng khỏi nghèo đói và sợ hãi được xem là những thắng tiến phản ánh nguyện vọng cao cả nhất của con người.

-Các quyền con người sẽ được bảo vệ thông qua các chế độ pháp trị tránh cho

con người không phải bị đẩy tới chỗ phải nổi loạn như là biện pháp tối hậu chống lại nền bạo chính, áp bức.

-Sự phát triển tương quan hữu nghị giữa các quốc gia được nhiệt liệt khích lệ.

-Trong Hiến chương LHQ, các quốc gia đã lặp lại sự tin tưởng vào những quyền cơ bản của con người, vào sự tôn trọng nhân phẩm và thể giá cá nhân mỗi con người về quyền bình đẳng Nam-Nữ. Các quốc gia này cũng tuyên bố hỗ trợ cho tiến bộ xã hội và tạo điều kiện sống tối hảo trong tự do tối đa cho con người.

-Các quốc gia ấy còn cam kết hợp tác với tổ chức LHQ để bảo đảm sự tôn trọng các giá trị phổ quát và tất cả các quyền tự do cơ bản.

-Cuối cùng là sự khẳng định rằng một khái niệm chung về các quyền này là điều cốt yếu để thực hiện các lời cam kết.

Về nội dung, TNQTNQ chia làm 4 phần:

1. Từ điều 1 đến điều 17: những quyền cơ bản của con người.
2. Từ điều 18 đến điều 21: những quyền công dân như quyền tự do tư tưởng, tôn giáo, tự do quan điểm và phát biểu, tự do hội họp, lập hội, quyền bầu cử, ứng cử và tham dự vào việc điều hành guồng máy hành chính quốc gia.
3. Từ điều 22 đến điều 28: những quyền xã hội của con người như quyền được hưởng an sinh xã hội, quyền kinh tế, văn hóa để phát triển nhân cách, quyền được làm việc, được chọn lựa việc làm và được bảo vệ trong những điều kiện ổn định nhất chống thất nghiệp, quyền được hưởng lương bình đẳng với việc làm bình đẳng để cá nhân, viên chức và gia đình đều được bảo đảm mọi tiện nghi an sinh xã hội.

Các quyền lý tưởng khác cũng được quy định như quyền có một mức sống tối thiểu để hưởng các tiện nghi về sức khỏe, phúc lợi cho cá nhân và gia đình, quyền được hưởng giáo dục miễn phí (giáo dục tiểu học bắt buộc). Ngoài ra, con người cũng có bảo đảm được tham gia đời sống văn hóa nghệ thuật của

cộng đồng, quyền tác giả được bảo vệ. 4. Các điều 29 và 30: những nghĩa vụ phải chấp nhận những hạn chế theo luật định để bảo đảm quyền tự do cho người khác và để thỏa mãn những nhu cầu đạo đức, trật tự công ích của một xã hội dân chủ.

5. Nếu những điều khoản quy định trong hai phần đầu nhằm bảo đảm những quyền tự do căn bản thiêng liêng nhất của con người trong một xã hội dân chủ tối thiểu là lý tưởng phổ quát thì những nghĩa vụ của Nhà nước quy định ở phần 4 - từ điều 22 cho đến điều 27 liên quan đến những quyền kinh tế, xã hội, văn hóa - chỉ là những mơ ước cho một phần lớn nhân loại đang sống trong cảnh nghèo đói, bị áp bức. Do đó quả thật loại quyền ở phần 4 này không mang tính phổ quát như ở các xã hội dân chủ phương Tây

II. Nhân quyền năm 1948 và Quyền Phát Triển

Theo triết gia R. Aron trong "Pensées sociologiques et Droits de l'Homme" (Gallimard) thì so với bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền 1789 của Pháp thì TNQTNQ năm 1948 đặt nhẹ quyền tư hữu nhưng lại tiến bộ hơn ở quyền xã hội. Tuyên Ngôn LHQ cũng chính xác hơn trong định nghĩa dân chủ và các quyền bầu cử tự do. Nếu Tuyên Ngôn 1789 của Pháp muốn giới hạn vai trò Nhà nước để giải phóng cá nhân thì Tuyên Ngôn 1948 của LHQ lại dành cho Nhà nước nhiều quyền hạn hơn để bảo đảm an sinh xã hội và mức sống của tất cả mọi người.

Riêng về quyền Phát triển, các nhà xã hội học và chuyên viên nghiên cứu về nhân quyền xem như một quyền mới thuộc đời thứ ba sau hai đời nhân quyền "dân sự, chính trị" và "kinh tế, xã hội".

Tác giả Henry de Decker trong bài tiểu luận *Droits de l'Homme et Droits de Développement: Concurrence ou Complémentarité?* in "Droits de l'Homme en Afrique Central-Ucac-Karthala" lại cho rằng ý niệm về quyền phát triển có nguồn gốc ở châu Phi. Lần đầu tiên cụm từ này được nói đến trong hội nghị kinh tế "77" ở Alger năm 1967. Mười năm sau, ý niệm này đã thẩm nhập vào "Hiến chương Phi châu về quyền con người và quyền các dân tộc", một văn bản cũng long trọng xác nhận lại những quyền tự nhiên của con người,

phẩm giá của nó và quyền được tương trợ để phát triển các dân tộc châu Phi toàn bộ hầu như vẫn còn sống bên lề Tuyên Ngôn 1948 của LHQ. Ngày 4-12-1986 một Tuyên Ngôn về quyền Phát triển được Đại Hội Đồng LHQ công nhận bằng nghị quyết 41/128 coi quyền Phát triển như một quyền bất khả hủy diệt của cá nhân con người và của tất cả các dân tộc (hiểu ngầm châu Phi và thế giới thứ ba)

Hai trọng điểm của quyền Phát triển là:

1. Sự bình đẳng về nhân phẩm cấu thành bởi tính tự lập của cá nhân trong tương quan nhân bản với người khác và trước Đấng Tối Cao.

2. Quyền các dân tộc được phát triển đặt ra:

-Nguyên tắc tương trợ toàn cầu trong tương quan bình đẳng đối thoại giữa các quốc gia.

-Nguyên tắc bình đẳng về sự chiếm dụng các tài sản (đất đai) và những sản phẩm của thiên nhiên dẫn đến các giao dịch thương mại và dịch vụ.

-Cuối cùng và quan trọng hơn hết là nguyên tắc tự quyết của các dân tộc về các định chế chính trị và phát triển kinh tế xã hội được tự do lựa chọn.

Do đó quan điểm về một loại quyền thuộc đời thứ ba chỉ đúng một phần trong thứ tự thời gian. Những loại quyền của con người và dành cho con người luôn luôn có tính liên hệ hỗ tương và không tách rời nhau. Trong một biên cương quốc gia nếu những quyền căn bản nhất của con người không được tôn trọng thì làm gì có những quyền xã hội? Và trong một tương quan nhân quả, những quyền dân sự chính trị cũng sẽ trở thành vô nghĩa nếu không có sự thỏa mãn tối thiểu cho con người được hưởng những tiện nghi kinh tế xã hội. Các chương trình công ích định hướng một chế độ chính trị trong mục đích thi hành những thành quả phát triển cho lợi ích công dân và quốc gia. Người viết cho rằng quyền phát triển nhằm định nghĩa lại một căn bản có tính triết lý về con người và mục đích hiện sinh của nó giữa cộng đồng nhân loại đã cùng tồn tại qua gần hết hai thiên niên của lịch sử văn minh. Nó khai triển để biện minh và bổ sung cho tính phổ quát của một tuyên ngôn mang tính chất quốc tế.

III. Con người thăng hoa: nhân quyền, nhân phẩm và trách nhiệm. Điểm gặp gỡ giữa Đông và Tây phương ?

Tuy đắm chìm lâu dài trong bóng tối của tư tưởng phong kiến, các xã hội phương Tây đã nhờ những tư tưởng hiện thực và phương pháp luận khoa học tiến dần tới thế kỷ ánh sáng để làm cuộc cách mạng triệt để về nhân quyền và dân chủ, trong lúc phương Đông vẫn ngủ say trong ý niệm "thiên mệnh" và trật tự phong kiến bất di bất dịch. Phương Tây đã giải phóng con người. Nhưng chứng cơ chế xã hội cũng đã dành cho con người nhiều tự do để trở thành tha hóa. Cá nhân chủ nghĩa vị kỷ nô lệ hóa con người với chính mình và làm cho tương quan giữa con người với con người trở thành ngọt ngào.

Cái nhìn thấu suốt của người phương Tây cũng không khác mấy quan điểm phương Đông về con người thăng hoa. Tác giả Hannoun trong Tuyển tập "Les Droits de l'Homme en question-La Documentation Franaise" khi khảo sát về khía cạnh quyền con người và tính tương thuộc và tương trợ đã định nghĩa ngắn gọn là nhân quyền chỉ có bởi sự tổng hợp của hai yếu tố Nhân phẩm và tinh thần Trách nhiệm.

-Nhân phẩm chỉ xuất hiện khi con người được đối xử như một cứu cánh chứ không phải là phương tiện; như một con người có tư cách chứ không phải một thành tố cá thể.

-Sự bảo đảm chắc chắn nhất cho quyền của tha nhân là sự trói buộc của những bổn phận (nghĩa vụ) mà mỗi cá nhân phải tự đặt cho mình, cộng với ý thức rõ ràng về những nghĩa vụ hỗ tương. Không có những điều kiện đó, sẽ không bao giờ có sự đoàn kết đúng nghĩa.

Hai ý niệm căn bản này sẽ xây dựng một xã hội dân sự sinh động. Con người có nhân phẩm và ý thức được tinh thần trách nhiệm sẽ đóng góp những tài nguyên quý báu cho sự thăng tiến của xã hội đó, ngược hẳn ý niệm công bằng cứng nhắc chỉ thôi thúc họ đòi hỏi thay vì đóng góp. Tinh thần trách nhiệm ở chính con người thành viên sẽ khuyến khích khuynh hướng tự phát những cơ cấu tương thân tương ái trong xã hội, làm nảy nở những sáng kiến tư nhân, đặt căn bản cho sự phát triển của xã hội từ gốc đi lên.

Nhà tư tưởng chính trị Marcel Gauchet trong cuộc phỏng vấn dành cho tuần báo Le Point (số 1220-tháng 2-96) cũng đã phát biểu là chính xã hội chúng ta đang sống đã ý thức trở lại sự cần thiết của một nền đạo đức. Nhưng phải là một thứ đạo đức mới thiết lập bởi sự đồng thuận của các cá nhân và chỉ do tính chất kết ước mà có. Quan điểm đó trùng hợp với vấn nạn mà Luc Ferry đặt ra "Đạo đức công dân có tồn tại chăng?" trong khung cảnh triết lý cá nhân lạnh lùng, khắc nghiệt của nền Cộng hòa "mày phải (đóng góp), do đó mày có thể (đòi hỏi). Ý nghĩa của công ích từ lâu đã nhường bước trước lô gích cá nhân chủ nghĩa, cái ta và những quyền lợi cá thể trên quyền lợi chung. Nền đạo đức công dân đó cũng hoàn toàn bị lu mờ giữa muôn vàn những vấn đề trầm kha khác của xã hội như sự xuống dốc của các giá trị kinh tế-xã hội, vấn đề kỳ thị màu da, hủy hoại môi sinh, nạo thai, những nhiễu loạn của các mạng lưới truyền thông, cuộc chiến đấu để bảo vệ những khuynh hướng thiểu số của xã hội...

Bên cạnh những tiện nghi vật chất của nền văn minh kỹ thuật, các cơ chế dân chủ cũng phát triển, cũng biến thái, trở thành mong manh trước mọi đòi hỏi cá nhân hoặc đủ thứ những áp lực nhân danh quyền lợi đa nguyên. Nghiêm trọng nhất là nền dân chủ ấy không còn đại diện hữu hiệu cho quyền lợi tổng thể của cả một xã hội đang có những vấn đề lớn phải giải quyết như Marceau Felden đã viết trong cuốn *La Démocratie au 21^e siècle-JC Laaetès-Bibliothèque du Futur*: "Nếu gọi nền văn minh là một tổng thể quần chúng cùng chia sẻ một mô lý thuyết về triết học tinh thần trí tuệ và văn hóa được xây dựng tập thể trên những cấu trúc xã hội, kinh tế và chính trị thuần nhất...ta sẽ có một tập hợp những giá trị chung một phạm trù đại diện bởi các nhà tư tưởng, khoa học, văn nghệ sĩ; thì có thể nói mà không sợ lầm là xã hội kỹ thuật phương Tây không mang tính chất của nền văn minh. Xã hội đó không chia sẻ những dự kiến, lý tưởng những tham vọng lớn; không cả những hanh động có tầm cỡ, mà chỉ là những tập hợp những quyền lợi riêng lẻ nhỏ nhặt. Tóm lại, xã hội ấy thiếu năng động, không kết hợp vì nó thiếu khả năng để đạt những mục tiêu có thể kích thích những thế hệ trẻ".

Nền văn minh phương Đông lại xây dựng trên một qui luật chi phối vũ trụ và con người trong những liên hệ hữu cơ về cấu trúc và vận hành. Tính ưu thắng của công ích trên quyền lợi cá nhân nằm trong trật tự đó và mang tính qui luật khách quan. Nhưng sự ổn định theo nguyên tắc ấy lại được diễn dịch theo những chiều hướng không giống nhau. Qua lịch sử các dân tộc Đông phương, tổ chức xã hội tuy có khác nhau theo tính địa lý nhân văn, và các hình thái chính quyền luôn có những điều chỉnh phù hợp với các thời đại, những thay đổi lớn ít xảy ra. Nhìn chung những tư tưởng chính trị tuy có khác biệt, có tranh luận giữa các trường phái, các khuynh hướng nhưng hầu như vẫn quanh quẩn trong cái khung trật tự hữu cơ và nền ổn định phong kiến. Khổng giáo đã áp đặt được kể từ Đông Trùng Thư đời Hán ở thế kỷ thứ 2 sau Công nguyên, một cái khung lãnh đạo chính thống. Phật giáo tuy phát triển mạnh ở Trung Hoa kể từ thế kỷ thứ 6 sau CN nhưng ảnh hưởng của nó của nó cũng chỉ thuần tôn giáo-văn hóa và luôn tự giới hạn trong lãnh vực phần hồn của quần chúng. Triết thuyết cao diệu của Lão giáo cũng chỉ dành riêng cho một số ở tầng trên của xã hội. Lão tử chối bỏ những hình thái kết hợp và tổ chức xã hội trong tương quan quyền lực, và chỉ nhắm cá nhân con người làm trọng điểm trong cố gắng Đạo và Đức.

Nhìn chung, ba tôn giáo lớn này cùng tồn tại ở Trung Hoa (và các xã hội Đông Á khác) như một phân nhiệm mặc thị có tính chất hữu cơ: Khổng giáo chăm lo chính quyền và mặt cai trị. Phật giáo trách nhiệm phần hồn và đời sau của quần chúng. Lão giáo đối lập với các hình thái động của các tổ chức xã hội-quyền lực, và chỉ nhắm cố vũ, xây dựng nhân phẩm con người. Nhưng Lão giáo cao siêu quá nên mất tính đại chúng.

Tương quan trật tự ấy vô hình chung vẫn tồn tại cho đến thời cận và hiện đại đã không cho phép những cuộc cách mạng lớn về tư tưởng và khoa học bùng nổ. Xã hội chính trị và Nhà nước nói riêng vẫn nằm trong tay Khổng giáo. Xã hội dân sự kết hợp Phật giáo và Lão giáo vẫn bất động, nhân quyền vẫn tiếp tục bị tước đoạt (ngoại trừ ở Việt Nam thời Lý, Trần sắc thái Phật giáo tổng hợp đem Đạo đức nhập thế đã cân bằng được tương quan Chính quyền-Quần chúng-Đạo đức làm cho các xã hội ấy thịnh trị

). Phân tích như thế để thấy rằng những thực tế xã hội Đông-Tây qua biến thiên lịch sử không tách rời nhau mà đang có khuynh hướng đi gần lại con người nhân phẩm như yếu tố quyết định của xã hội. Nó hầu như đang lấy lại chỗ đứng của mình từ con người mất xích của xã hội kỹ thuật. Rút tía ra từ kinh nghiệm ấy, nhân quyền VN cũng sẽ là những dự kiến về con người đi tìm lại nhân cách của chính mình như các xã hội kỹ thuật phương tây đang cố vũ:

- Xây dựng phẩm chất con người qua những căn bản tốt và vững chắc của gia đình.

- Giáo dục bảo đảm sự phát triển nhân cách phù hợp với hướng tiến và sự hoàn thiện xã hội.

- Từ gia đình và giáo dục học đường, con người tự suy nghĩ, tự hoàn thiện.

- Đạo đức công dân tiếp nối hướng phát triển đạo đức nhân sinh đã nảy mầm từ quá trình hoàn thiện nói trên để khẳng định cho người công dân những bổn phận cho chính mình và đối với người khác.

Khi thực sự đã trở thành thành viên của xã hội người công dân hoàn thiện đó đã sẵn sàng với trách nhiệm. Một kết ước xã hội mặc nhiên được hình thành với các thành viên khác của xã hội và với cả xã hội. Con người công dân sẽ đóng góp những nghĩa vụ cần thiết với chính mình, gia đình, cộng đồng, và tổ quốc. Mặt khác, nó cũng có quyền đòi hỏi Nhà nước và xã hội tôn trọng những quyền tự nhiên, công dân và xã hội của chính nó.

LÊ MINH VĂN

Kêu gọi

Nhiều độc giả và thân hữu vì không để ý đã quên gia hạn mua báo đúng lúc khiến cho thu nhập của tờ báo có phần sút giảm trong khi mọi chi phí phát hành đều gia tăng. Chúng tôi mong quý vị lưu ý gia hạn và giúp Thông Luận thêm độc giả mới.

Những khoản tiền để bù lỗ cho tờ báo có thể được sử dụng hữu ích hơn nhiều cho cố gắng yểm trợ phong trào dân chủ trong nước.

Xin cảm tạ.

Ban biên tập

Mục lục

1. Thư đầu năm
Vũ Thiện Hán
4. Xã luận
Thông Luận
5. Năm mươi năm Nhân Quyền: "nửa đời nhìn lại"
Trần Ngọc Sơn
6. Cần một sức mạnh tổng hợp
Nguyễn Minh Cần
8. Hai câu hỏi cần trả lời rõ ràng
Bùi Tín
10. Không bao giờ quá muộn
Thanh Văn
12. Khi yêu Đảng thay vì yêu nước...
Tôn Thất Thiện
16. Nhân quyền, nhân phẩm và con người
Lê Minh Văn
19. Pháp quyền và nhân quyền ở VN
Thiên Trung
21. Suy ngẫm với 50 năm tuyên ngôn nhân quyền
Nguyễn Thanh Giang
23. Kinh tế thị trường kiểu XHCN đang tàn lụi ở VN
Nguyễn Ngọc Hiệp
27. Tin tức thời sự
32. Thư gửi ông Hoàng Minh Chính
Hà Sĩ Phu

Địa chỉ liên lạc :

THÔNG LUẬN
124 bis, rue de Flandre
75019 Paris, FRANCE

Địa chỉ Web:
<http://www.thongluan.org>

Pháp quyền và nhân quyền ở Việt Nam

Thiên Trung

Năm 1977 Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã cam kết tôn trọng Hiến chương Liên Hiệp Quốc khi được thâu nhận là thành viên của tổ chức này. Mặt khác, năm 1982 CHXHCNVN cũng đã ký kết tham gia không có bảo lưu Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị. Năm nay, nhân dịp lễ kỷ niệm năm thứ 50 bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền được công bố, tưởng cũng nên xét xem chính sách nhân quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có phù hợp với những quy phạm quốc tế hay không. Nhà cầm quyền Việt Nam có cách nói nước đôi về nhân quyền. Một mặt chính quyền Hà Nội luôn luôn khẳng định rằng người công dân Việt Nam có đủ mọi thứ nhân quyền phù hợp với luật quốc tế, như đã được ghi trong Hiến Pháp năm 1992. Họ cũng lập đi lập lại rằng tại Việt Nam không có đàn áp nhân quyền, không có tù chính trị chỉ có tù thường phạm mà thôi. Nhưng đồng thời mặt khác họ lại nhấn mạnh rằng phương Tây không thể áp đặt những quy phạm riêng về nhân quyền của mình vì nhân quyền tùy thuộc vào văn hóa, vào truyền thống của mỗi dân tộc. Cách nói bề ngoài mâu thuẫn nhưng bề ngoài mập mờ này nhằm mục đích biện minh trước dư luận quốc tế cho chính sách đàn áp nhân mà họ kiên trì theo đuổi từ khi họ cầm quyền đến nay.

Đã đành rằng dân tộc nào cũng có truyền thống văn hóa riêng. Nhưng trong địa hạt nhân quyền thì Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải theo những quy phạm của phương Tây vì chính nó đã tự nguyện tham gia hai Công ước quốc tế về nhân quyền. Do sự tham gia này, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải thi hành một số nghĩa vụ pháp lý về nhân quyền, không thể nại bất cứ lý do gì để lẩn tránh. Nghĩa là phải tôn trọng cả tinh thần lẫn văn tự của một số văn kiện quốc tế gián tiếp hay trực tiếp chi phối nhân quyền như Hiến chương Liên Hiệp Quốc (1), Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền (2), hai

Công ước quốc tế về nhân quyền (3) v.v...

Vậy để duyệt xét chính sách nhân quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phải lấy các văn kiện kể trên làm tiêu chuẩn phê phán. Nhìn dưới ánh sáng này, nhân quyền tại Việt Nam không thể là gì khác hơn toàn bộ những nhân quyền phổ quát, bất khả phân, bất khả nhượng đã được thực hiện tại nhiều nước dân chủ phương Tây từ hơn hai thế kỷ nay. Những nhân quyền mà bản TNQTNQ đã công bố và hai Công ước quốc tế về nhân quyền đã quy định. Theo các văn kiện quốc tế này, nhân quyền là những quyền tự do con người sinh ra đã có sẵn trong nó, những quyền tự do người cầm quyền phải tôn trọng, luật pháp phải bảo vệ một cách tuyệt đối.

Trong quá trình phát triển mấy ngàn năm của nó, từ trước Công nguyên, đặc biệt từ thế kỷ thứ XVIII đến nay, nhân quyền đã trải qua ba đời. Được gọi là nhân quyền đời thứ nhất những quyền của cá thể để chống lại chuyên chế. Đó là những quyền loài người đã chinh phục được, nhờ hai cuộc cách mạng dân quyền vào cuối thế kỷ thứ XVIII tại Mỹ và tại Pháp. Chúng đã mang lại cho con người cá thể quyền "tự do tự trị" để giới hạn quyền lực của vua chúa. Từ nay, cá thể có một không gian tự trị mà không ai, nhất là người cầm quyền, được phép xâm nhập. Nhờ vậy, cá thể được bảo đảm sống an toàn về thể xác cũng như về tinh thần. Mặt khác, để xây dựng tương lai con người cá thể cũng có quyền tự do lựa chọn những điều kiện phát huy bản thân mình. Nó được quyền tự do tư tưởng, tự do biểu đạt, tự do truyền thông, tự do hội họp, tự do lập hội, tự do chính trị, nói tóm lại, nó có quyền "tự do tham dự". Hai loại "tự do tự trị" và "tự do tham dự" là những thuộc tính của phẩm giá con người làm cho con người khác với cầm thú.

Những nhân quyền đời thứ nhì xuất hiện vào cuối thế kỷ thứ XIX khi quyền

lực của tư bản, thay thế quyền lực của vua chúa ngày xưa, trở thành thế lực bóc lột lớp người nghèo khổ. Để lập lại công bằng, đồng thời cũng để cho những nhân quyền đời thứ nhất không bị lạm dụng, người ta đã sáng chế ra cái gọi là những quyền "kinh tế, xã hội, văn hóa". Đó là những quyền tự do công đoàn, tự do đình công để công nhân có thể tự vệ trước chủ nhân. Đi xa hơn nữa bất cứ ai cũng có quyền đòi Nhà nước - như đòi con nợ - thỏa mãn những nhu yếu tối thiểu của đời sống như lương thực, nhà ở, thuốc men, giáo dục v.v...

Những nhân quyền đời thứ ba, mới manh nha vào thời điểm mấy thập niên cuối cùng của hạ bán thế kỷ XX, còn đang ở trong vòng được xác lập, chưa đi hẳn được vào đời sống cụ thể. Đó là những quyền để cho loài người, qua mỗi con người, chung sống hòa bình bằng "liên đới", trong một môi trường ổn định và theo một tiến trình phát triển liên tục và hòa hài. Loại nhân quyền đời thứ ba này có thể coi như loại "siêu nhân quyền", mẫu tổng hợp lý tưởng của tất cả các nhân quyền.

Lễ kỷ niệm nhân quyền năm nay là dịp nhắc nhở người Việt Nam trong nước ý thức được rằng họ có đủ ba đời nhân quyền mà tiến bộ của loài người, luật quốc tế đã mang lại cho họ cũng như cho mọi con người trên thế giới. Điều này, từ hơn nửa thế kỷ nay nhà cầm quyền Việt Nam đã tìm đủ cách bưng bít để áp đặt nền chuyên chính của họ. Đã đến lúc phải vạch trần ra trước ánh sáng chính sách đàn áp nhân quyền một cách thường trực và có hệ thống này.

Tình trạng nhà cầm quyền Việt Nam liên tục vi phạm nhân quyền hiện nay hội đủ thành tố của một hành vi phạm pháp quả tang. Đã đành rằng danh nghĩa "tiến lên chủ nghĩa xã hội" đã được đề xướng để làm cơ sở chính thống cho nhà cầm quyền Việt Nam. Nhưng danh nghĩa này không cho phép họ ngang nhiên vi phạm nhân quyền và dân quyền nhất là sau sự sụp đổ hàng loạt của các chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô cũ và Đông Âu. Hơn nữa, cụm từ chủ nghĩa xã hội tự nó không biểu thị một sự thật khách quan mà chỉ là ảnh tượng của một ý hệ. Vậy mà nhà cầm quyền Việt Nam đã nhân danh nó để tự cho phép mình

chiếm hữu hết các nhân quyền cơ bản cơ người dân tập trung vào trong tay mình thành một cực quyền toàn trị của tập đoàn cầm quyền. Họ soạn thảo ra Hiến pháp, làm ra luật pháp, thành lập ra đủ các định chế của, đặt cho bộ máy Nhà nước của họ mỹ danh "pháp quyền" trong ý đồ hợp pháp hóa mọi hành vi chỉ có thể coi là bất hợp pháp của họ trong địa hạt nhân quyền.

Hiến pháp 1992 có ghi đủ loại nhân quyền. Văn kiện này tuy được coi là đạo luật cơ bản nhưng không có hiệu lực cưỡng hành của một đạo luật thường. Rút lại về mặt nhân quyền, nó chỉ là một bảng liệt kê các nhân quyền mà muốn được áp dụng phải thông qua những đạo luật thường. Về điểm này các đạo luật liên hệ nói là để áp dụng Hiến pháp kỳ thực là để giới hạn tối đa các nhân quyền tăng cường tối đa quyền lực cho chính quyền, đúng hơn cho "đảng quyền". Vì thật ra Đảng là chủ thể duy nhất nắm giữ quyền lực ở Việt Nam. Điều này là một sự hiển nhiên chẳng còn cần phải bàn cãi. Bởi vậy, chính sách nhân quyền của nhà cầm quyền Việt Nam chỉ là hệ luận của sự tập quyền cao độ này vào trong tay Đảng.

Từ thực trạng ấy người ta có thể rút ra bốn kết luận sau đây về chính sách nhân quyền của nhà cầm quyền Việt Nam.

Thứ nhất nhân quyền của người Việt Nam sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa không căn cứ vào luật tự nhiên mà vào luật thực định của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Tức là luật pháp xã hội chủ nghĩa ban phát cho con người quyền nào thì nó được hưởng quyền đó. Không có những quyền bẩm sinh.

Thứ nhì, khi nhà cầm quyền Việt Nam nói "pháp quyền" thì phải hiểu rằng đó là quyền tuyệt đối của các luật pháp do Nhà nước làm ra rồi tự mình áp dụng, tự mình xét xử, tự mình kiểm soát.

Thứ ba, một chính sách nhân quyền lạc hậu như vậy hoàn toàn trái ngược với tinh thần cũng như văn tự các văn kiện quốc tế về nhân quyền mà nhà cầm quyền Việt Nam đã cam kết tôn trọng. Thứ tư, nhà cầm quyền Việt Nam phải dứt khoát lựa chọn. Nếu muốn hội nhập thực sự vào xã hội "văn minh" thì phải tôn trọng những nhân quyền cơ bản, phổ quát, bất khả phân, bất khả nhượng

như đã được ghi trong bản TNQTNQ và quy định trong hai Công ước quốc tế về nhân quyền. Ngược lại, tiếp tục núp dưới danh nghĩa "chủ nghĩa xã hội" để theo đuổi chính sách đàn áp chính quyền cố hữu của mình, là nhà cầm quyền Việt Nam tự tố cáo tội phạm của mình trước các tòa án lương tâm và hình sự của nhân loại.

THIÊN TRUNG

- (1) Muốn được thân nhận làm thành viên Liên Hiệp Quốc, trong đơn xin gia nhập tổ chức này nước ứng viên phải cam kết tôn trọng Hiến chương Liên Hiệp Quốc. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không phải là nước đã ký kết Hiến chương LHQ nhưng năm 1977 đã làm thủ tục cam kết nói trên để được Đại Hội Đồng LHQ thân nhận làm thành viên.
- (2) Mới đây nhân dịp Lễ kỷ niệm 50 năm công bố bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền hằng thông tấn AFP có phỏng vấn nhà cầm quyền ở Việt Nam đại ý rằng Việt Nam có "ký kết" gì để phải tuyệt đối thi hành bản TNQTNQ hay không? Người phát ngôn của Bộ ngoại giao chính quyền Hà Nội đã trả lời rằng TNQTNQ không phải là một hiệp ước quốc tế, nó chỉ là một nghị quyết của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc. Đúng vậy nhưng câu trả lời này chỉ đúng có một nửa sự thật. Nửa còn lại lẽ ra cũng phải nói là: tuy thế bản TNQTNQ đã được coi như "tục lệ pháp" (droit coutumier) của luật quốc tế nên dù là một nghị quyết của ĐHQĐ, bản TNQTNQ vẫn có hiệu lực cưỡng hành của luật quốc tế.
- (3) Cũng trong dịp được phỏng vấn nói trên, chính quyền Hà Nội kể ra rằng mình đã tham gia 8 công ước quốc tế. Con số này không thể coi là thành tích cao của chính quyền Hà Nội về sự tôn trọng luật quốc tế vì có "công ước" cần ký như "công ước cấm tra tấn" thì nhà cầm quyền Hà Nội lại không ký! Ngoài ra, chính quyền Hà Nội ký tham gia "công ước về các quyền dân sự, chính trị" nhưng không chịu ký tham gia Hiệp Định Thư 1 phụ đính công ước này. Do đó, những người dân bị chính quyền Hà Nội xâm phạm nhân quyền không thể khiếu nại trước Liên Hiệp Quốc được vì chính quyền Hà Nội không tham gia Hiệp Định Thư 1. Vậy vấn đề không phải là ký ít hay nhiều công ước mà là ký nhưng có thi hành hay không. Cho đến nay, trong địa hạt nhân quyền, chính quyền Hà Nội ký nhưng tìm đủ cách để không thi hành.

Giới thiệu sách

*** Hành Trình Cuối Đông
(Vụ án Langbian)
của Tiêu Dao Bảo Cự
bìa Khánh Trường, Văn Nghệ
xuất bản, Hoa Kỳ, 1998.**

Nhà xuất bản Văn Nghệ đã cho ra mắt Hành Trình Cuối Đông "để đưa ra ánh sáng một cuộc đấu tranh cho tự do báo chí và tự do xuất bản xảy ra ngay trong lòng chế độ cách đây 10 năm". "Sự ra đời của cuốn sách này sẽ là món quà tặng hết sức khiêm nhường gửi đến những chiến sĩ đang dùng cầm đầu tranh cho dân chủ và cũng đang là nạn nhân của một guồng máy bạo lực phi nhân". (lời nxb, tr.xii)

Đọc Hành Trình Cuối Đông để không quên những chiến sĩ đó.

Giá bán tại Pháp: 100 FF (đã kể bưu phí gởi). Tại Châu Âu: 110 FF (đã kể bưu phí gởi).

Ngân phiếu xin đề Vietnam Fraternité, ghi bằng tiền Francs Pháp hoặc tương đương, và gởi về tòa soạn Thông Luận: 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France.

* Người Trung Quốc Xấu Xí

nguyên tác
Sửu Lâu Dịch Trung Quốc Nhân
của Bá Dương
(Châu lều de Zhong Guó rén, Bo Yang), Nguyễn Hồi Thủ dịch.

Sách khổ A5, bìa cứng, 300 trang.
Nhà xuất bản Chân Mây Cuối Trời.

Giá 80 F, tiền gởi 10 F. Chi phiếu 90F xin đề Vietnam Fraternité và gởi về tòa soạn Thông Luận: 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France.

Đọc và cổ động THÔNG LUẬN

Suy ngẫm với 50 năm tuyên ngôn nhân quyền

Nguyễn Thanh Giang

Tôi lần lần thử lật qua mấy cuốn tự điển bách khoa nước ngoài có trong giá sách riêng, sách Mỹ của Webster, sách Nga của Prokhorov vv... không tìm được một định nghĩa về nhân quyền. Riêng cuốn "Từ điển tiếng Việt" do Nhà xuất bản Khoa học Xã hội của Việt Nam ấn hành thì dám mạnh dạn giải thích: "nhân quyền: những quyền lợi căn bản của con người như quyền tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, tự do đi lại..."

Lẽ ra, vấn đề là đơn nhất, minh bạch và có thể khúc chiết một cách đơn giản đến vậy. Bởi vì, như chân lý, "nhân quyền là nền tảng cho sự hiện hữu và đồng tồn của nhân loại"(1), "là trọng tâm của tất cả những gì mà Liên Hiệp Quốc đang ước vọng đạt được trong hoà bình và phát triển"(1)

Đã vừa tròn nửa thế kỷ từ cái buổi bản tuyên ngôn chung đầu tiên của toàn nhân loại "Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền", được Liên Hiệp Quốc chính thức công bố tại điện Chaillet uy nghi, giữa thủ đô Paris tráng lệ của nước Cộng hoà Pháp. Qua 50 năm, Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền đã thấm nhiễm vào hiến pháp của nhiều nước đến mức ngôn từ của nó đôi khi được lặp lại y nguyên trong các văn bản ấy. Từ chỗ có những nhà lãnh đạo quốc gia còn cho rằng ngay cả Liên Xô, Trung Quốc cũng chỉ giả vờ ủng hộ nhân quyền cốt để tranh thủ viện trợ của Mỹ và đối phó với sự chống đối của những người cộng sản, đến chỗ ngày nay tính toàn cầu của nó có thể "dựa trên nền tảng sự chấp thuận chính thức của 185 nước thành viên của Liên Hiệp Quốc"(1).

Nhiều chương trình hành động đã được Liên Hiệp Quốc quan tâm tổ chức xây dựng, trong đó chương trình lớn nhất với 100 điểm cụ thể ghi trong "Tuyên ngôn Vienna và Chương trình hành động" đã được đại diện 171 nước tham gia hội nghị nhất trí thông qua và công bố ngày 25 tháng 6 năm 1993. Một hệ thống đồ sộ các công cụ pháp lý chứa đựng trong hơn 70 văn bản quốc tế về nhân quyền cũng đã lần lượt được ban hành để tạo điều kiện thực thi bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền nhằm bảo vệ hữu hiệu quyền con người.

Vậy mà đâu đó người ta vẫn ra sức nguy biện quanh co để chối bỏ ở mức độ

này hay mức độ khác, dưới hình thức này hay hình thức khác, những khát vọng ngàn đời thiêng liêng đó của nhân loại. Nếu trước đây ở toàn bộ hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhân quyền cũng như chủ nghĩa nhân văn, đều bị coi là những biểu hiện của tư tưởng tư sản phản động thì ngày nay tình thế hơn, người ta bám chặt và thổi phồng hết cỡ tính đặc thù, thậm chí dị biệt của nhân quyền. Họ thích thú tô vẽ và lợi dụng triệt để cái gọi là những giá trị châu Á mà nội dung cơ bản là tính an phận, sự cam chịu và rất kiêng dè sự oán trách của người dân (tại bang vô oán, tại gia vô oán); là tinh thần coi nhẹ cá nhân, sẵn sàng quên mình cho nhân quần, xã hội mà biểu hiện khốn khổ là đức xả thân vì một triều chính, một đảng thiên tử (Thành liên mong tiến bệ rồng); là sự phụng mệnh mù quáng, vô điều kiện (Dân khả sử do chi, bất khả sử tri chi: Có thể làm cho dân theo con đường của ta, không thể làm cho họ biết đó là cái gì). Bản tuyên ngôn gồm tới 30 điều khẳng định các quyền tự do bình đẳng của con người, bảo vệ công cuộc đấu tranh vì phẩm giá con người, nhưng họ chỉ muốn đánh lạc hướng bằng cách tập trung vào điều 29, nhấn mạnh bốn phận của con người đối với cái mà họ gọi là cộng đồng. Họ chủ trương làm con đà điểu rúc đầu xuống cát để như là không hề nghe thấy lời hiệu triệu thiết tha trong bài diễn văn vang động của Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc Kofi Annan đọc tại Đại học tổng hợp Teheran ngày 10 tháng 12 năm 1997: "Tất cả các quyền con người cho tất cả mọi người". Họ tưởng như không đếm xỉa đến những quy ước quốc tế này: "Tất cả các quyền con người đều mang tính phổ quát, không thể chia cắt, phụ thuộc lẫn nhau và liên quan đến nhau. Cộng đồng quốc tế phải xử lý các quyền con người theo phạm vi toàn cầu một cách công bằng và bình đẳng và được coi trọng như nhau... các quốc gia không phân biệt hệ thống chính trị, kinh tế, văn hoá có nghĩa vụ đề cao và bảo vệ tất cả các quyền con người và quyền tự do cơ bản"(2).

Chỗ này người ta mơ hồ khẳng định: "Đối với bất kỳ một nước đang phát triển nào, vấn đề phát triển kinh tế là quyền con người quan trọng nhất"(3); chỗ kia người ta tuyên bố điều kiện tiên quyết, tối thượng và quán xuyến toàn bộ của nhân quyền

chỉ là chủ quyền (cho nên Hiến Pháp nước ta mới gói gọn quyền con người của Việt nam vào quyền công dân!).

Vâng, độc lập dân tộc là một trong những quyền quan trọng bậc nhất đối với con người. Nhưng, nó không phải là quyền quyết định tất cả. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng không hề nói độc lập là cái tuyệt đích mà nói: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Và, chính cụ đã dự cảm rằng: "Nếu giành được độc lập mà dân không được hưởng tự do, hạnh phúc thì độc lập cũng chẳng có nghĩa gì".

Có người khi khảo luận bản Tuyên ngôn Độc lập nước ta đã nêu lên "cống hiến to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đã gắn liền hai khái niệm quyền dân tộc thiêng liêng và quyền cơ bản của con người lại với nhau"(4). Thiết tưởng chỉ cần đọc lại lời dự cảm trên kia cũng thấy dấu đã từng có thật ý tưởng "gắn liền hai khái niệm quyền dân tộc thiêng liêng và quyền cơ bản của con người lại với nhau" thì chắc chắn cũng không thể nào đồng nhất hay nhất thể hóa hai phạm trù ấy được. Cũng không hề có chuyện "gắn liền" "độc lập của dân tộc" với "tự do của con người", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm phát cao ngọn cờ bảo vệ nhân quyền chân chính, vì các quyền dân tộc cơ bản của con người, ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội"(4). (Xin lưu ý: trong Tuyên ngôn độc lập mùng 2 tháng 9, không hề có một chữ nào đã động đến Mác-Lênin hay Chủ nghĩa xã hội).

Trên báo chí nước ta nhân dịp này thấy xuất hiện một thuật ngữ mới mốt: "nhân quyền chân chính".

Không biết rồi đây có ai định nghĩa nổi cái thuật ngữ này không. Bởi vì, nếu có thì chỉ riêng định nghĩa đó cũng xứng đáng được trao học vị trên tiến sĩ và... có thể nhận được giải thưởng Nobel. Nhưng, e rằng đây cũng chỉ là sự đóng góp tích cực để làm phong phú thêm cái kho tàng giáo ngữ có riêng ở những nước như nước ta. Nó cũng giống các cụm từ siêu bí ẩn: "cạnh tranh lành mạnh", "tài sản xã hội chủ nghĩa", "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" vv... Chương trình hành động Vienna 1993 gồm tới 100 điểm đã được xây dựng trên cơ sở quan hệ ba chiều giữa luật pháp, cơ chế thực hiện và thông tin, giáo dục, hơn 70 văn bản quốc tế đã bổ sung và chi tiết hoá cho Tuyên ngôn Nhân quyền 1948. Cứ thực hiện đầy đủ, nghiêm túc đi, đừng trí trá thì mặc nhiên sẽ có nhân quyền chân chính.

Không khéo rồi đây người ta sẽ còn sáng tác ra một khái niệm nữa: "nhân quyền xã hội chủ nghĩa" (dám lắm, bởi vì đã có khái niệm dân chủ xã hội chủ nghĩa - gấp triệu lần dân chủ thông thường rồi!) để làm mạnh thêm vũ khí chống lại cái gọi là chiến lược áp đặt các giá trị nhân quyền phương Tây cho nước này nước nọ.

Thế nào là nhân quyền phương Tây? Thế nào là can thiệp vào công việc nội bộ của nhau? Chẳng nhẽ nhân loại có thể cảm lòng bỏ qua thảm trạng tàn sát hàng trăm, hàng nghìn người trong tay không có vũ khí chính là đồng bào, đồng chí họ ngay giữa quảng trường Thiên An Môn hay sao? Chẳng nhẽ quốc tế không được lên tiếng phản đối những vụ vô đạo đàn áp bao nhiêu trí thức tiên tiến trong "Nhân văn Giai phẩm", trong cái gọi là "Nhóm xét lại chống Đảng", những phiên tòa quái dị xử phạt nhà báo Nguyễn Hoàng Linh 12 tháng 13 ngày tù giam (thời buổi tin học có khác, hẳn là các nhà chấp pháp của ta sử dụng nhiều máy tính điện tử lắm, hy vọng rồi đây mức độ công minh của các phiên tòa sẽ còn được thể hiện trên các bản án chính xác đến từng phút từng giây) mới đây, hay những phiên tòa đầy ẩn ức đối với Hoàng Minh Chính, Lê Hồng Hà, Hà Sỹ Phu, Nguyễn Kiến Giang vv... trước đây; những nghị định vi hiến như 31/CP đang cho phép giam lỏng vô tội và những nhà văn, những chiến sĩ cách mạng như Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự... hay sao? Và, nếu những chí nguyện quân ngoan cường, dũng cảm của chúng ta ào ào xông sang giúp nước láng giềng Campuchia, "dạy cho bọn Khmer Đỏ một bài học" rồi rút quân về ngay thì liệu quốc tế có lên án gay gắt và cô lập ta đàng đàng đến thế không?

Con người có một tệ trạng là hễ có quyền thế mà quyền thế đó không bị kiểm soát, kiểu như trong chế độ toàn trị, thì thường dễ lạm dụng quyền lực để trở thành độc đoán, tàn bạo, đôi khi mất hết nhân tính đến mức hung hãn.

Chợt nhớ Lê Anh Xuân, anh bạn đồng môn một thuở của tôi, rời khoa sử trường Đại học Tổng hợp Hà nội vào chiến trường Miền nam, bỗng sững sờ nức nở trước thi hài một em bé: "Sao em chết mà ta còn sống? Ta đang nghe máu động trong tim". Vậy mà, Mao Trạch Đông nói với Jawaharlal Nehru: "Bom nguyên tử chẳng có gì đáng sợ. Trung Quốc có nhiều người. Họ không thể dội bom chết hết được. Và nếu người ta dùng bom nguyên tử thì chúng tôi cũng làm được như vậy.

Chết mười hay hai mươi triệu người thì có gì đáng phải sợ". (Cái "tư tưởng Mao Trạch Đông" này thấm nhiễm vào bọn Khmer Đỏ sâu sắc đến mức xui chúng cảm cuộc đập vỡ sọ hàng triệu đồng bào mình mà chẳng có gì phải động lòng, miễn là xây dựng được chủ nghĩa cộng sản ở Campuchia!). Thế mà có chính trị gia nổi tiếng như ngài Lý Quang Diệu lại cao giọng tuyên truyền: "Tôi cho rằng tiêu chuẩn của nhân quyền khác với việc lấy dân chủ làm hình thức chính quyền"(5), rằng: "Chính phủ tốt quan trọng hơn dân chủ, nhân quyền"(5). Sao lại nói ngược vậy?! Một chính quyền không được hình thành theo thiết chế dân chủ (kiểu như chính quyền quân sự thoán đoạt ở Myanmar hiện nay) thì tức là đã vi phạm nghiêm trọng một trong những tiêu chuẩn nhân quyền cơ bản ghi trong Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền 1948: "Ý chí của nhân dân là nền tảng quyền uy của các quyền lực công cộng, ý chí đó phải được thể hiện bằng các cuộc bầu cử trung thực được tổ chức đều kỳ, theo chế độ bỏ phiếu phổ thông bình đẳng..."(Điều 21). Một chính phủ tốt dứt khoát phải là một chính phủ bảo đảm thực thi tối đa dân chủ, nhân quyền. Nói cách khác, phải căn cứ vào thái độ đối với vấn đề nhân quyền toàn cầu và việc tổ chức xã hội để quảng đại nhân dân nước mình được hưởng các quyền con người ngày càng cao mà đánh giá một chính phủ. Không có chính phủ nào được xem là quan trọng hơn dân chủ và nhân quyền. Không được xem chính phủ nào là quan trọng hơn dân chủ và nhân quyền cả!

Đóng cửa lại thì bất cứ ông bố nào cũng có thể quát lớn: "Tao là người chủ gia đình tài giỏi, đức độ nhất". Càng nát rượu mất càng trợn trừng, quát càng to hơn và vợ con càng không dám ho he. Đóng cửa lại thì chính phủ nào cũng mặc sức đổ tiền, đổ của tạo ra những bộ máy tuyên truyền khổng lồ, giáo huấn để nhồi nhét vào đầu óc, ruột gan người dân hàng đống mỹ từ tô vẽ cho được cái khẩu ngữ ưu việt của chế độ do họ nặn ra. Những đầu óc thông thái không cam tâm chịu lĩnh hội thì đã có gươm kề cổ, súng kề tai uy hiếp. Chẳng thế mà, bạo ngược như Saddam Hussein, đang tâm tàn sát dã man cả anh em họ hàng, đầy đọa một đất nước đang từ giàu có với mức thu nhập bình quân đầu người ở hàng cao trên thế giới vào làm than, cơ cực; kinh dị như Fidel Castro, đim cả quốc đảo Cuba xinh tươi, đầy khí thế (khi bắt đầu gia nhập làm thành viên

thứ 12 của phe xã hội chủ nghĩa, Cuba có đời sống xã hội đứng tằm trên trong các nước anh em, La Habana là thành phố nổi tiếng hoa lệ trên thế giới) vào cảnh tiêu điều, khốn khổ. Vậy mà nhân dân vẫn bị cưỡng bức phục tùng, mê hoặc cúi đầu tôn thờ bọn họ!

Làm sao nhân loại đang tâm ngoảnh mặt làm ngơ cho được? Màu da dù khác nhau thì vẫn chung sắc máu chứ. Cho nên khi nghe Baghdad bị tên lửa Anh-Mỹ tấn công, khi quá nao lòng trước lệnh cấm vận lê thê đối với Cuba, người ta càng thương những phụ nữ trẻ em ở các nước này bao nhiêu thì càng căm ghét, khinh bỉ những kẻ cầm quyền độc tài tham quyền cố vị bấy nhiêu.

Hãy cùng nhớ lại, ngay từ thế kỷ 13, Sadi- nhà thơ lớn vùng Ba Tư - đã tha thiết nhắn nhủ: "Khi thế giới làm một kẻ đau khổ thì những kẻ khác cũng không yên. Những ai bằng quan trước đau khổ của kẻ khác đều không đáng được gọi là người!"

Nhân dân thế giới chớ nản lòng trước những lời lăng mạ đê hèn của các chính phủ hủ bại chủ trương bưng bít để thả sức tự do áp bức đồng bào mình và vì thế luôn sẵn sàng lu loa dựng chuyện tố cáo nguy cơ "can thiệp vào công việc nội bộ" dưới chiêu bài gương cao ngạo cờ chủ quyền dân tộc.

Thật ra nhân loại đã cảnh giác trước những trò thối nát này từ lâu rồi. Bởi thế một trong những yêu cầu bức bách của sự ra đời bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền 1789 đã được ghi ngay trong lời mở đầu là để ngăn ngừa "tệ hủ bại của các chính phủ". Trước đó, Tuyên ngôn Độc lập của Hợp chúng quốc Hoa kỳ 1776 cũng đã đề cập: "... khi một hình thức chính phủ nào đó trở nên đối nghịch với các mục đích trên (về nhân quyền) thì nhân dân có quyền thay đổi, hay phế bỏ chính phủ đó..." và "... khi một loạt dài các hành vi lạm quyền và cướp đoạt quyền lực cùng theo đuổi một mục tiêu nhằm cưỡng bách mọi người sống dưới một chế độ chuyên chế tuyệt đối, thì lúc đó mọi người có quyền và có bổn phận phải phế bỏ một chính phủ như vậy và đưa lên những người bảo vệ mới cho an ninh tương lai của mình".

Ông Butros Butros Ghali khi đang trong cương vị Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc, trong bài diễn văn đọc trước Hội nghị Nhân quyền Vienna 1993 cũng từng kêu gọi: "Mỗi quốc gia phải là người đảm bảo tốt nhất cho các quyền con người...", "vấn đề hành động quốc tế cần phải được

đặt ra khi các quốc gia tỏ ra không phù hợp với nhiệm vụ này, khi họ vi phạm những nguyên tắc cơ bản đã được đề ra trong Hiến chương Liên Hiệp Quốc".

Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu trong bức thư gửi các đại biểu dự Hội thảo quốc gia nhân kỷ niệm 50 năm Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền tại Hà Nội có những ý hay khi ông khẳng định như một mệnh lệnh: "Bảo vệ và phát triển quyền con người không phải chỉ là một nhiệm vụ lớn hiện nay mà chính là lý tưởng phấn đấu của những người cộng sản". Ông tỏ ra có lý khi ôn lại truyền thống: "... ông cha ta vẫn mong muốn "lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo", lúc chiến thắng thì rộng lượng khoan hồng, khép lại quá khứ, xoá bỏ hận thù, sống hữu nghị, thân ái với các dân tộc khác". Cho nên khi ông viết: "Dân tộc ta... rất sáng tạo trong việc sử dụng pháp luật và các cơ chế tập quán để quản lý nhà nước và xã hội" thì tôi muốn hiểu ông nhận thức được rằng một dân tộc thông minh, tài trí như dân tộc ta, nhất định có đầy đủ khả năng xây dựng các bộ luật công minh, hợp nhân tình thế thái cùng những cơ chế pháp định tương thích bảo đảm thực thi nghiêm túc mọi điều luật của nước nhà, chứ không phải là chủ trương sáng tạo một cách biến hoá trong việc sử dụng pháp luật và các cơ chế, tập quán để quản lý nhà nước và xã hội theo ý đĩ của một cá nhân, một tập đoàn nào.

Hãy sáng suốt kiên định, ngoan cường đấu tranh bảo vệ và phát triển nhân quyền, bất chấp mọi uy hiếp, ngăn trở của bất cứ thế lực nào. Và, như phép màu tất yếu của luật nhân quả, nhân quyền sẽ trở che, nâng cánh ta.

Hà Nội tháng 12 năm 1998
Nguyễn Thanh Giang

(1) Kofi Annan "Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền soi sáng tính đa nguyên và đa dạng toàn cầu", phát biểu tại Đại hội Tổng hợp Teheran, 10-12-1997.

(2) "Tuyên ngôn Vienna và chương trình hành động" - Điều 5

(3) Lưu Hoa Thu - Bài phát biểu tại hội nghị Nhân quyền Quốc tế, Vienna 1993.

(4) Ngô Bá Thành - "Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh và những đóng góp cho luật pháp quốc tế về quyền con người", báo Nhân dân 10-12-1998.

(5) Lý Quang Diệu - "Tuyển tập chính luận", nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội.

Kinh tế thị trường kiểu xã hội chủ nghĩa đang tàn lụi ở Việt Nam

Nguyễn Ngọc Hiệp

Sau khoảng 5 năm tăng trưởng liên tục khoảng 8%-9%, kinh tế Việt Nam đã có dấu hiệu báo trước sẽ chậm lại kể từ gần cuối năm 1996. Rồi với những biến động, đảo ngược và khó khăn kinh tế xảy ra tháng 7, 1997 tại Viễn Đông, đặc biệt tại Đại Hàn, Thái Lan, Nam Dương và Mã Lai là những nước xuất vốn đầu tư và có quan hệ trao đổi thương mại nhiều với Việt Nam, nhịp độ phát triển kinh tế của VN đã bị mất đà rõ rệt và mau chóng trong năm 1998. Những biến chuyển trong những tháng gần đây cho thấy kinh tế VN đi vào một chu kỳ mới không có gì tốt đẹp, khác hẳn với những năm 1992-1997. Thực vậy, đầu tư nước ngoài sút giảm, xuất khẩu chậm lại, đồng bạc giảm giá, thất nghiệp tăng mau, ngoại tệ khan hiếm, tham nhũng tràn lan, v.v. Nói chung trở ngại kinh tế, tài chính và xã hội chồng chất. Giới lãnh đạo VN có vẻ bị bó tay ngày càng chặt. Trước tình thế đầy thử thách không có triển vọng vượt qua được, đảng CSVN bối rối, cố gắng tìm cách chống đỡ tùy tiện các khó khăn, chấp vá tạm thời các lỗ thủng trong cơ chế "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa".

Những số liệu mới nhất cho biết :

Chính quyền VN đã chính thức giảm mục tiêu gia tăng tổng sản lượng nội địa (GDP) trong năm 1998 từ 9% xuống 6%. Đồng bạc VN đã giảm giá khoảng 20%. Xuất khẩu tăng 3,5% trong 10 tháng đầu năm 1998 so với 24% cho cả năm 1997. Vật giá tăng 9,6% trong 12 tháng vừa qua so với 3,6% trước đó.

Khối nhân lực VN khoảng 38-39 triệu người (27 triệu người trong ngành nông nghiệp, 2,4 triệu người trong khu vực doanh nghiệp nhà nước, 10 triệu người trong các hoạt động khác). Tỷ số thất nghiệp khoảng 17%-18% (7 triệu người). Nếu tính cả số người bán thất nghiệp thì tỷ số lên tới 40%.

Đầu tư nước ngoài được chấp thuận xuống thấp mau chóng. Trong 10 tháng

đầu 1998 trị giá đầu tư nước ngoài được chấp thuận khoảng 1,5 tỷ USD so với 5,1 tỷ USD trong năm 1997 và 8,5 tỷ USD cho 1996. Về đầu tư nước ngoài thực hiện, chính quyền VN dự báo sẽ ở mức hơn 1 tỷ USD so với 2,4 tỷ USD trong năm 1997 và 2,3 tỷ cho 1996.

Chính quyền VN đã lập ra 52 khu công nghiệp để thu hút đầu tư nước ngoài. Nhưng chỉ có 20% diện tích được sử dụng, phần đất còn lại để trống vẫn chờ đầu tư nước ngoài bỏ vốn thiết lập cơ sở biến chế và sản xuất.

Hệ thống ngân hàng bị lung lay ngày càng rõ. Gần đây có tin 2 ngân hàng cổ phần Nam Đô và Mekong bị rút giấy phép hoạt động nhưng vẫn mở cửa tiếp khách hàng !

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thu hẹp hoạt động và giảm gần 37 000 người (15%). Riêng xí nghiệp Nike đã giảm 5 000 người trên tổng số lao động là 35 000 người. Tổ hợp Daewoo của Đại Hàn hoạt động ở VN đã lâu (Daewoo Hanel sản xuất máy móc điện gia dụng như tủ lạnh, quạt máy, radio, v.v.; Vidamco thuộc ngành lắp ráp xe hơi; Daewoo Hotel ...) cũng thải bớt lao động, kể cả nhân viên cấp chỉ huy người nước ngoài.

Hiệu suất của các doanh nghiệp nhà nước tiếp tục sa sút. Trên tổng số lao động là 2,4 triệu người có tới hơn 500 000 người không cần thiết. Theo vài tài liệu nghiên cứu khác, số lao động dư thừa tại các doanh nghiệp nhà nước có thể lên tới 50%.

Tình hình kinh tế-tài chính và xã hội-lao động nghiêm trọng không dấu được khiến thủ tướng Phan Văn Khải phải chính thức tuyên bố hạ thấp mục tiêu gia tăng tổng sản lượng nội địa (TSLND) xuống 6%. Tuy nhiên, nhiều chuyên gia kinh tế nước ngoài cho rằng mục tiêu này vẫn không thực tế và sẽ không thực hiện được. Họ dự đoán rằng TSLND sẽ tăng 3%-4% trong năm 1998.

Về phương diện hành chính nhà nước, tình trạng tham nhũng và quan liêu lan tràn một cách tự nhiên, không có gì kim hãm được. Một chế độ như ở VN trong đó nhà nước độc quyền thông tin mà các cơ quan truyền thông phải nói lên những vụ lạm quyền, lũng đoạn tài sản nhà nước thì chắc chắn căn bệnh phải rất nặng. Từ nhiều năm nay, văn phòng nghiên cứu và tư vấn Political and Economic Risk Consultancy ở Hồng Kông dựa vào những ý kiến và nhận xét từ kinh nghiệm của các giới hoạt động đầu tư và buôn bán thương mại ở Á Châu luôn luôn xếp VN và Trung Quốc là hai nước có chế độ "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" đứng hàng đầu về tham nhũng hối lộ trong bảng so sánh gồm có 12 nước.

Tổng kết chế độ "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" của VN từ khi có đổi mới tới nay thì chúng ta có thể đưa ra những nhận xét như sau :

Việt Nam có được 5 năm phát triển khá rõ, giúp sản xuất gia tăng đáng kể từ 1992 tới 1997. Sự phát triển này thật ra không phải vì chế độ theo một chính sách vượt bậc, cũng chẳng phải vì áp dụng những biện pháp sáng tạo mà chỉ vì kinh tế VN đi từ một mức rất thấp, nhờ xóa bỏ số điều tiêu cực (như chế độ hợp tác xã nông nghiệp) và nhờ tư bản nước ngoài xuất vốn đầu tư (có năm lên đến 2,4 tỷ USD) nên đã giúp gia tăng sản lượng và thu nhập nói chung.

Theo nhiều chuyên gia nền kinh tế VN đầy mâu thuẫn, không có chủ trương và phương pháp hoàn chỉnh, khoa học và đúng đắn. Luận đề và luận cứ dùng để bênh vực chế độ kinh tế ấy rất vá vát, thiếu thuần nhất, không hợp lý. Đảng CSVN đưa ra những luận điệu vòng quanh, nhập nhằng và cãi cố để bám víu vào đường lối kinh tế của mình.

Chế độ "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" VN đã mở đường cho tham nhũng, hối lộ, buôn lậu, lũng đoạn, những nhiễu, cửa quyền sinh sôi nảy nở không giới hạn. Tin AFP gần đây cho biết, càng ngày càng có nhiều người dân đã tới tận nhà các cấp lãnh đạo đảng và viên chức nhà nước, nhất là ở Hà Nội, để nộp đơn khiếu nại khiến chính quyền phải đưa ra chỉ thị các cơ quan hành chính địa phương có nhiệm vụ phải tiếp nhận và giải quyết các yêu cầu

của dân không để họ tới trước cửa nhà các viên chức cao cấp để khiếu nại (tháng 10-1998).

Kinh tế VN rơi vào khủng hoảng chưa ?

Theo tin Reuters, đại diện của Ngân Hàng Phát Triển Á Châu (ADB) tại VN là Jean Pierre Verbiest tuyên bố gần đây rằng VN đang đứng trước những vấn đề kinh tế khó khăn nhất từ khi không còn nhận được viện trợ của Liên Xô và khối Đông Âu cũ. Đại diện ADB tiếp rằng, VN chưa rơi vào tình trạng khủng hoảng nhưng khủng hoảng gần kề có thể xảy bất cứ lúc nào.

Nhìn lại tình trạng VN trong khoảng hai năm vừa qua thì chúng ta thấy kinh tế đã có dấu hiệu trì trệ kể từ cuối năm 1996, rồi sang năm 1997 bắt đầu đình đốn, phát triển chậm lại. Trong năm 1998 kinh tế VN suy thoái rõ ràng, một số ngành đã tụt hậu thực sự, một số đáng kể lao động bị mất việc. Những quân bình kinh tế cơ bản vốn đã lỏng lẻo bị vỡ mẻ và những mâu thuẫn kinh tế ngấm ngấm phát hiện ngày càng rõ. Kinh tế VN chưa rơi vào khủng hoảng nhưng những mầm mống của khủng hoảng đã xuất hiện. Khác với các nước tiên tiến và khác cả với nhiều nước trong vùng như Đại Hàn, Thái Lan, Mã Lai v.v. , ở VN khi khủng hoảng kinh tế đến nó sẽ xảy ra chậm hơn các nước này vì cơ sở sản xuất còn dựa nhiều vào nông nghiệp, thu nhập đầu người còn thấp và kinh tế VN vẫn chưa mở rộng và giao thương nhiều với bên ngoài.

Quan bình về đầu tư đổ vỡ

Trong những năm đổi mới, kinh tế VN đã phát triển được chủ yếu dựa vào đầu tư nước ngoài. Số vốn nước ngoài này đã giúp thực hiện sự quân bình cần thiết giữa nhịp độ phát triển, yêu cầu đầu tư và số vốn cần huy động. Vốn huy động được nhiều thì số đầu tư có thể gia tăng mau và nhịp độ phát triển kinh tế có triển vọng sẽ cao. Sự quân bình về đầu tư là điều kiện không có không được để có thể thực hiện một tỷ lệ gia tăng sản xuất cao hơn tỷ lệ gia tăng dân số, và do đó nâng cao thu nhập và mức sống của người dân nói một cách tổng quát.

Trong những tháng năm vừa qua, đầu tư nước ngoài đã giảm sút mau chóng.

Theo ước tính của chúng tôi đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện trong 1998 sẽ ở mức 600-700 triệu USD. Kể thêm đầu tư qua viện trợ phát triển chính thức (ODA) và đầu tư với vốn trong nước thì tổng số đầu tư trong năm 1998 sẽ khoảng 3 tỷ USD. Như vậy, nhìn thực tế thì tổng sản lượng nội địa chỉ có thể tăng 3,5%-3,8% trong năm 1998.

Sang năm tới, nếu chính quyền VN không có sự chuyển đổi mạnh bạo và nhất là nếu không huy động được tiền nhàn rỗi trong tay dân chúng ước lượng khoảng 6-7 tỷ USD thì tình trạng thiếu vốn đầu tư phát triển sẽ nghiêm trọng, đe dọa làm sản xuất tăng chậm hơn dân số khiến thu nhập và mức sống của người dân tụt lùi. Như vậy tức là mở đường cho kinh tế thực sự đi vào khủng hoảng.

Hội nghị các nhà tài trợ nhóm họp tại Paris ngày 7 và 8 tháng 12- 1998 vừa qua đã quyết định dành cho VN trong năm 1999 một ngân khoản viện trợ phát triển là 2,2 tỷ USD. Chính quyền VN tỏ vẻ lạc quan vì số tiền được chấp thuận này nhiều hơn chờ đợi. Tuy nhiên, điều đặc biệt cần để ý là ngân khoản 1999 gồm có 3 phần : một phần viện trợ phát triển theo đúng nghĩa dùng để tài trợ các dự án phát triển kinh tế; một phần khác dùng để nâng đỡ và cho phép thực hiện các biện pháp chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước, hệ thống ngân hàng và tổ chức thương mại; phần còn lại dành cho công tác cố vấn và giúp đỡ kỹ thuật trong chương trình chuyển đổi vừa nêu. Như vậy thì thực tế ngân khoản viện trợ chính thức cho năm 1999 có giảm sút đáng kể so với ngân khoản 2,4 tỷ USD mà các nhà tài trợ đã quyết định ở Tokyo tháng 12 năm 1997.

Quyết định mà các nhà tài trợ đã lấy ở Paris báo hiệu rằng trong năm tới chính quyền VN song song với việc đối phó với tình trạng vốn đầu tư giảm sút sẽ phải chịu áp lực mạnh mẽ của Ngân Hàng Thế Giới và Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế trong chiều hướng đổi mới kinh tế.

Ngoại tệ thiếu hụt trầm trọng

Cách đây khoảng một năm, số dự trữ ngoại tệ của VN ở mức hơn 2 tỷ USD chỉ đủ để tài trợ yêu cầu nhập khẩu trong 10 tuần lễ. Số dự trữ này vốn đã chẳng nhiều

gì, nay lại giảm sút còn có khoảng 1 tỷ USD và chắc tiếp tục xuống thấp nữa. Tất cả các nguồn ngoại tệ của VN đều đi xuống, từ đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tới thu nhập ngành du lịch, tiền mà người Việt ở nước ngoài chuyển về VN, viện trợ phát triển chính thức (ODA), số chi tiêu của người nước ngoài làm việc ở VN, tiền quảng cáo mà các doanh nghiệp nước ngoài trả cho VN, số ngoại tệ thu được do xuất khẩu. Song song, đồng bạc VN mất giá đã thúc đẩy doanh nhân nước ngoài đổi tiền VN ra ngoại tệ để chuyển ra khỏi VN. Trong khi ấy giới lãnh đạo các doanh nghiệp nhà nước đầu cơ trực lợi có nguồn thu nhập ở nước ngoài lại không chuyển ngoại tệ về hết. Chẳng hạn cấp chỉ huy VietNam Airlines nhận tiền bán vé của các văn phòng du lịch ở nước ngoài, gian lận không chuyển ngoại tệ về VN, giữ ở nước ngoài làm giàu cho bản thân, gia đình hoặc bè đảng. Nói chung một số đáng kể ngoại tệ bị thất thoát vì thành phần cán bộ tham nhũng gian lận thu vét dùng để nhập khẩu hàng lậu. Tất cả các yếu tố kể trên cộng lại làm ngoại tệ ngày càng khan hiếm không đủ để bù đắp sự thâm thủng ngày càng nặng của cán cân thương mại. Theo số liệu chính thức, trong 11 tháng đầu 1998 cán cân thương mại VN thiếu hụt 1,7 tỷ USD.

Tình trạng ngoại tệ khan hiếm đã buộc chính quyền VN quyết định vào đầu tháng 10 vừa qua tăng cường kiểm soát ngoại tệ lưu hành ở VN. Cụ thể là mới đây các ngân hàng bị bắt buộc phải thông báo Ngân Hàng Nhà Nước tất cả các dịch vụ chuyển nhượng một số ngoại tệ lớn hơn 50 000 USD. Ngoài ra, tất cả các chương mục ngân hàng bằng ngoại tệ bị bắt buộc phải chuyển nhượng cho nhà nước 80% số ngoại tệ gửi ngân hàng. Sau hết, số ngoại tệ mà cá nhân có thể đem theo khi xuất nhập VN bây giờ không được quá 3 000 USD so với 7 000 USD trước đây. Tất cả các hàng rào kiểm soát này đi ngược lại chính sách "đổi mới" và biểu hiện cho tính chất nhập hàng của đường lối "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Chính quyền VN rơi vào thế bí phải dùng tới những biện pháp thắt lưng buộc thắt kinh tế thay vì cởi mở kinh tế hơn nữa.

Doanh nghiệp nhà nước đảo lộn sự sắp xếp các thành phần kinh tế

Doanh nghiệp nhà nước là cột trụ của "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Nhưng khu vực này lại hoạt động lả lã nặng, thiếu vốn tự tạo và không có khả năng hoàn trả tiền vay nợ nhà nước. Các doanh nghiệp nhà nước được hưởng 75%-80% tổng số tín dụng ngân hàng nhưng chỉ thu dụng 6%-7% lao động làm việc. Theo các định chế tài chính quốc tế, tổng số vay nợ của các doanh nghiệp nhà nước lên tới 7 tỷ USD.

Với máy móc thiết bị và kỹ thuật sản xuất lạc hậu, phương pháp tổ chức bàn giấy và nặng nề, và lao động thiếu đào tạo và huấn luyện, các doanh nghiệp nhà nước trên lý thuyết phải đẩy mạnh kinh tế đi lên nhưng thực tế lại phải gián tiếp sống dựa vào khu vực liên doanh và khu vực kinh tế tư nhân. Ngoài ra khu vực kinh tế nhà nước mang danh như thế nhưng sự thật vô cùng phân hóa, nằm trong quyền quyết định của các viên chức địa phương. Các viên chức này sử dụng cơ sở và tài sản của doanh nghiệp nhà nước như sở hữu tư hoặc như sở hữu dưới quyền quyết định của một nhóm quyền lực nào đó. Chính bởi vậy mà hết chương trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tới chương trình tư nhân hóa cuối cùng cũng chẳng có sự chuyển đổi nào cả để các doanh nghiệp nhà nước trở nên lành mạnh và đóng góp đúng mức vào sự phát triển kinh tế cho tương xứng với vai trò và chỗ đứng của chúng. Trong năm 1997, trên tổng số 6000 doanh nghiệp nhà nước, chỉ có khoảng 300 đóng góp vào số thu của ngân sách nhà nước, và một nửa bị lỗ lã. Ngoài ra khu vực doanh nghiệp nhà nước đóng góp ngày càng ít cho ngân sách nhà nước. Tỷ lệ đóng góp này là 40% trong năm 1996 so với 60% trong năm 1990.

Một nền kinh tế muốn tăng trưởng bền vững cần phải có những doanh nghiệp tổ chức và hoạt động có hiệu suất cao. Như vậy có nghĩa khu vực doanh nghiệp nhà nước phải do những chuyên gia có khả năng quản lý và thi đua bình đẳng với khu vực tư nhân. Cả hai điều kiện căn bản này không có trong chế độ "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Tình trạng này biểu hiện rõ rệt một mâu thuẫn cơ bản khiến kinh tế VN bị tắc nghẽn và đưa nó vào con đường tự đào thải. Đảng CSVN có hai hướng đi,

nhưng cả hai đều dẫn tới cùng một chốn : một là tư nhân hóa đúng đắn và thực sự khu vực nhà nước, tức là phá bỏ chế độ "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" và chấp nhận nhà nước pháp trị, thi hành và bảo vệ tự do dân chủ; hai là tư nhân hóa giả dạng, nhưng nhằm để khu vực nhà nước hoạt động cầm hơi, tức là bắt lạt và bó tay nhìn chế độ "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" dần mòn tàn lụi.

Thị trường lao động và việc làm ngày càng chênh lệch

Số lao động VN (số người trên 15 tuổi còn hoạt động và làm việc) hiện nay ước lượng khoảng 38-39 triệu người và hàng năm tăng thêm khoảng 900 000 người. Vấn đề cơ bản đặt ra là tìm đủ vốn đầu tư để phát triển sản xuất, tạo một số lượng việc làm đủ để thu dụng tất cả khối lao động sẵn có và đang cần việc làm.

Cách đây khoảng bốn năm, trong lúc đầu tư nước ngoài lên cao nhất và kinh tế VN phát triển tương đối mạnh, tỷ số thất nghiệp và bán thất nghiệp ở mức 30%-32%. Giờ đây tỷ số này lên tới 40%. Theo tin Reuters, doanh nghiệp nhà nước giảm 9%-10% số lao động, cơ sở liên doanh với nước ngoài giảm 15%. Tính theo khu vực thì công nghiệp giảm 16%-17% số lao động, nông nghiệp 12% và ngành xây dựng 10%. Tình trạng lao động và việc làm mất quân bình nghiêm trọng khiến chính quyền VN đã phải chú trọng và tổ chức xuất khẩu lao động như xuất khẩu hàng hóa. Có lẽ trên thế giới này chỉ có chính quyền VN mới theo đường giải quyết thất nghiệp bằng cách xuất khẩu lao động !

Tình trạng thị trường lao động VN gắn bó với sự sắp xếp các thành phần kinh tế. Như vừa nêu ở trên với tình trạng khu vực nhà nước giữ một chỗ đứng quan trọng mà lại không có khả năng tự tạo vốn, mở rộng cơ sở sản xuất, tạo nhiều việc làm thì tất nhiên thị trường lao động và việc làm phải chênh lệch. Tình trạng không cải tiến được thì sự chênh lệch ngày càng rõ. Tuy nhiên, hiện tại chính quyền VN còn chạy quanh vấn đề là bởi tỷ lệ gia tăng tổng sản lượng nội địa (GDP) vẫn lớn hơn tỷ lệ gia tăng dân số. Theo nhận xét của chúng tôi nếu không có những biện pháp chuyển hướng mạnh

bạo thì qua năm 2000 có triển vọng toàn bộ kinh tế (kể cả khu vực nông nghiệp) sẽ thụt lùi, thu nhập đầu người sẽ đi xuống, thất nghiệp tràn lan dẫn tới nhiều biến động xã hội nghiêm trọng và thực sự mở đầu cho sự khủng hoảng kinh tế và xã hội ở VN.

Tham nhũng hủy hoại kinh tế và ngăn cản sự phát triển bền vững

Việt Nam xếp hạng nhất nhì về tham nhũng tại Viễn Đông và còn là một trong vài quốc gia trên thế giới có luật riêng để bài trừ tham nhũng. Việt Nam không có nhà nước pháp trị cho nên luật chống tham nhũng cũng như bất cứ luật nào khác không được tôn trọng, thi hành hoặc bảo vệ một cách nghiêm chỉnh.

Đảng CSVN mắc bệnh tham nhũng rất nặng. Vì khuẩn tham nhũng tàn phá cơ chế "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Trong quá khứ chính quyền VN đã sử dụng vài phương pháp chữa chạy để che mắt thế gian như trừng phạt vài phạm nhân tế thần, tung ra những khẩu hiệu xúi tai, ban hành vài chỉ thị mà không cán bộ, hoặc viên chức nhà nước nào theo, hứa hẹn suông giải đáp khiếu nại và tố giác của dân. Cuối cùng các kiểu chữa này không có kết quả gì và con bệnh tiếp tục bị suy yếu. Người ta tự hỏi là liệu con bệnh có tự chữa được không ?

Câu trả lời dứt khoát là không tự chữa được. Nhìn lâu dài, tham nhũng và phát triển kinh tế không thể đi đôi với nhau được. Một số giới lãnh đạo tư tưởng đảng CS Trung Quốc cũng đã thừa nhận điều này (Far Eastern Economic Review, 20-8-1998). Đảng CSVN thường theo sau đảng CS Trung Quốc và đi chậm khoảng 5-10 năm. Mong rằng lần này giới lãnh đạo CSVN theo sát đảng CS Trung Quốc và sớm quyết định thực hiện đúng đắn những chuyển đổi chính trị cần thiết có lợi cho đất nước.

Cốt lõi của tham nhũng là sự độc quyền lãnh đạo của đảng CSVN. Tham nhũng bành trướng thì kinh tế phát triển không bền vững. Tham nhũng quá độ còn có thể làm kinh tế suy kiệt, xã hội biến động, tiếp tay cho khủng hoảng kinh tế và xã hội. Yêu cầu bài trừ tham nhũng ở VN hoàn toàn mâu thuẫn với chế độ độc quyền lãnh đạo của đảng CSVN. Chỉ khi nào tổ chức chính trị VN thay đổi rõ ràng bằng cách xóa bỏ sự độc

quyền lãnh đạo của đảng CSVN và thay vào đó một chế độ dân chủ, có sự phân quyền hợp lý và cân đối, có tư pháp và luật pháp độc lập, có tự do thông tin đầy đủ thì mới có thể dẹp nạn tham nhũng được. Giới lãnh đạo CSVN còn tiếp tục bám víu vào quyền lợi đảng và độc quyền quản lý nhà nước thì đất nước không tránh khỏi đi vào ngõ bí và khủng hoảng toàn diện.

Tín dụng phân phối phản kinh tế

Giới lãnh đạo VN tuyên bố "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" gồm có nhiều thành phần đan xen và bình đẳng. Thực tế thì khu vực kinh tế nhà nước khống chế hoàn toàn hệ thống sản xuất và thương mại VN. Khu vực này nằm trong vòng kiểm soát và quyết định của các viên chức và cán bộ đảng và được hưởng rất nhiều ưu đãi, dễ dãi và đặc lợi về mọi mặt. Đặc biệt về tín dụng, tiền cho vay của các ngân hàng tập trung vào các doanh nghiệp nhà nước dù khu vực này không có khả năng tạo việc làm bằng khu vực tư nhân. Tuy vậy, nhịp độ gia tăng sản xuất của các doanh nghiệp nhà nước (8%-9%) không bằng một nửa nhịp độ của khu vực đầu tư nước ngoài (18%-20%) và chỉ hơn một cách khiêm tốn khu vực kinh tế tư nhân (6,5%) trong khi khu vực này hầu như phải tự túc và không nhận được sự nâng đỡ của các ngân hàng và cơ quan nhà nước.

Số tín dụng ngân hàng cấp phát cho các cơ sở kinh tế tư nhân không rõ là bao nhiêu. Tuy nhiên thủ tục ngân hàng bắt buộc doanh nghiệp tư nhân phải thế chấp tới 130% số tiền vay mượn trong khi doanh nghiệp nhà nước không phải thế chấp gì cả. Tất cả các giới nước ngoài lẫn VN theo dõi vấn đề đều thừa nhận rằng tình trạng phân phối tín dụng ngân hàng bất lợi và phản kinh tế. Sự phân phối tín dụng này đã đưa tới tình trạng 95% tài sản và vốn của khu vực công nghiệp VN tập trung ở các doanh nghiệp nhà nước.

Trên thế giới này không có một nền kinh tế nào dựa vào doanh nghiệp nhà nước và chèn ép doanh nghiệp tư nhân mà có thể phát triển bền vững và cân đối về mọi mặt kinh tế, xã hội và dân sự. Từ trước tới nay giới lãnh đạo VN ưu đãi doanh nghiệp nhà nước, dựa hơi đầu tư nước ngoài và ngăn cản doanh nghiệp tư nhân bành trướng. Lúc này để có thể

khắc phục phần nào các khó khăn kinh tế và nhất là giảm bớt tình trạng thất nghiệp cần phải dựa vào khu vực kinh tế tư nhân thì khu vực này lại không sẵn sàng và cũng không có điều kiện và khả năng.

Con đường cứu vãn kinh tế VN

Xét thực tế thì con đường "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" đầy mâu thuẫn và chấp nối. Bởi vậy không thể có phương pháp sửa đổi, cứu vãn tổ chức kinh tế mà đảng CSVN bày ra từ 12 năm nay. Điều có thể làm được là đưa kinh tế VN vào một con đường phát triển khác. Đó là một cơ chế kinh tế thị trường trong khuôn khổ một nhà nước pháp trị. Nhà nước pháp trị này thừa nhận, thực thi, tôn trọng và bảo vệ các quyền tự do dân chủ căn bản của con người. Riêng về phương diện kinh tế thuần túy như vậy có nghĩa :

Kinh tế VN gồm nhiều thành phần : nhà nước, tư nhân, hợp doanh, hợp tác xã, liên doanh, cá thể. Các thành phần hoạt động bình đẳng trong một khuôn khổ pháp luật công khai và nghiêm chỉnh. Quyền sở hữu của mỗi thành phần được pháp luật thừa nhận và đảm bảo.

Khuôn khổ luật lệ kinh tế, tài chính và lao động hoàn chỉnh. Nhà nước lập ra các cơ quan, đào tạo các viên chức và dành những phương tiện cần thiết để bảo đảm luật lệ được thi hành, bảo vệ và tôn trọng một cách công minh.

Nội dung cũng như tinh thần luật pháp phù hợp với các nguyên tắc cơ bản về dân chủ, tôn trọng bình đẳng về quyền lợi và tự do về thông tin để tránh các vấn nạn kinh tế như tham nhũng xảy ra trong "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa".

Đảng CSVN chủ trương thi hành "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" là để cứu vớt "kinh tế xã hội chủ nghĩa". Chủ trương ấy đã vọt được "kinh tế xã hội chủ nghĩa" trong một thời gian, nhưng chắc chắn không cứu được nó. Đảng CSVN đã chấp nhận để "kinh tế xã hội chủ nghĩa" tự đào thải. Bây giờ đảng CSVN đang bối rối nhìn "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" từ từ tiến tới tàn lụi.

Nguyễn Ngọc Hiệp
Tháng 12, 1998

THỜI SỰ... TIỀN TỨC... THỜI SỰ...

Đài Loan củng cố dân chủ

Từ khi thiết quân luật bị bãi bỏ năm 1986 và các đảng phái đối lập được chính thức hoạt động, Đài Loan đã bốn lần tổ chức tổng tuyển cử ở viện lập pháp không kể các cuộc tuyển cử cấp làng, xã, huyện thành phố cũng như phổ thông đầu phiếu tổng thống trong năm 1996. Ngày 5 tháng 12 vừa qua, dân chúng Đài Loan lại có dịp chọn lựa đại biểu của mình ở viện lập pháp và hai thị trưởng cùng ban hội đồng của hai thành phố lớn Đài Bắc và Cao Hùng. Kết quả có thể nói không đáp ứng cho sự ước nguyện của đối lập dân chủ nhưng đáp lại cho tình thế hiện tại của Đài Loan.

So với năm 1995, số đại biểu được tăng từ 164 lên 225 ở Viện Lập Pháp. Đảng cầm quyền Quốc Dân Đảng (QDD) có đa số tuyệt đối với 124 ghế trên 225 (55,1%) so với 85 ghế trên 160 trong lần tuyển cử 1995. Đảng Dân Chủ Tiến Bộ (Dân Tiến Đảng) về nhì với 70 ghế và Tân Đảng về hạng ba với 11 ghế. Ba đảng nói trên thu được số phiếu sau : QDD 46,4 %, DTD 29,6 %, TD 7 %. Số phiếu còn lại (17 %) do các đảng nhỏ hoặc vô đảng phái chiếm giữ. Số cử tri đi bầu hơn 10 triệu.

Nếu Dân Tiến Đảng bị tương đối thất bại, Tân Đảng bị thua nặng vì chính sách thân thiện với Bắc Kinh. Đảng này chỉ có 5 % ghế so với 13 % trước đây (11 ghế so với 21 ghế). Dân Tiến Đảng mặc dù có 70 ghế so với 54 ghế trong năm 1995, chỉ chiếm 31 % ghế so với 33 % trước đây.

Nhưng thất bại lớn là Dân Tiến Đảng đã bị Quốc Dân Đảng chiếm lại ghế thị trưởng Đài Bắc mà ông Trần Thủy Biển (Chen Shui Bian) đã chiếm với gần 44 % số phiếu so với 26 % của ông Hoàng Đại Châu, người của QDD trong năm 1994.

Người tranh cử của QDD lần này là ông Mã Anh Cửu (Ma Ying Jeou), cựu bộ trưởng tài chính với tiếng tăm là người trong sạch. Ông Cửu về đầu với 51 % so với 46 % của ông Trần Thủy Biển và 3 % của ông Vương Kiến Huyền (Wang Chien Shien), người Tân Đảng. Tân Đảng bị mất 27 % phiếu so với năm 1994 (3 % thay vì 30 %). Có thể nói là 90 % phiếu cử tri của Tân Đảng dồn cho Quốc Dân Đảng.

Trái lại ở tỉnh Cao Hùng, ông Ngô đôn Nghĩa (Wu Den Yih) người của QDD đã hai lần thị trưởng bị thất cử. Ông về nhì với 48,1 % phiếu so với 48,7 % của ông Tạ Trương Đình (Frank Hsieh) người của Dân Tiến Đảng. Ông Đình chỉ hơn ông Nghĩa 4000 phiếu trên gần 800 000 phiếu.

Phải nói thêm là ông Nghĩa đã được tổng thống Lý Đăng Huy đích thân đến Cao Hùng cổ vũ và kêu gọi quần chúng bỏ thăm cho QDD.

Dân Tiến Đảng nói chung bị thất bại trong lần tuyển cử này với hai lý do chính: Trước hết, Đảng này đã bị phân rẽ với nhiều khuynh hướng. Khuynh hướng chủ trương độc lập do ông Trần Thủy Biển cựu thị trưởng Đài Bắc và chủ tịch Đảng Lâm Nghĩa Hùng đề xướng trong khi một nhóm khác chủ trương ôn hòa và thỏa hiệp với QDD do cựu chủ tịch đảng ông Hứa Tín Lương đưa ra. Lý do thứ hai là người dân Đài Loan vẫn còn lo ngại Bắc Kinh dùng vũ lực chiếm đảo nếu Dân Tiến Đảng thắng cử. Thông điệp của họ cho Bắc Kinh biết là họ không theo chủ trương thống nhất của Bắc Kinh (không bỏ thăm cho Tân Đảng) mà muốn giữ tình trạng hiện nay. Phải nói thêm là QDD đã tương đối thành công sau chuyến công du của ông Cô Chấn Phủ ở lục địa trong tháng 10. Liên lạc giữa hai bờ eo biển đã được nối lại với hình ảnh tương đối trấn an. Tình trạng chia đôi còn kéo dài nếu QDD thắng cử. Những điều này được diễn ra theo dự kiến.

Điều nghịch thường là Bắc Kinh cũng tương đối "thỏa mãn". Dù Tân Đảng, một đảng do họ ủng hộ bị thất cử nặng, nhưng Dân Tiến Đảng cũng bị thua thiệt. Quốc Dân đảng sẽ tiếp tục là người đối thoại với họ do người dân Đài Loan quyết định. Đài Loan vừa cho thế giới thấy họ đã củng cố thêm dân chủ trước khi bước sang thế kỷ 21.

Hòa Bình cho Kampuchea

Những dịp lễ Giáng Sinh thường tốt cho nhân dân Kampuchea và bị đất cho tổ chức diệt chủng Khmer Đỏ. Mùa Giáng Sinh năm 1978, quân đội cộng sản Việt Nam đã ào ạt tiến công vào Kampuchea và dứt điểm chính quyền Khmer Đỏ trong một tuần lễ, chấm dứt họa diệt chủng cho dân tộc Kampuchea.

Đúng 20 năm sau, mùa Giáng Sinh 1998, hai lãnh tụ cao nhất của tàn quân Khmer Đỏ là Khieu Samphan và Noun Chea đã đầu hàng chính quyền Phnom Penh. Khieu Samphan được coi là người cầm đầu lực lượng còn lại của Khmer Đỏ, Noun Chea là lãnh tụ chính trị. Lực lượng Khmer Đỏ đến đây coi như đã tiêu vong.

Thứ ba 29-12-1998, hai nhân vật này đã về Phnom Penh ra mắt thủ tướng Hun Sen và được Hun Sen, một cựu cán bộ Khmer Đỏ tiếp đón ân cần, cam kết bảo

đảm an ninh cho họ, nhưng ngay sau đó quốc vương Sihanouk đã tuyên bố sẽ không ân xá tội diệt chủng cho hai người này. Số phận hai tên sát nhân này như vậy vẫn còn bấp bênh, cả hai được thế giới coi như những tội phạm đối với nhân loại.

Riêng Hà Nội, vốn là quan thầy và chỗ dựa của Hun Sen, vội vã lên tiếng ủng hộ Hun Sen trong chủ trương tha thứ cho hai nhân vật này mà Hà Nội từng lên tiếng tố giác như những tên sát nhân ghê tởm nhất.

Lực lượng Khmer Đỏ đã nổi lên chống chính quyền Phnom Penh từ năm 1964 nhưng không đạt được tầm vóc nào. Từ năm 1970, nhờ sự trợ giúp của Hà Nội, họ đã lớn mạnh lên hẳn và ngày 16-4-1975 chiếm thủ đô Phnom Penh trước thắng lợi của quân cộng sản Việt Nam hai tuần lễ. Ngay sau đó họ đã trở mặt với chế độ cộng sản Việt Nam, đứng vào phe Trung Quốc và bắt đầu tấn công vào lãnh thổ Việt Nam. Sau ba năm kiên nhẫn, chế độ cộng sản Việt Nam đã quyết định phản công, đánh gục chế độ Kampuchea Dân Chủ do Khmer Đỏ thành lập.

Trong ba năm cầm quyền, chế độ Khmer Đỏ đã sát hại gần hai triệu người Kampuchea trong quyết tâm xây dựng một "chủ nghĩa cộng sản trong sạch". Tàn sát một phần ba dân chúng trong vòng ba năm là điều chưa có chế độ nào làm nổi trong lịch sử thế giới, kể cả Hitler, Stalin và Mao Trạch Đông. Tuy chỉ cầm quyền trong ba năm, chế độ Khmer Đỏ đã để lại cho Kampuchea những tác hại mà có lẽ phải một thế kỷ mới khắc phục được.

Tình hình Kampuchea cũng đã có tác động nhiều trên chính trường Việt Nam. Chính nhờ cuộc xâm lăng Kampuchea mà tướng Lê Đức Anh, một nhân vật ít ai biết đến cho tới năm 1975, đã đột ngột vượt lên trong hệ thống quyền lực vì ông Lê Đức Anh đã chỉ huy chiến trường Kampuchea. Ông Lê Đức Anh trở thành chủ tịch nước với thế lực thực sự còn lớn hơn cả tổng bí thư đảng cộng sản Đỗ Mười. Ông đã dùng uy thế của mình để đỡ đầu cho tướng Lê Khả Phiêu, một người chưa phải là ủy viên trung ương đảng cho tới năm 1991, trở thành tổng bí thư đảng cộng sản sáu năm sau đó.

Bắc Kinh đàn áp dân chủ

Vào cuối tháng 12, chính quyền Bắc Kinh đã đàn áp thô bạo đối lập dân chủ. Những người đối lập dân chủ bị kết án nặng là những người đã đứng ra xin đăng

THỜI SỰ... TUYÊN TỨC... THỜI SỰ...

ký để thành lập Đảng Dân Chủ trước đó vài tháng. Điều làm các quan sát viên chú ý là việc đàn áp này xảy ra vào lúc kỷ niệm 50 năm của Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, vào dịp kỷ niệm lần thứ 20 chính sách mở rộng của ông Đặng Tiểu Bình (ở hội nghị lần thứ 3, khóa 11, ngày 18-12-1978) và vào lúc mà Bắc Kinh vừa ký, đầu tháng 10, Công Ước Quốc Tế về Quyền Dân Sự và Chính Trị.

Ba nhà dân chủ đối lập là ông Từ Văn Lập (Xu Wen Li) ở Bắc Kinh, ông Tần Vinh Mẫn (Qin Yong Min) ở Vũ Hán và ông Vương Hữu Tài (Wang You Cai) ở Hàng Châu. Họ bị chính quyền Bắc Kinh kết án 13, 12 và 11 năm tù ở với tội danh hàm hồ là có ý định "lật đổ chính quyền". Còn ông Trương Thiện Quang (Zhang Shan Guang), người đứng ra bảo vệ quyền lợi của những người thất nghiệp cũng bị 10 năm tù ở Hồ Nam. Theo Bắc Kinh, "tội" của ông là đã cung cấp cho đài Á Châu Tự Do tin tức về các cuộc nổi loạn của công nhân và nông dân ở tỉnh của ông.

Lý do làm cho chính quyền Bắc Kinh đàn áp đối lập dân chủ là vì Trung Quốc đang trải qua một khủng hoảng về kinh tế và xã hội. Mức tăng trưởng về kinh tế đã không đạt được, mặc dù đã giảm xuống 8%, trong khi chính sách điều chỉnh xí nghiệp quốc doanh đã làm hơn 15 triệu công nhân thất nghiệp. Ở nông thôn, thu nhập của nông dân bị giảm một cách đáng ngại. Biểu tình và bãi công đã xảy ra hàng ngày. Phạm pháp và tham nhũng mỗi ngày một trầm trọng. Chính quyền vì thế rất lo ngại là đối lập dân chủ có cơ hội kết tinh sự bất mãn của cả trăm triệu người trong quần chúng.

Sự đàn áp trên là một thú nhận về sự yếu kém của Bắc Kinh và nó cho phép các phe ngoan cố, bảo thủ có cơ hội ngóc đầu trở lại. Đối lập dân chủ Trung Quốc vì thế cũng trở nên cứng rắn hơn. Bắc Kinh gieo gió chắc chắn sẽ gặp bão trong những tháng sắp tới.

Ông Nguyễn Kinh Sinh gặp đối lập dân chủ Việt Nam

Nhân dịp sang Paris dự kỷ niệm 50 năm ngày công bố bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, ông Nguyễn Kinh Sinh đã gặp đối lập dân chủ Việt Nam ở Pháp ngày 11-12-1998 vừa qua. Cuộc gặp gỡ này do sáng kiến của ông Vũ Thư Hiên, tác giả quyển sách nổi tiếng "Đêm Giữa Ban Ngày", hiện nay bị nạn tại Pháp sau khi bị chính quyền Hà Nội vô cớ bỏ tù trong 9

năm. Trong cuộc gặp gỡ này có nhiều người Việt Nam khác, trong đó có ông Nguyễn Gia Kiểng, đại diện cho nhóm Thông Luận.

Tưởng cũng nên nhắc lại, ông Nguyễn Kinh Sinh sinh năm 1950 tại Bắc Kinh, xuất thân là người thợ điện. Năm 1966, khi còn là một học sinh trung học, ông tham gia tổ chức hồng vệ binh Liên Động, một tổ chức chống lại nhóm Cách mạng văn hóa chính thức của Mao. Bị bắt năm 1967, ông Nguyễn Kinh Sinh sau đó trốn về An Huy, quê hương của gia đình ông. Vào thời điểm này, ông đã dứt khoát với "tư tưởng" Mao Trạch Đông, mặc dù trước đó ông cũng như một số đồng học sinh khác đã bị ảnh hưởng. Trong hội nghị lần thứ 3 khóa 11 (18-12-1978), mà chính quyền Bắc Kinh vừa rầm rộ làm kỷ niệm lần thứ 20, Đặng Tiểu Bình quyết định chính sách mở rộng. Lợi dụng cơ hội "ngàn năm một thuở", đối lập dân chủ từ các nơi trong xứ kéo về Bắc Kinh làm bích báo dán trên tường Tây Đan, bên cạnh Trung Nam Hải, mà báo chí phương Tây gọi là "Bức tường dân chủ". Các bích báo chỉ trích sự lạm quyền của chế độ trong thời kỳ Mao Trạch Đông và đòi chính quyền phục hồi danh dự những người của đảng bị kết án oan như Bành Đức Hoài, Lưu Thiếu Kỳ, Đào Chú, v.v...

Riêng ông Nguyễn Kinh Sinh đã cho dán trên tường ngày 5-12-1978 bản tuyên ngôn "Hiện đại hóa thứ 5" đòi dân chủ hóa chế độ. Ông Đặng Tiểu Bình, một trong những nạn nhân của "cách mạng văn hóa", vừa được phục chức với chức vụ phó chủ tịch đảng và phó thủ tướng, không cho cấm những bích báo này vì chúng chống đối Mao và tập đoàn còn đang ở chính quyền như Hoa Quốc Phong (chủ tịch đảng) và Uông Đông Hưng (phó chủ tịch). Ông Đặng còn ngạo nghễ tuyên bố với chủ tịch Đảng Xã Hội Nhật, ông Sasaki Ryô như sau: "Dân chúng dán bích báo là chuyện bình thường, đó là dấu hiệu của sự ổn định chính trị ở Trung Quốc. Chúng tôi không có quyền phủ nhận hoặc chỉ trích sự biểu hiện dân chủ và các báo chí như này. Nếu dân chúng biểu lộ sự phản uất thì phải để cho họ thỏa thuê".

Nhưng khi chiến tranh giữa Việt Nam và Trung Quốc bùng nổ vào đầu năm 1979, một bích báo của Nguyễn Kinh Sinh với đề tựa: "Dân chủ hay chuyên chính mới" đích danh ám chỉ Đặng Tiểu Bình thì tức khắc cho cấm đoán. Ông Đặng không dung thứ mọi chỉ trích về ông

nhất là các bích báo chỉ trích sự thảm bại của quân đội Trung Quốc trong chiến tranh Việt Nam mà ông Đặng là người hăng say chủ trương. Ông Đặng lại càng không chấp nhận ông Ngụy chề bai tài năng quân sự của ông vì theo ông, ngoài Mao Trạch Đông (đã chết) không ai có thể vượt qua. Thế là ông Nguyễn Kinh Sinh bị kết án 15 năm tù ở với "tội danh" phản động chống nhà nước và làm tay sai cho nước ngoài (Việt Nam). Được thả ra vài tháng trước kỳ hạn năm 1993 vì Bắc Kinh muốn lấy lòng dư luận quốc tế trong việc tuyển chọn các thành phố đứng ra tổ chức Thế Vận Hội năm 2000. Thành phố Sydney (Úc) được tuyển chọn thay vì Bắc Kinh, ông Ngụy bị bắt trở lại và bị giam 3 năm trước khi bị trục xuất sang Mỹ hồi tháng 11-1997, dưới áp lực của dư luận quốc tế và nhất là của tổng thống Mỹ, ông Clinton.

Trở lại cuộc gặp gỡ với đối lập dân chủ Việt Nam, ngoài ông Nguyễn Kinh Sinh, còn có ông Thái Sùng Quốc (Cai Chong Guo), chủ tịch chi bộ Liên Bang Dân Chủ Trung Quốc ở Pháp, và bà Marie Holzman, chủ tịch Hội Liên Đối Trung Quốc và giáo sư Hán học ở Đại Học Paris 7.

Mặc dù thời gian eo hẹp vì còn phải tham dự hôm sau Hội nghị các người dân chủ Á Châu ở đại giảng đường Viện Quốc Tế Hành Chính, ông Nguyễn đã không ngần ngại gặp các chiến hữu Á Châu tranh đấu cho nhân quyền và tự do dân chủ. Cuộc đối thoại được diễn ra trong bầu không khí thân mật, cởi mở và bằng hữu. Tất cả mọi vấn đề được trao đổi từ quan điểm của ông Nguyễn về tình hình Trung Quốc và vấn đề Tây Tạng, Đài Loan đến việc thành lập chung một đại liên minh người Á Châu để tranh đấu cho nhân quyền và tự do dân chủ. Tất cả mọi người đều hoàn toàn đồng ý là Đảng Cộng Sản Trung Quốc là một đại họa cho các nước lân bang, từ Việt Nam, Lào, Kampuchea, Miến Điện đến Bắc Triều Tiên, Tây Tạng và Đài Loan. Ngày nào Trung Quốc còn do một đảng chuyên chính thống trị, các nước lân bang sẽ không có tự do dân chủ. Việc làm đầu tiên là phải đánh đổ chế độ độc tài Bắc Kinh. Dù không phải là nhà tiên tri, ông Nguyễn cho tình hình hiện nay ở Trung Quốc đã chín muồi, ông hy vọng cuộc đấu tranh của những người dân chủ Trung Quốc cùng với những người có tư tưởng tiến bộ trong đảng và nhà nước sẽ đưa đến thời kỳ chuyển tiếp tránh được mọi sự đổ

THỜI SỰ... TUYÊN TỨC... THỜI SỰ...

máu. Về Tây Tạng, ông Ngụy hoàn toàn đồng ý là người Tây Tạng có quyền tự quyết. Về Đài Loan, ông cho không phải là vấn đề chính yếu khi lục địa có tự do dân chủ.

Về việc ai đứng đầu trong đại liên minh, có nhiều ý kiến đưa ra giữa hai nhân vật được giải thưởng Nobel Hòa Bình, đó là Đức Đạt Lai Lạt Ma và bà Ang Sann Suu Kyi. Mọi người đều ý thức sự khó khăn của hai vị này vì một người là tu sĩ và người kia còn bị chính quyền quân phiệt Miến Điện quản thúc trong nước. Tuy nhiên mọi người đều đồng ý phải thành lập một đại liên minh người dân chủ Á Châu ngay, vì tiếng nói chung của người Á Châu sẽ có tầm quan trọng ở các hội trường quốc tế và với các chính quyền hiện hữu. Ông Ngụy cũng cho biết sau thời gian một năm, ông đã thành công thống nhất các hội đoàn người Hoa ngoài nước đấu tranh cho dân chủ.

Ông Ngụy cũng biểu lộ sự hân hoan vì đã gặp người bằng hữu cùng cảnh ngộ với ông là giáo sư Đoàn Viết Hoạt ở Hoa Kỳ cách đây một tháng và hai bên đã đồng ý làm việc chung. Trước khi chia tay, mọi người đều đồng ý sẽ tiếp tục gặp gỡ thường xuyên.

Hội nghị những người dân chủ Á Châu

Hội nghị những người dân chủ Á Châu là do sáng kiến của nhiều hội đoàn đấu tranh cho nhân quyền của Pháp với sự ủng hộ của Hội Ân Xá Quốc Tế và một số đại biểu quốc hội Pháp. Hội nghị được khai trương ngày 12-12-1998 ở đại giảng đường Viện Quốc Tế Hành Chánh với hơn 300 người tham dự, gồm đại biểu của các nước Trung Quốc, Việt Nam, Kampuchea, Miến Điện, Indonesia, Malaysia, Nam-Bắc Triều Tiên, Đài Loan, Tây Tạng, Đông Timor. Một số lớn từ nước họ đến, đặc biệt là ông Kang Chul Hwan, người gốc Bắc Triều Tiên đã bị tù 10 năm từ lúc 9 tuổi nay đã tìm tự do ở Nam Triều Tiên. Hai người tù nổi tiếng khác là bác sĩ Choe Drak bị giam giữ trong 19 năm ở Tây Tạng và ông Ngụy Kinh Sinh với gần 18 năm tù ở Bắc Kinh. Nếu ông Kang Chul Hwan (năm nay 24 tuổi) bị tù cùng gia đình thì hai nhân vật kia vào khám vì đấu tranh cho tự do dân chủ.

Chủ đề của hội nghị là "giá trị Á Châu và dân chủ". Các đại biểu phát biểu về tình trạng chính trị của xứ mình và quan điểm chung là nhân quyền còn bị

chà đạp và tự do dân chủ vẫn chưa có. Ở Trung Quốc, đối lập dân chủ vẫn còn bị trấn áp qua các cuộc bắt bớ và bị kết án nặng của những người đứng ra xin lập "Đảng Dân Chủ" Tình trạng kinh tế và xã hội mỗi ngày thêm khó khăn cho giới lao động với sự điều chỉnh xí nghiệp quốc doanh làm cả chục triệu người thất nghiệp trong khi những người giàu có ngày càng giàu thêm. Nguy cơ nổi loạn có khả năng xuất hiện. Ở Việt Nam, theo nghị định 31/CP chính quyền có thể bắt giam bất cứ ai trong 2 năm mà không cần xét xử trong khi còn 150 trại cải tạo trên toàn quốc. Trong năm qua nhiều cuộc nổi loạn đã xảy ra ở Thái Bình, Huế và Đồng Nai. Ở Miến Điện, bà San Suu Kyi, giải Nobel Hòa Bình, vẫn bị quản thúc trong việc đi lại và các chiến hữu của bà vẫn bị chính quyền trấn áp. Ở Tây Tạng, từ khi cuộc nổi loạn năm 1959 với sự ra đi của Đức Đạt Lai Lạt Ma, đã có hơn 1,2 triệu người Tây Tạng trên tổng số 6 triệu dân bị tử vong, nhiều ngàn đền chùa bị phá hủy. Song song đó, chính quyền Bắc Kinh cho người Hán ào ạt di dân vào với ý đồ đồng hóa người Tây Tạng. Tiếng Tây Tạng bị cấm không được giảng dạy ở các trường trung tiểu học, người dân không còn cách nào hơn là tìm đường trốn sang Ấn Độ ở Dharamsala, nơi lưu trú của Đức Đạt Lai Lạt Ma. Nhưng mọi người đều cho không phải là giải pháp hữu hiệu vì như thế sẽ không còn dân Tây Tạng nữa.

Bắc Triều Tiên là một xứ kinh khủng nhất, hiện tại còn có 150.000 tù nhân chính trị ở các trại lao động cải tạo. Nạn đói hoành hành trong những năm gần đây đã làm cả triệu người chết và đa số quần chúng thiếu dinh dưỡng. Những tù chính trị bị tra tấn dã man, bắt buộc phải thú tội. Những người trốn thoát bị bắt lại thì bị đem ra xử tử trước quần chúng, công an bắt dân chúng phải ném đá vào những xác chết cho đến khi xương cốt bị lòi ra và đập nát. Chưa bao giờ có một chế độ dã man đến như vậy. Ở Indonesia, chế độ độc tài gia đình trị của Suharto trong ba thập niên đã làm cho quần chúng điêu đứng sau cuộc phong bão về tiền tệ cách đây hơn một năm. Tuy chế độ đã bị sụp đổ nhưng nhân dân Indonesia vẫn chưa có tự do dân chủ vì ông Habibie, người thừa kế Suharto, vẫn bám víu chính quyền. Tại Malaysia, mặc dù dân chủ đã có trong nhiều thập niên nhưng trong những tháng gần đây chính quyền đã khống chế quyền tự do báo chí và trấn áp đối lập. Ở

Kampuchea, chế độ diệt chủng của Pol Pot đã làm 2 triệu người thiệt mạng, chiến tranh giữa các phe phái sau đó đã làm xứ Kampuchea kiệt quệ. Nhân quyền vẫn còn là không được tôn trọng và tự do dân chủ chỉ mới chập choạng ở bước đầu. Qua phát biểu của các đại biểu những người dân chủ Á Châu, nhân quyền và tự do dân chủ còn phải qua đoạn đường dài.

Về "giá trị Á Châu", đa số đại biểu đều đồng ý là thuyết này đã do những người hăm mộ độc tài đề xướng. Họ biện minh phát triển kinh tế theo thuyết này để bóp chẹt các tự do dân chủ. Ngày nay họ đã lộ nguyên hình từ khi phong bão tiền tệ ở Á Châu xảy ra. Theo ông Ngụy Kinh Sinh, thuyết "giá trị Á Châu" chỉ thịnh hành ở Âu Mỹ trong khi ở Á Châu ít người biết đến. Do đó những người Âu Mỹ bị lừa gạt và không góp đỡ những người Á Châu đấu tranh cho tự do dân chủ. Mọi người đều đồng ý chỉ có tính chất phổ quát về nhân quyền và hoàn toàn phủ nhận "giá trị Á Châu".

Đến lượt các đại biểu quốc hội Pháp phát biểu. Họ cho các chính quyền phương Tây hèn nhát đã hy sinh nhân quyền để đổi chác một vài hợp đồng thương mại với những nước vẫn còn ngang nhiên chà đạp nhân quyền. Trách nhiệm của họ không nhỏ. Đại biểu quốc hội của trường phái môi sinh, Noël Mamère đề nghị các đại biểu và hội trường sẽ gặp lại ở Paris ngày 4-6 năm tới để tưởng niệm 10 năm sự kiện Thiên An Môn.

Tất cả hội trường hoan nghênh vỗ tay tán đồng. Ông chủ tịch tổ chức hội nghị đọc tuyên ngôn cuối cùng do những người dân chủ Á Châu cùng ký trước khi chia tay trong bầu không khí bằng hữu.

Trần Độ viết về mình

Cựu trung tướng Trần Độ đã là người gây thảo luận sôi nổi nhất trong năm 1998 sau bài nhận định của ông về hiện tình đất nước và vai trò của đảng cộng sản. Mùa thu năm nay, ông vào Nam thăm gia đình và suy nghĩ thêm về đất nước và sự nghiệp của chính mình. Miền Nam là nơi ông đã trải qua quãng đời hoạt động quan trọng nhất. Ông đã là phó chính ủy quân đội cộng sản Việt Nam từ 1966 đến 1974, nghĩa là giai đoạn chiến tranh khốc liệt nhất. Chức vụ phó chính ủy của ông thực ra là chức vụ đứng đầu quân đội bởi vì lúc đó ông Phạm Hùng là bí thư kiêm chính ủy chỉ huy tất cả mọi hoạt động của cộng sản tại miền Nam với hai phụ tá, một về

THỜI SỰ... TUA TỨC... THỜI SỰ...

chính trị là ông Nguyễn Văn Linh với chức vụ phó bí thư, một về quân sự là Trần Độ với chức vụ phó chính ủy.

Trở lại Hà Nội, ông Trần Độ công bố lần lượt hai bài viết cùng một đề tài là *Một Cái Nhìn Trở Lại*. Trong bài *Một Cái Nhìn Trở Lại*, bài I, ông thuật lại diễn biến tư tưởng của mình từ lúc bắt đầu có ý thức giai cấp, rồi học hỏi chủ nghĩa Mác Lênin, trở thành người làm công tác chính trị trong quân đội, đến khi tự đặt cho mình những câu hỏi và tự tìm ra những câu trả lời về chủ nghĩa cộng sản mà suốt cuộc đời hoạt động ông đã ôm ấp. Kết luận của ông là Việt Nam phải có dân chủ. Ông nhắc lại nhiều lần điệp khúc "dân chủ, dân chủ, dân chủ". Nhưng dân chủ như thế nào thì Trần Độ chưa đi vào chi tiết, ông chỉ nhấn mạnh những quyền tự do căn bản như ngôn luận và báo chí.

Trong bài *Một Cái Nhìn Trở Lại*, bài II, ông thuật lại các giai đoạn cụ thể của đời mình, từ lúc tham gia đảng cộng sản đến lúc trở thành một cấp chỉ huy lớn, rồi làm công tác văn hóa tư tưởng và cuối cùng thất sủng. Tâm sự nổi bật của *Một Cái Nhìn Trở Lại* là một sự thất vọng, vì đã đánh đổ một chế độ để chỉ thiết lập một chế độ còn tồi tệ hơn.

Giá trị của hai bài viết là sự giản dị và thành thực, làm người đọc nhiều khi cảm động. Hai bài viết này, mỗi bài đều dài gần 20 trang, gần giống như một hồi ký nhưng không phải là một hồi ký, vì *Một Cái Nhìn Trở Lại* không kể chi tiết mà chỉ chú trọng đến những diễn biến trong nhận thức của mình. Tác dụng chính của nó là tạo ra một suy nghĩ lành mạnh, trước hết cho các đảng viên cộng sản, về quá khứ gần, hiện tại và tương lai của đất nước. Người đọc có thể ngạc nhiên về cách hành văn chính xác và gợi cảm của ông. Trần Độ cho biết ông sẽ còn tiếp tục viết tiếp.

Gia đình Hà Sĩ Phu bị hành hung

Ngày 31-10-1998, một thanh niên say rượu đã bất thành lĩnh xông vào quán bán tạp hóa của vợ chồng Hà Sĩ Phu hành hung người cháu của hai ông bà lúc đó đang coi tiệm. Người cháu bỏ chạy. Gã thanh niên bỏ sang ngồi quán bán bia trước mặt cùng với những công an đóng chốt canh giữ Hà Sĩ Phu. (Hà Sĩ Phu bị quản chế từ tháng 9-1997 nên luôn luôn có công an đóng chốt trước cửa nhà cấm mọi thăm viếng, ông Hoàng Minh Chính

đã từng lên Đà Lạt hồi đầu năm nay thăm Hà Sĩ Phu nhưng bị chặn không cho vào).

Nhưng tin có lộn xộn, vợ chồng Hà Sĩ Phu ra tiệm xem tình hình thì gã thanh niên từ quán bia đối diện xông tới. Chị Thanh Biên, vợ Hà Sĩ Phu, tới trước mặt hấn ân cần nói: "Bác chẳng biết có chuyện gì nhưng cũng xin lỗi cháu" thì bị hấn đánh, may nhờ người hàng xóm can thiệp nên không bị thương tích nặng. Gã thanh niên lại trở về quán bia bên kia đường trò chuyện cùng với đám công an.

Vợ chồng Hà Sĩ Phu sau đó đóng cửa tiệm và trở về nhà. Nhưng gã thanh niên lại xông tới đập phá cửa tiệm rồi quay trở về quán bia đối diện. Khi hai vợ chồng Hà Sĩ Phu trở lại xem thiệt hại thì hấn lại nhảy ra đánh chị Thanh Biên vì chị Thanh Biên đi trước chồng. Cũng nhờ hàng xóm tới can thiệp nên chị Thanh Biên không bị thương tích nặng. Gã thanh niên lại trở về quán bia trước mặt ngồi nhậu. Sau đó công an mặc sắc phục do hàng xóm báo động mới tới lập biên bản. Gã thanh niên này là con của tổ phó an ninh khu phố và em của đội trưởng tự vệ.

Từ ngày ở tù ra, tháng 12-1996, vợ chồng Hà Sĩ Phu đã trải qua nhiều vất vả. Họ thường xuyên nhận được lệnh đuổi nhà dù chưa bị trục xuất thực sự, và lại họ cũng không biết đi đâu. Một số cán bộ đảng viên ở bên cạnh còn liên tục nhiếc mắng Hà Sĩ Phu là bậy bạ, phản bội. Họ còn bịa cả chuyện Hà Sĩ Phu hăng hái viết bài gởi ra nước ngoài là vì ăn lương của bọn phản động hải ngoại. Vợ chồng Hà Sĩ Phu cố gắng nhịn nhục cho qua. Cũng may phần lớn bà con lối xóm là những người quý mến vợ chồng Hà Sĩ Phu nên vẫn thường an ủi họ.

Tại sao Hà Sĩ Phu lại bị thù ghét hơn hẳn Bùi Minh Quốc và Bảo Cự trong khi ông là người hiền lành nhất trong số ba người thuộc "nhóm Đà Lạt" đang bị quản chế? Có lẽ vì những bài viết của Hà Sĩ Phu, tuy ít, nhưng thâm hơn và đau hơn cho chế độ và những người lãnh đạo. Hà Sĩ Phu thường làm những câu đối, được giới trí thức loan truyền một cách thích thú.

Mới đây ông làm tặng Bùi Minh Quốc một vế đối như sau:

"Minh minh quốc, cầm minh quốc bất minh, minh nhật kê minh, minh quốc phục"

(Đất nước tối tăm, bắt (Bùi) Minh Quốc là mù quáng, ngày mai khi gà gáy sáng, (Bùi) Minh Quốc sẽ được phục hồi).

Câu đối này được ông Từ Mai đối lại như sau:

"Tụ tụ xuân, cấm tụ xuân kiên tụ, tụ thời nhân tụ, tụ xuân quang"

(Kết tụ mùa xuân lại, cấm đoán (Nguyễn) Xuân Tụ (tên thật của Hà Sĩ Phu) chỉ làm cho kết hợp mạnh hơn, đến giờ kết hợp mọi người sẽ hợp lại, (Nguyễn) Xuân Tụ sẽ vinh quang).

Ông Lô Sơn còn đối một cách học hiêm hơn:

"Khả khả phiêu, triệt khả phiêu tất khả, khả kỳ nhi khả, khả phiêu vong"

(Rất có thể văng bay, hạ (Lê) Khả Phiêu chắc chắn là được, có thể hện nhau lúc (Lê) Khả Phiêu đổ).

Đọc giả có thể xem những câu đối này và nhiều câu đối và thơ hưởng ứng Hà Sĩ Phu trên Web Thông Luận (<http://www.thongluan.org>).

Mặc dầu những vế đối này là của những người có thực (cả Từ Mai lẫn Lô Sơn đều là bút hiệu của những nhà văn có tên tuổi tại hải ngoại), nhưng rất có thể là chính quyền Hà Nội nghĩ rằng chính Hà Sĩ Phu vừa ra câu đối vừa tự đối để chọc quê chế độ và tướng Lê Khả Phiêu.

Leo thang khủng bố

Giữa lúc nhiều tiếng nói dân chủ Việt Nam trong và ngoài nước cũng như nhiều tổ chức dân chủ trên thế giới đang đòi bãi bỏ nghị định 31/CP (do ông Võ Văn Kiệt ban hành tháng 5-1997 cho phép công an đơn phương đặt mọi công dân trong tình trạng quản chế) thì chính quyền cộng sản lại ban hành thêm một nghị định còn hung bạo hơn nhiều.

Nghị định 89/CP do ông Phan Văn Khải ban hành ngày 7-11-1998 cho phép mỗi công an cấp huyện và mỗi bộ tư lệnh quân đội cấp tỉnh được phép lập một trại tạm giam; mỗi công an cấp tỉnh và mỗi bộ tư lệnh cấp quân khu hay quân đoàn được thành lập hai nhà tạm giam. Nghị định này không ấn định số người tối đa trong mỗi trại tạm giam là bao nhiêu và cũng không qui định thời gian "tạm giam" là bao lâu. Như vậy có nghĩa là công an từ cấp huyện trở lên có quyền bắt giam bao nhiêu người tùy ý và giam giữ trong thời gian tùy tiện.

Tính hung bạo của nghị định này còn được bộc lộ ở chỗ nó cho phép cả các đơn vị quân đội cũng có quyền bắt và giam giữ thường dân. Không biết ngoài Việt Nam ra trên thế giới còn nước nào có tình trạng quái đản như vậy không?

THỜI SỰ...TỌA TỨC...THỜI SỰ...

Hồ sơ dẫn độ tướng hồi hưu

Augusto Pinochet

Ngày 16-10-98 trong một bệnh viện ở Luân Đôn, nhà đương cuộc Anh đã tới bắt giữ tướng Augusto Pinochet, 82 tuổi, cựu quốc trưởng nước Chí Lợi (Chili) và hiện vẫn còn là thượng nghị sĩ tại chức của nước này. Tướng Pinochet đã bị bắt, tiếp theo lời thỉnh cầu của hai thẩm phán Tây Ban Nha Baltasar Garzon và Manuel Garcia Castellon muốn mở cuộc thẩm vấn người cựu quốc trưởng Chí Lợi về 3 tội "diệt chủng, khủng bố và xúi dục tra tấn". Hai thẩm phán nói trên đồng thời đã làm thủ tục yêu cầu dẫn độ tướng Augusto Pinochet cho chính phủ Tây Ban Nha xét xử về tội chống nhân loại.

Giới quan sát chính trị ở Anh, Chí Lợi, Tây Ban Nha cũng như ở Pháp, Đức v.v... đều cho rằng vụ Pinochet sẽ rất khó giải quyết vì nó là một mớ bòng bong về mặt pháp lý. Đã vậy, dân chúng ở cả hai phía bên và chống Pinochet đã ồn ào gây áp lực dưới nhiều hình thức. Mỗi bên đều viện dẫn nhiều lý lẽ để bên vực quan điểm của mình. Người ta nhận thấy gia đình các nạn nhân của tướng Pinochet, các tổ chức thuộc phe tả thân Salvador Allende bị Pinochet đảo chính năm 1973 đã liên kết với nhau tìm đủ cách để nắm lấy cơ hội đòi đem Pinochet ra xét xử.

Chính phủ Chí Lợi chỉ trích mạnh mẽ việc nhà đương cuộc Anh bắt giữ tướng Pinochet, coi đó là một hành động vi phạm quyền bất khả xâm phạm về ngoại giao mà tướng Pinochet được hưởng với tư cách thượng nghị sĩ tới Anh vì công vụ, mang thông hành ngoại giao. Chính quyền Anh thì cứng rắn bên trong nhưng mềm dẻo bên ngoài. Tất cả đều chờ đợi quyết định của Tòa Án cấp cao Luân Đôn. Ngày 28-10-98 Tòa Án này đã tuyên bố lệnh bắt giam tướng Augusto Pinochet "bất hợp pháp" và đã hủy bỏ lệnh này vì theo Tòa Án này thì tướng Pinochet được hưởng quyền "bất khả xâm phạm".

Biện lý cuộc Luân Đôn đã chống án và ngày 25-11-1998, Viện Quý Tộc đã xử lại rằng tướng Pinochet không được hưởng quyền "bất khả xâm phạm". Như vậy là chính phủ Tony Blair không còn gặp trở ngại trong việc xét đơn xin dẫn độ của chính phủ Tây Ban Nha. Nhưng chính đương sự, tướng Pinochet, cũng như chính quyền Chí Lợi đã kháng cáo bản án khất khảo (3 phiếu thuận, 2 phiếu

chống) này của Viện Quý Tộc.

Tướng cũng nên nói thêm một vài điều về vấn đề dẫn độ. Tất nhiên dẫn độ là một hình thức hợp tác giữa hai quốc gia để chuyển giao cho nhau một người hoặc đã được xét xử hoặc sẽ bị xét xử về một tội phạm thường, không phải là tội phạm chính trị. Điểm đặc biệt là tuy vậy giữa hai quốc gia, dẫn độ lại chỉ là một vấn đề ngoại giao, không phải là một vấn đề thuần túy tư pháp. Do đó việc dẫn độ chỉ thực hiện giữa những quốc gia có ký kết với nhau những thỏa hiệp về dẫn độ mà thôi. Không có việc "dẫn độ đương nhiên". Trong vụ Pinochet, nhiều quốc gia cùng một lúc đòi chính phủ Tony Blair dẫn độ là tại vì giữa những quốc gia này có "Công ước châu Âu" về dẫn độ. Phút chót, điều mọi người có vẻ không chờ đợi đã đến! Viện Quý Tộc do sự kháng cáo của tướng Pinochet, đã hủy bỏ phán quyết ngày 25-11-1998 của mình vì lý do vi phạm phán quyết ngày 25-11-98 bỏ phiếu truất quyền bất khả xâm phạm của tướng Pinochet có những liên hệ mật thiết với Amnesty International, một tổ chức không có thiện cảm với tướng Pinochet. Vì vậy, phiếu của ông đã bị chỉ trích là không khách quan, là đã thiên vị. Cho nên Viện Quý Tộc đã không ngần ngại, tự hủy bỏ phán quyết ngày 25-11-98 của mình để xét lại về nội dung. Phán quyết mới này dành lại việc xét xử nội dung là quyền bất khả xâm phạm của tướng Pinochet. Một thành phần phúc thẩm mới của Viện Quý Tộc sẽ được triệu tập để xét lại phán quyết ngày 28-10-98 của Tòa án cấp cao thành phố Luân Đôn công nhận cho tướng Pinochet được hưởng quyền bất khả xâm phạm.

Từ nay tới đó, yêu sách đòi dẫn độ tướng Pinochet sẽ sút giảm cường độ vì lòng phục hận của phe tả bị phe hữu cũng như phe tả không cộng sản chặn đứng. Nếu muốn ngược dòng lịch sử đặt vấn đề trừng trị "tội ác" của độc tài thì người ta cũng có thể giữ lại "hồ sơ đen" thời Staline, Mao, Hồ, Fidel Castro v.v... Nhưng không ai muốn đi quá xa như vậy. Và người ta chờ đợi một phán quyết mới rất "chùng mực" của Viện Quý Tộc Anh.

Giáo sư Đoàn Viết Hoạt lên tiếng đòi "giải thể" chế độ tập quyền chuyên chế tại Việt Nam

Để đánh dấu việc bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền được công bố đã

50 năm, rất nhiều tổ chức Việt Nam và quốc tế tranh đấu cho nhân quyền (9 về phía Việt Nam, 9 về phía quốc tế) đã họp mặt chiều ngày 4-12-98 tại sảnh đường Cannon của Thượng Viện Hoa Kỳ để nhận định về thực trạng nhân quyền hiện nay, đặc biệt tại các nước ở châu Á.

Rất nhiều diễn giả Việt Nam đã lên diễn đàn của sảnh đường để trình bày quan điểm của tổ chức mình về vấn đề nhân quyền. Giáo sư Đoàn Viết Hoạt của Việt Nam được coi là diễn giả then chốt. Ông Hoạt đã phát biểu bằng hai thứ tiếng, bắt đầu bằng tiếng Anh sau bằng tiếng Việt. Ông giới thiệu và đọc một bản Tuyên bố ông soạn sẵn để "vinh danh những người đang tranh đấu cho tự do dân chủ ở Việt Nam". Nhưng ý kiến mạnh mẽ nhất - đồng thời cũng mới nhất - của ông Hoạt, đó là: "Giải thể chế độ cộng sản hiện nay và thay thế bằng một chế độ dân chủ trong một xã hội dân sự tự do, dân quyền và nhân quyền được tôn trọng là một việc làm cần thiết". dịp này, ông Hoạt còn nói thêm rằng "Đảng cộng sản Việt Nam đang là trở ngại lớn nhất cho việc xây dựng một nước Việt phần vinh và thái bình".

Ông Phạm Huy Ty, cựu đại sứ Việt Nam và hiện là chủ tịch Tổ chức yểm trợ Cao trào Nhân Bản trong lời phát biểu của mình, đã tiếp vận lời tuyên bố của một người tù lương tâm Việt Nam rất nổi tiếng, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, theo đó, ngày nào còn vi phạm nhân quyền tại Việt Nam, ông vẫn tiếp tục chiến đấu để dân chúng Việt Nam được hưởng mọi quyền tự do cơ bản của con người. Trong số nhiều diễn giả Việt Nam người ta nhận thấy có ông Trần Tử Thanh, chủ tịch Ủy ban Helsinki, cơ quan đã đứng ra phối hợp việc tổ chức cuộc họp tại sảnh đường Cannon, ông cựu thẩm phán Nguyễn Cao Quyền, ông Phan Vỹ v.v... Về phía người ngoại quốc, có tiến sĩ Lyn Neylon, Giám đốc Human Rights USA, ông James Silk, Giám đốc Trung tâm Human Rights của tổ chức Robert Kennedy Memorial Fund, ông Xiao Qiang, cựu lãnh tụ sinh viên trong phong trào Thiên An Môn và hiện là Giám đốc Trung tâm Human Rights in China và đại diện của ông Harry Wu, nhà hoạt động nhân quyền nổi tiếng của Trung Quốc hiện nay v.v... Ngoài ra còn có mặt các đại biểu các tổ chức tranh đấu Miến Điện, Tây Tạng, Mã Lai... /.

Thư Hà Sĩ Phu

LTS. Chúng tôi mới nhận được bức thư của Hà Sĩ Phu gửi ông Hoàng Minh Chính, trong đó tác giả, với thái độ của kẻ sĩ, có nhắc đến việc ông bị bôi nhọ và gia đình bị công an hành hung. Xin trân trọng giới thiệu cùng độc giả.

Kính gửi bác Hoàng Minh Chính

Trước hết xin hỏi thăm sức khỏe bác cùng gia đình. Sau nữa xin bộc lộ với bác một tâm sự riêng, rất riêng thôi. Những lần nhận được quà bác gửi cho, tất nhiên tôi rất vui vì qua những dòng thư bác viết, tôi được chia sẻ những tình cảm quý mến mà những người hiểu biết và có nhân cách nhất đã dành cho anh em chúng tôi, những người tạm bị cách ly khỏi cuộc đời thường với cả một khí quyển thông tin sôi động. Nhưng việc nhận quà lặp lại nhiều lần khiến tôi băn khoăn. Bằng linh cảm, tôi e rằng đã xảy ra điều này: có thể các anh em bạn hữu, những vị cách mạng lão thành... đã vì quý, vì thương chúng tôi, mà góp tiền giúp đỡ? Có phải thế không bác Chính? Nếu thế thì không được! Tất cả những người như chúng ta, phần lớn cuộc đời đã quen với sự túng thiếu và không yên ổn về vật chất, nay ở tuổi hưu thì nhu cầu vật chất ấy lại càng ít đi. Cả người giúp và người được giúp đều không sẵn tiền và đều không cần nhiều tiền làm gì. Hơn nữa chúng ta đang sống trong một môi trường cực kỳ đặc biệt: Rất nhiều kẻ đã quen cướp không của dân tiền triệu, tiền tỷ; quen gấn bạc tỷ với những điều phi nghĩa... thì chính những kẻ ấy luôn rình xem những người như chúng ta có được ai tặng cho chút tiền bạc nào không? Để rồi vu cho ta đủ mọi tiếng xấu trên đời (dù chỉ là những món tiền không đáng để puốc-boa cho người gác cổng một đêm hành lạc của họ). Giống như trước đây những kẻ độc quyền sa đọa tình ái lại hay cho tay chân đi rình xem các cặp yêu nhau có hôn nhau không để bắt về kiểm thảo. Bác thử tưởng tượng xem, những bài lý luận triết học và xã hội học mà tôi vớt ra từ cả cuộc đời đắm chìm suy nghĩ của mình, sẵn sàng đổi bằng cuộc sống của mình, mà họ nói một cách tỉnh bơ rằng: Hà Sĩ Phu viết thuê những bài ấy cho bọn phản động để mỗi tháng được trả công... 50 đôla! (Tôi xin viết lại bằng chữ là năm mươi đôla!). Có người còn giở luận-điệu: nếu bọn phản động lên nắm chính quyền thì ông Tự ông Quốc liệu có giành nổi một chức bộ trưởng

không mà cứ rối lên! Tôi không buồn giải thích, mà chỉ thương thay cho họ - thế giới sống của họ là vậy! Nhưng họ là gì không quan trọng, vấn đề là do sự độc quyền thông tin ấy mà nhiều người lương thiện cũng hiểu sai đi! Vì sao mà những lời tâm huyết đáng trân trọng như bài của trung tướng Trần Độ, của tiến sĩ Phan Đình Diệu, tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang... mà người ta có thể dễ dàng qui ngay thành những "lập trường bậy bạ"? Bởi vì, trong cuộc "tổng khủng hoảng nhân cách" hiện nay, nhân cách là thứ rất ít gặp, thậm chí là chuyện hoang đường còn những ý nghĩ tầm thường và bản thủ (nhẹ nhàng nhất thì cũng là sự thờ ơ và "phải đạo") thì phổ cập như một thứ mùi phải có để các con kiến nhận nhau là đồng loại, nó có giá trị như một thứ giấy thông hành, như một thứ chứng chỉ làm người... không phản động! Người không phản động thì ít nhất cũng được sinh sống bình thường, được quyền khinh và hành hạ những "kẻ phản động", từ đây đến nạn Hồng vệ binh cũng chẳng cách nhau bao xa(1)! Nhiều tác phẩm văn học và sân khấu đã tỏ ra phê phán hết sức mạnh mẽ, tỏ ra công bằng, tỏ ra nhân bản và có hậu, tìm được lối thoát, thỏa lòng mọi người, có khi lại rất "hoành tráng" nữa... nghĩa là không chèn vào đâu được, vậy mà người tinh ý vẫn nhận ra đây là "đồ rơm", chỉ là "điểm" một cách rất có nghề chứ chẳng có tầm vóc gì. Cái lưu manh hiện đại và cái nhân cách thật đầu có diện mạo bên ngoài na ná giống nhau, thì vẫn có cái hồn bên trong khác nhau một trời một vực! Gốc rễ là vì, con đường thoát của nhân cách đang bị một bức tường bê tông chặn lại, bậc thang nhân cách không được trải ra và phân định thuận chiều nhân bản và thuận lẽ tự nhiên. Thế là đường tắc, mọi thứ ùn lại và quay cuồng, lộn tùng phèo, thang giá trị lộn ngược. Nhân lúc nhá nhem người ta trà trộn, chơi hội giả trang với nhau, để vừa mua vui vừa tranh nhau kiếm chác, để tìm lối đi cho mình và thực hiện "công việc" của mình. Trong tình trạng ấy, nhiều khi ta phải tránh xa thôi. "Tấm lòng trinh bạch" mà còn chừa được thì tấm lòng giúp nhau về khó khăn kinh tế

cũng tạm chừa được bác ạ... Các bác nghe tôi, hãy cứ tạm chừa đi cái đã, nhất định tốt hơn! Ở đây, tôi chưa muốn sa vào cái lĩnh vực nhức nhối quá lớn lao này, nhưng nói ra như vậy chỉ để bác thấy tâm sự thật của tôi, để cùng tránh những phiền toái có thể tránh được. Tôi chỉ có thể bộc lộ tâm sự của riêng mình, không thể nói thay cho anh Quốc, anh Cự, vì đã lâu lắm chúng tôi không thể gặp nhau, ngay cả thực trạng đời sống của nhau cũng không thể nắm được. Tất nhiên, thỉnh thoảng các bác gửi cho một cuốn sách cần đọc (như cuốn Dự báo TK21 bác mới gửi) thì tốt quá rồi. Hiện nay, người cầm bút có nhân cách thì nhất định thấy mình đối tự do. Riêng ba người Đà Lạt chúng tôi thì sự "đối" ấy lại càng cồn cào lắm, giữa một thế giới âm áp những thông tin, âm áp những "thức ăn" tinh thần, thế mà cả chút tự do còn rất "khiêm tốn" cũng bị cái 31/CP vét sạch. Nạn "đối" này đang làm những người như chúng ta vật vờ, trong khi có nhiều kẻ đang được ban phát tự do một cách hào phóng đến bội thực! Đúng như có lần bác nói: người trí thức bị mất tự do thì coi như chết rồi. Ngoài sự cứu "đối tự do" khẩn thiết này, tôi thiết nghĩ chúng ta không thiếu gì cả! Viết thư cho bác mà phải nói về một việc riêng của mình, thật là cực chẳng đã, nhưng ngồi thu lu trong nhà một mình với tâm trạng băn khoăn như thế này, tôi chẳng biết làm thế nào để phòng trước những điều phiền toái. Với tấm lòng ân tình, tôi xin nhờ bác chuyển tới những người anh, người chị lão thành, cùng tất cả bạn bè thân hữu lời trần tình của tôi để mọi người "nghiên cứu" lại.

Đà Lạt tháng 11 năm 1998

Kính thư
Hà Sĩ Phu

(1) Hôm 31.10.98 vừa qua gia đình tôi vừa bị một cuộc hành hung vô cớ, nhưng do tự kiểm chế và có những người tốt chặn tay kẻ gây rối, nên chỉ nhà tôi bị đau, cửa quán bị phá và tủ kính bị đập vỡ thôi! Trong khi các vị an ninh lúc nào mà chẳng kẻ kẻ bên cạnh. Chuyện vô lý như chuyện trẻ ranh, và lộn xộn như loạn kiêu binh thời Lê mạt Nguyễn sơ vậy!

Mục lục
Xin xem trang 18